

PHƯƠNG ĐÔNG

TRẦN TIỀN HY — NG. BÁT TUY
KIM ĐỊNH — NGUYỄN VĂN THỌ
NGHIÊM TOÀN — NGUYỄN VĂN BA
SIÊU THIÊN — HOÀNG VĂN ĐỨC
HÙNG LÂN — HOÀNG SỸ QUÝ
GIẢN CHI — HOÀNG MỘNG LƯƠNG
NHẬT THANH — NGUYỄN HIỀN LÊ
THÁI V. KIÊM — NGUYỄN BÁ LĂNG
TRẦN V. QUÊ — ĐỖ BẰNG ĐOÀN
TRẦN T. SAN — NGUYỄN V. HẦU
ĐỖ Q. CHÍNH — ĐINH V. TRUNG

NGUYỆT - SAN
THÁNG 10
NĂM 1973

Số 28

Nguyệt San **PHƯƠNG ĐÔNG**

Số 28 ngày 2 tháng 10 năm 1973 — QUÝ SỬU

Quyền Chủ Nhiệm : TRẦN-QUÝ-THÁI — Chủ biên : LƯU-TRUNG-KHẢO

NỘI DUNG

1. Tinh túy Đạo Nho	KIM ĐỊNH	— 243
2. La pharmacopée dans la médecine traditionnelle chinoise (suite)	NGUYỄN BÁ TƯỚC	— 250
3. Câu chuyện Đông Y (tt) . . .	NGUYỄN KHẮC MINH dịch SIÊU - THIÊN nhuận sắc	— 251
4. Các bản thảo đời Minh . . .	TRẦN-VĂN-TÍCH	— 263
5. Rau trường thọ	ĐỖ ĐÌNH TUÂN	— 270
6. Hội Đồ-sơn với tục chơi trâu .	TOÀN-ÁNH	— 276
7. Con người Việt Nam trong tương giao xã-hội qua việc phân tích tiếng nói (tt)	ĐÌNH-VĂN-TRUNG	— 282
8. Hành hương Tây Trúc Mới (tt)	HOÀNH-SƠN	— 286
9. Giáo dục mới (tt)	HOÀNG-VĂN-ĐỨC	— 291
10. Tham thiền	KRISHNAMURTI	— 295
11. Bạn đọc góp ý :		
— Hát bội hay hát bộ	TÔN-THẮT-BÌNH	— 301
— Tên vở tuồng Tiết Cương chống búa	THÂN-VĂN	— 306
— Về cái khó của Nhật ngữ . .	NGUYỄN-TẤN-NHIỀU	— 308
12. Động Hoa Vàng (thơ)	PHẠM-THIÊN-THU	— 312
TIN TỨC — HỘP THƯ — SÁCH BÁO NHẬN ĐƯỢC		

VIỆT NAM • PHƯƠNG ĐÔNG • THỜI ĐẠI • THẾ GIỚI • ĐẠO GIÁO

BÁO QUÁN : 161, Yên-Đồ, SAIGON — Đ.T. : 24.592 — H.T. : 2094

Nguyệt san **PHƯƠNG ĐÔNG**

161, Yên-Đồ Saigon — H.T. 2094 — Đ.T. 24 592

GIÁ BÁO

Mỗi số	120đ
Công sở	giá gấp đôi
Một năm	1300đ
Một năm (độc giả sinh viên)	1150đ
Một năm độc giả ân nhân	3000đ sắp lên

Cao nguyên và miền Trung (từ Đà-lạt trở lên) thêm 150đ cước phí máy bay một năm. Ngoại quốc : thêm 350đ cước phí đường thủy một năm.

Ai tìm được 7 độc giả dài hạn 1300đ, hoặc 10 độc giả dài hạn 1150, sẽ được thưởng một năm báo.

Một số báo mất, xin báo tin và trả một nửa tiền báo và tiền bưu phí, Tòa báo sẽ gửi bù.

CÁCH TRẢ TIỀN

1) Ngân phiếu và bưu phiếu, đề cho :

Cô Đỗ thị Phương, PHƯƠNG ĐÔNG

161, Yên Đồ, Saigon, H.T. 2094

2) Đến ty bưu điện, trả qua Trương Mục Bưu Điện :

Saigon T/M 2790, Tạp chí PHƯƠNG ĐÔNG

161, Yên Đồ, Saigon

ghi địa chỉ và lý do

3) Công sở, có thể gửi trả vào Trương Mục Tổng Ngân khố V.N.

Saigon T/M 57070, Tạp chí PHƯƠNG ĐÔNG

161, Yên Đồ, Saigon

GIÁ BIỂU QUẢNG CÁO

1 trang quảng cáo ân nhân	:	12.000 đ
1 trang quảng cáo thân hữu	:	7.000 đ
1/2 trang trong 1, mỗi kỳ	:	2.500 đ
1/4 trang trong 1, mỗi kỳ	:	1.300 đ
Trang bìa mặt sau 2 màu (nhiều kỳ liên tiếp)	:	14.000 đ
Trang bìa mặt sau 1 màu	:	10.000 đ
6 kỳ liên tiếp sắp lên	:	bớt 20 phần trăm

Quản lý :

ĐỖ-THỊ-PHƯƠNG

Thư ký tòa soạn :

LÊ-THÀNH-CHUNG

Xuất bản :

PHẠM-ÍCH-ÁNH

Phân phối :

TRẦN-ANH-HÙNG

TINH TÚY ĐẠO NHO

● KIM ĐỊNH

1— Xếp loại.

Trong quyển Lạc-Thư-Minh-Triết (tr. 55-55) tôi định nghĩa nho bằng quẻ nhu mà then chốt là đức *tự tín* gọi là « hữu phu » = tin đến độ coi người là nền tảng cho đạo sống, nhưng không là nền tảng cô tịch mà là nền tảng thái hòa : hòa với trời với đất. Vì thế tự dạng chữ nhu có nghĩa là người dọi mưa. Ý nói là người cùng với đất trời tác hợp. Vì thế đạo lý nền móng của nho là « *thiên nhân tương dưỡng* » hoặc nói như sách Pháp ngôn : « thông thiên địa nhân giả viết nho » = Nho gia là người quán thông được tam tài : thiên địa nhân, nói cụ thể là người đáp ứng cho những nhu yếu thâm sâu của con người được biểu thị bằng hai chữ trời đất : Nếu gọi đất là *ấn*, còn trời là *nói*, (đại diện cho suy tư, nói, nghĩ, xem, nghe) thì nhu đạo phải tạo điều kiện ăn nói cho mọi người. Vậy mà đó cũng chính là cốt tủy của nền văn hóa nông nghiệp. Khi nói đến nông nghiệp ở đợt nguồn gốc thì hẳn gọi lên hai ý là bình sản (ăn) và tự do (nói). Nó đi ngược với du mục thiếu tự do và bình sản. Vậy ta hỏi nho giáo thuộc nông nghiệp hay du mục. Đó là vấn đề quan trọng, vì bản chất của Viêm Việt là nông nghiệp. Nếu nho thuộc nông thì nho là đạo của Viêm Việt. Muốn giải quyết vấn đề này tôi cho nội dung trường tồn mới quan trọng còn vấn đề nguồn gốc chỉ là tùy phụ. Nhưng

để cho bớt khiếm khuyết chúng ta hãy bàn tự nguồn gốc là Hoa và Việt, chúng nào đi vào nông nghiệp trước và tôi cho rằng đó là Viêm Việt. Lý do thứ nhất vì Viêm Việt vào nước Tàu trước Hoa tộc cả hàng ngàn năm. Điều này thì nay kể là đã được chứng minh xong không thể chối cãi nữa rồi, nên xin đi sang lý do là vì vùng Hồ Quảng có những điều kiện thuận lợi hơn cho nông nghiệp : như là ẩm áp hơn vùng Trung nguyên, hai là đất cũng phì nhiêu hơn. Điều này cũng hiển nhiên như diêm một. Trên đây là hai lý do tiên thiên. Còn hậu cứ là vấn đề rất nhiều kẻ... Có người cho là Viêm Việt đi vào nông nghiệp sau Hoa tộc chứng cứ là Miêu tộc tới nay vẫn chưa biết làm ruộng. Nhưng đó là lẽ rất yếu, vì Miêu là chủng tộc lớn có nhiều chi, những chi còn lại tới nay không biết làm ruộng thì một là xưa kia họ thuộc chi vẫn sống đời súc mục trên núi rừng, còn những chi nông nghiệp thì đã bị đồng hóa hết ; hoặc là thoát hóa kiểu người Chàm xưa giỏi đóng thuyền mà nay không biết nữa. Còn nói người Việt lúc di cư đợt đầu chưa biết làm ruộng thì cũng yếu theo lẽ so le văn hóa = chi này chưa biết nhưng còn chi khác. Vì thế tôi nói Viêm Việt cho đủ bao quát tất cả các chi, các tộc ở phương Nam.

Trở lên là nói phớt qua vấn đề nguồn gốc, dù có ngã theo chiều nào, thí dụ Hoa Tộc có đi vào nông trước

cũng chỉ là tùy phụ đối với cơ cấu trường tồn của văn hóa, tức là nội dung kéo dài ra trong lịch sử. Vậy về điểm này thì không thể chối cãi được là dòng sử mệnh của Hoa Hán là du mục. Xin bỏ qua đời Hoàng Đế không còn sử liệu. Hãy khởi đầu với nhà Chu là nhà có tính chất du mục khác hẳn nhà Thương nông nghiệp (đây là nói tương đối với nhà Thương. Xin xem Naissance de la Chine par Cr  l) Thế mà văn hóa được kết tinh ở nhà Chu rồi sau đó được đồ khuôn do hai nhà Tần và Hán, cả hai rất du mục. Nhà Tần thì tính chất du mục rõ rệt. Còn nhà Hán tuy bề ngoài gọi là nông d   nhờ những thực chất là du mục. Và tính chất du mục đó được canh tân do những đợt du mục về sau: Ngũ hồ, Th  t B  t, Kim, M  ng v.v... Vì thế các học giả đều cho Hoa tộc thuộc du mục. Xem chẳng hạn Les Institutions de la Chine của Jean Escara tr. 121, hoặc Neeham 11. 576 Vì thế đề đổi lại Hoa tộc chúng tôi nhận tên Viêm tộc không với nội dung dòng máu chủng loại, nhưng với nội dung văn hóa, một thứ văn hóa liên hệ với tinh thần nông nghiệp (m   huyền sử gọi là Thần-n  ng hiệu Viêm đế) và thờ mặt trời như biểu tượng của trời. Trong *Triết lý cái Ðinh* tr. 95 đã có viết : « khi nói Viêm Việt là chúng tôi chỉ có ý đối chọi một quảng đại quần chúng trong đó có Bách Việt đứng đầu với một thiểu số người xâm lăng trước kêu là Hoa sau kêu là Hán mà không có ý d   động đến vấn đề nhân chủng. Th   dụ Mi  u c   phải là M  n hay Tam-Mi  u chẳng... mỗi

li  n hệ giữa Âu với Lạc, với M  n, Nhung, Khương c   bao nhiêu đợt nam tiến trong dân Việt... những vấn đề kiểu đó hay kiểu khác không quan trọng cho chủ trương của Việt n  o chúng tôi, nếu c   bàn qua cũng là nhân tiện, còn chính ra là xin đề trong ngo  c. Vì c   giải quyết đ  ng nào cũng không phương hại đến vấn đề toàn diện giữa Nam M  n một bên và Hán Hoa bên kia ». Viết như thế là quá rõ lập trường, vậy xin đừng mất công l  i nh  i phi đi b  c lại m  i cái chữ Viêm tộc. Thực ra khó c   thể tìm được danh xưng khác cho chủ trương văn hóa của chúng tôi. Nói C   M   Lai thì chưa gồm được Tam Mi  u, m   Tam M  u cũng l   chủng rất lớn đ   làm chủ nước Tàu, làm sao không c   tham dự vào văn hóa, nếu g  y họ ra thì ta lại phạm một bất công tương tự như khi H  n tộc không k   công Bách Việt trong việc hình thành nho giáo vậy. Ð  ng khác vì d  nh từ M  -lai đ   bị người M  -lai « chiếm độc quyền » và dù muốn dù chẳng thì đ   mang ý nghĩa không b  nh (p  joratif) đối với tâm trạng người Việt.

Vì những lý do đó m   người làm văn hóa phải tìm danh xưng khác bao qu  t hơn và với tôi đó l   Viêm Việt. Tuy ghép thế c   làm cho chữ Việt trở n  n lu mờ nhưng đúng ý của tôi, vì tôi nghĩ tới cả khối người phương Nam trong đó Lạc Việt c   trội hơn nhưng các chi khác cũng c   đóng góp. Sau khi đ   xếp loại ta h  y đi vào m  y hằng số (les constantes) của nho giáo.

2 — Nhà ở.

Có một điểm rất quan trọng với nền văn minh nông nghiệp định cư đó là làm nhà. nên được kể như một nét căn bản của văn minh. Đến nỗi có thể nói Tàu thành hình với *khoa kiến trúc*, với chế độ vua thế tập... với việc chia nước thành chín châu... Trong ba điều trên thì thế tập là rõ của Tàu còn hai điểm kia thì khó xác định. Riêng về kiến trúc thì theo tôi Lạc-Việt có trước vì lý do tiền thiên là Lạc-Việt đã định cư trước Tàu tất phải biết cất nhà trước. Giả sử lúc gặp gỡ mà Hoa tộc có giỏi hơn Viêm-Việt thì cũng chỉ giỏi về cỡi ngựa, quân sự, chứ chắc không về xây cất: bởi đời du mục không cần xây cất. Chứng cứ là ngay việc cưa gỗ họ cũng chưa biết. Điều đó còn gặp bên Ấn Độ với người Aryen đã thắng Dravidien về quân sự, nhưng về kiến trúc thì người Dravidien nổi vượt, chứng tích nằm trong thành Mohenjo-Daro xây cất vào lối 3.500 năm trước đây. Xem ra Bá h Việt tiến rất xa trong kiến trúc mà những chứng tích có ở rất nhiều nơi khác như Maya bên Mỹ (cùng chúng với cổ dân Viễn Đông) để lại những kiến trúc rực rỡ hơn cả Ai-Cập, rồi Angkor do thợ Môn của nước Dvaraveti xây cất. Các cung điện nổi danh trước nhất của Trung-Hoa là cung Sở yêu ở nước Sở tức miền Kinh Việt. Vì những lý do trên nên tôi cho rằng cả trong kiến trúc Bách Việt cũng đi trước Tàu.

Tuy nhiên đó là vấn đề nguồn gốc dù có sao đi nữa thì điều quan trọng hơn cả trong phạm vi văn hóa là không phải Hoa tộc mà chính là

Lạc-Việt đã in dấu trên nền kiến trúc của Viễn Đông, đó là cái nóc oản góc mái cong. Hiện nay các cuộc thám quật đã minh chứng là ban sơ nhà người Tàu mái nóc đều thẳng mãi đến đời Đường mới bắt đầu cong (Archéo 99 và L'art Vietnamien 32). Nếu đứng riêng về sử thì chỉ có bấy nhiêu, nhưng đứng về huyền sử thì cái nóc oản góc mái cong nói lên một truyện lớn lao hơn nhiều lắm đó là ảnh hưởng của triết trên lối «ở đời» của người Tàu. Trong một bài trước chúng tôi đã nói nóc oản góc mái cong là do ảnh hưởng triết chứ không ơ ịch chỉ cả trong thực tế, trái lại gây rất nhiều bất tiện với chất liệu giòn ại như tre, rạ... cho nên chỉ giải nghĩa theo triết mới có nhiều may mắn trúng (chúng tôi không chấp nhận sự giải nghĩa do cây tre... vì lẽ yếu quá).

Đã vậy điều này còn có thể kiện chứng bằng sự mạch-lạc nội-tại ở chỗ Lạc-Việt coi nhà là bản tóm văn minh, bởi nó nói lên cách ở đời hơn tất cả những thứ khác. Vì thế trong huyền sử nước ta có nói tới nhà trong danh hiệu Hồng-Bàng. Theo luật «mạch-lạc nội-tại» thì phải kể tới huyền thoại *nữ thần mộc* cũng có tên là «cửu thiên huyền nữ» dạy các anh em Lộ-Bàn Lộ-Bộc biết ba việc là cưa gỗ, đóng thuyền và làm nhà chữ đình. Theo cổ sử thì người Lạc-Việt biết cưa gỗ và đóng thuyền trước Hoa-tộc và có thể kết luận cả về làm nhà nữa. Nhưng điều quan trọng là việc nữ thần dạy làm cả thuyền lẫn nhà thì chắc là nhà phải nói lên được cái tinh thần của Viêm-Việt và tinh thần đó là biến dịch được biểu lộ qua sự cong

lên của mũi thuyền cũng như góc mái nhà. Nhiều sách viết là *Lộ-Ban Lộ-Đức*, chúng tôi viết theo Bezacier và Cadière là *Lộ Bàn và Lộ Bộc* (Bezacier 29) chưa tra cứu được sử liệu đích xác nhưng viết *Lộ-Bộc* có ý nghĩa hơn. Quyền Văn Hiến Thông Khảo của Mã Đoan Lâm đã mở đầu phần các dân nam bằng « Bàn hồ chúng » và khi chi này đã sinh sản nhiều thì gọi là *Man-di* sống rải rác trên vùng ngũ khê, tức *Hồ-Bắc, Hồ-Nam, Tứ-Xuyên, Quý-Châu*, (Mã 6). Chi lớn nhất cũng gọi là *Bành* (Mã 22). Theo đó thì ta có thể kết luận *Bàn* chính là chi *Âu* trong *Bách-Việt*. *Bách-Việt* có những chi là *Âu* và *Lạc*, thì *Lạc* có lẽ được biểu thị trong chữ *Lộ* (*Lạc*) và cả chữ *Bộc*, tức *Lạc* mạn Bắc hà sau khi đã bị Hoàng Đế chiếm đất thì rút vào rừng sông *Bộc*. Cả hai chi cùng thuộc nông nghiệp thờ thần nữ. Truyện thần nữ dạy *Lộ-Bàn Lộ-Bộc* làm nhà có thể coi như còn ảnh hưởng vào việc vợ chồng gọi nhau là nhà. Trên thế giới không có dân tộc nào gọi thế hết trừ *Việt*. Có thể giải nghĩa thói quen này là lối bình dân hóa và cụ thể hóa nét đặc trưng văn minh *Lạc-Việt* có tính chất nông nghiệp định cư đặt quan trọng vào các nhà, coi đó là một tinh hoa cao nhất. Vậy khi người Tàu thấu nhận nét oằn góc mái cong là thấu hóa cái tinh hoa sâu xa nhất của *Lạc Việt*.

Có người cho là tôi chú ý đến chế độ tình duyên quá đáng. Quả tôi có chú ý nhiều nhưng không hề như nhà khảo-cổ chỉ nghiên cứu xem có hay không. Tôi không là nhà khảo cổ

làm chỉ có giờ cho việc đó, và đã có người làm đến nơi đến chốn rồi, xem chẳng hạn Henri Maspero trong « *La Chine antique* » tr. 90 chú thích 3, có đầy đủ bằng chứng về bác sự nghi ngờ của mấy học giả Tàu và Nhật. Tiếc rằng mấy học giả bên ta không biết cứ tưởng phải chối tình duyên mới là khoa học ! Phần tôi chỉ chú ý đến tình duyên vì hai lý do quan trọng cho xã hội loài người mà mãi đến nay nhân loại chưa giải quyết xong. Thế giới phân đôi tư-bản cộng-sản cũng vì chưa tìm ra được giải pháp gần hòa là bình sản. Xét thế thì nó quan trọng gấp bội vấn đề nguồn gốc Mã-lai của ta. Ta thuộc chi chòm nào chưa quan trọng cho bằng việc tổ chức phân chia tài sản làm sao để sống an vui.

Thứ đến là vì tình duyên còn làm khung cho tất cả nền minh triết Việt-nho mà đột hoàn bị là *Lạc-Thư*. Bởi đây *Lạc-Thư* được coi như bức họa nền minh-triết của Việt-nho. Và chúng tôi hỏi có nên gọi *Lạc-thư* là sách của *Lạc* dân hay chẳng ? Có người cho rằng không, vì quê ta ở sông *Bộc* chứ không ở sông *Lạc*. Thưa rằng trong lúc *Lạc Việt* ở sông *Bộc* thì cũng vẫn còn phần lớn ở sông *Lạc*. Và còn ở lại lâu hơn cũng như đã đến cư ngụ ở đó trước lúc đến sông *Bộc*. Cũng không thể nói là sông *Lạc* trong đất Tàu vì nội dung *Lạc Thư* xây trọn vẹn trên ngũ hành cứu trừ với thuyết thiên nhân tương dữ, tức hoàn toàn của phương Nam về nội dung. Cho nên khi huyền sử nói trời ban *Lạc-thư* cho ông Vũ thì phải hiểu về sông *Lạc* phương Nam và lúc ấy còn nằm

trong cương vực của Lạc-Việt : người Tàu kém về thủy vận nên phải chờ mãi tới đời ông Vũ mới dám sang qua sông Hoàng Hà ở khúc tiếp sông Vị, và khi sang rồi phải lâu lắm mới chiếm được chừng 50 cây số ở châu Kinh. Như vậy là còn cách cửa sông Lạc lắm về phía Đông có cả hàng trăm cây số. Vì thế phải nói Lạc-Thư là của Lạc-Việt. Và khi nói trời ban Lạc-thư cho ông Vũ thì có nghĩa là Lạc dân ban cho ông Vũ hay đúng hơn là lúc ấy tinh thần của Lạc-thư bắt đầu được Hoa tộc thấu hóa. Trong đời ông Hạ-Vũ, huyền sử nói rằng : có con Long mã hiện tự sông Hà ban cho Vũ Lạc-thư. Đó là huyền sử chứ trong thực tế chẳng có con vật nào là Long mã mà phải hiểu Lạc-thư là di sản của Lạc-Việt ? Cả Lạc-Long (bộ trâu) và Lạc bộ Mã, cả hai đều giỏi thủy vận và đó là điều cần. Thực ra khi nói sông Lạc thì chỉ là nước, thuộc Lạc-Việt là đúng hơn. Và khi nói con qui đội Lạc-thư cho ông Vũ thì có thể hiểu là ông Vũ thấu hóa tinh thần Lạc-thư của dân Lạc-Việt.

Trở lên là phần «sử» mà tôi vẫn cho là thứ yếu trong phạm vi triết sử. Điều quan trọng nhất phải là nội dung hay là bản chất, vậy khi phân tích bản-chất Lạc-thư ta nhận thấy những điểm sau đây :

— Trước hết khung ngũ hành (hay là chữ tinh cũng thế) đều là nhân tử của *Hồng-Phạm-Cửu-Trù* tức là lý tưởng của Lạc-thư.

Thứ đến là không đâu nói lên rõ được cái đạo «*thiên nhân tương dữ*»

cho bằng ở Lạc-thư, nơi tàng ẩn cả chữ *vạn* với hai nét đi ra chỉ địa và chữ *văn* với hai nét đi vào chỉ thiên (xem Chữ Thời bài Hồng-Phạm).

— Do đó mà đạo phải tìm ở gần mà không ở xa : tức không cầu đạo ở trời, ở đất mà ngay ở người «quân tử chi đạo bản chư thân» là thế (Trung dung. 29).

Cả ba điểm then chốt trên đều là tinh thần văn hóa Lạc-Việt, nên không kết luận Lạc-thư là sách của Lạc-Việt nếu không thể chứng minh về chi tiết và nguồn gốc thì cũng đã đủ lý do nội tại nằm trong nội dung. Nội dung ấy như thế nào chúng ta nên thấu lại nơi đây trong ba điểm :

— Gia tiên.

— Nhân bản.

— Thờ trời.

4— Chiều sâu của Lễ gia tiên

Chúng ta đã nghiên cứu (xem quyền Căn Bản) về gia tiên như nét đặc trưng của dân Việt. Các nơi khác chỉ có tục cúng tế ông bà nhưng rồi tục đó chết lịm mà không vươn lên đọt văn-tô (tâm linh) để trở thành lễ gia-tiên, là lễ thờ nhân tính. Điểm này dẫn sang điều hai là *nhân bản*, đây là nét đặc trưng thứ hai của Lạc-dân tuy thờ trời nhưng là trời liên hệ mật thiết với người (tam tài). Trong nhân bản thì triết lý *tam tài* là nền tảng siêu hình, còn lễ gia tiên là biểu thị căn bản nhất, vì nói lên được sự thờ nhân tính thay cho việc thờ thần linh hay bái vật.v.v. Chính lễ gia-tiên nói to lên nhân-chủ-tính của con người. Vì người là chủ nên

được thờ. Đó là nét riêng biệt độc đáo nhất của Việt còn hơn của Tàu. Ba là thờ trời. Điều này thoát nhìn thì chưa được rõ lắm vì rất nhiều dân kể cả du mục cũng có thờ trời, chứ có riêng của Lạc-Việt đâu mà bảo là đặc trưng. Nhưng nhìn sâu hơn thì nhận ra việc thờ trời trong nho giáo không duy thiên nhưng là *thiên nhân tương dữ*. Vì thế mà lễ tế thiên gọi là Nam giao tức trời, đất, người giao thoa, nên tế trời cũng là tế cả đất cả người. Vì thế mà khỉ.

Trời hưởng = xông hương

Đất hưởng = rót rượu xuống đất, thì

Người cũng hưởng = cả rượu cả thịt... Đó là một lối cụ thể hóa triết lý Tam tài cách rất thú vị. Trời được tế thì đất người cũng được tế. Trời đất ăn thì người cũng được ăn. Đó là nét đặc trưng của nho giáo. Vậy mà đó cũng là nét đặc trưng của Lạc-Việt (tôn giáo phong nhiêu) thì kết luận rằng nho giáo nguyên thủy là của Lạc-Việt có phải vô nền đâu? Nếu bảo trăm giống Việt chẳng ai biết nho là gì thì xin thưa: phải, họ không biết chữ nho và lối thượng lễ của nho, nhưng xin hỏi họ có biết gia-tiên chẳng, có lấy việc phụng sự con người làm cốt? Có biết đạo thờ trời chẳng. Nếu họ biết thì là biết tinh thần nho. Khi người M'leecha xây thành Mohengo Daro cho con người ở thì là đi theo một tinh thần mà sau này chúng ta sẽ gọi là nho tức đáp ứng cho nhu yếu của con người trước hết. Nếu họ không biết nho thì đã dành những nhà đẹp nhất cho những

tín tưởng vu vơ hay dùng để chứa xác mấy ông vua như kiểu Ai-Cập, Ấn-Đô chứ con người sức mảy mà được ở những đền đài đó. Đền này họ lại dành cho con người thì dù không biết nữa chữ nho tôi cũng vẫn cho rằng có tinh thần nho, không là thứ nho thành hình, tức là nho giáo đã có nghi lễ, vua quan với chữ nghĩa đã được định chế và thống nhất v.v... mà là thứ nho đang thai nghén, đang tìm dạng thức để kết tinh, mà có chỗ tôi gọi là "tại thiên thành tượng" chưa mặc hình thể xác định, nên nếu chỉ căn cứ vào xác định thì bảo họ không biết nho, còn căn cứ trên nội dung thì lại bảo họ có biết tinh túy nho. Y như hai tác giả Soustelle và Etemble quả quyết dân Astèques bên Mỹ thâm thấu tinh thần nho ở chỗ biết điều lý sự tu thân với phép xã giao... mặc dầu dân Asièques không biết một chữ nho nào (Confucius của Etemble P. 280 Gallimard. 1966) Cái đó là tùy bình diện của người quan sát sử gia có lẽ phải thấy có chữ nho mới cho ta biết nho. Còn với triết thì chỉ cần căn cứ trên nội dung của cuộc sống để đoán định.

Trở lên là ba nét đặc trưng của Việt-nho mà chúng tôi đã quảng diễn lâu trước trong ba tác phẩm Lễ-gia-Tiên (xem quyền căn bản triết lý... Đạo thờ-trời trong quyền Chữ-Thời và Nhân-chủ-tinh trong quyền nhân bản). Điều đáng chú ý là trong khi viết những tập sách trên chúng tôi chỉ viết theo linh cảm chứ không hề nghĩ đến chủ trương Việt-nho. Điều này cái tôi xét như một cá nhân có nghiên cứu mới nhìn ra sau, còn ba tác phẩm

trên là làm việc theo sự hướng dẫn sâu xa của tiềm thức cộng thông. Ngày này khi nhìn trở lại công trình đã hiện thực tôi càng thêm tin tưởng nhiều hơn vào linh cảm nó đã hướng dẫn tôi đi vào con đường huyền sử mà ý thức nhận ra sau đến mười năm nhờ nghiên cứu nhiều mới thấy phần đóng góp rất lớn lao của Viêm Việt vào trong ba yếu tố căn bản trên, và do đấy đề giúp vào việc nhận thức nọ được mở rộng chúng tôi đã đưa vào hai cặp danh từ mới là Hán nho, Việt-nho với hai phạm trù du mục

và nông nghiệp như hai trận tuyến văn hóa đối diện nhau. Cho đến nay thì du mục đã lấn đất quá nhiều. Nói riêng về Viễn Đông thì nó là Hán nho, rồi thời mới được tiếp tay bằng văn-minh Âu Tây, nên nông nghiệp thu nhỏ mãi lại như miếng da lừa để rồi hơi hóp trong mảnh đất Miền Nam nước Việt hiện đây. Nhưng nhân loại lại cần có tinh thần nông nghiệp để nhu nhuận tâm hồn. Và xét về phương diện đó thì Việt-nam này có một nhiệm vụ rõ rệt : làm sống lại tinh thần nông nghiệp gọi là Việt-nho.



Vitac 500

TINH CHẤT VITAMINE C



cần cho

CÁC NHÀ THỂ THAO VÀ CÁC SINH VIÊN . HỌC SINH

LA PHARMACOPÉE DANS LA MÉDECINE TRADITIONNELLE CHINOISE

.....
NGUYỄN BÁ TUỐC

(Suite)

Main'tenant que les principes essentiels de la médecine Chinoise sont posés, nous sommes en mesure, je pense, de comprendre ce que c'est que la pharmacodynamie selon la conception Chinoise, et sur quels critères, le médecin traditionnel utilise ses médicaments pour traiter ses malades.

Commençons par rappeler la définition de la maladie selon la médecine Chinoise : c'est un état de déséquilibre du Inn et du Yang à un certain niveau de l'organisme humain. Traiter la maladie, revient donc à faire de telle sorte à rétablir cet équilibre.

Prenons un exemple pour mieux comprendre :

Supposons que le déséquilibre énergétique soit du côté du foie. Ce déséquilibre apparaît sous forme de symptômes visibles ou non. Pour les symptômes visibles, il n'y a rien à dire, puisqu'on les voit. Il s'agit de savoir les interpréter correctement.

Mais comment faire si on est en présence de symptômes cachés ?

Le médecin moderne dispose pour cela, il est vrai, d'un arsenal impressionnant d'appareils d'analyses, de contrôles, d'explorations diverses, radiologique, chirurgicale, etc.... mais faut-il encore qu'il soit guidé dans son flair vers tel ou tel examen. Bien sûr, s'il n'a pas ce flair, il peut procéder à un examen radical, en faisant passer son patient aux cribles fins, de A à Z. Mais ces genres d'examens sont coûteux, et puis le malade peut en sortir encore plus malade qu'à son entrée, car vous le savez bien, ces examens ne sont pas sans inconvénients. Et puis, les analyses, pour être valables, doivent être correctement exécutées. Un instrument déréglé, une laborantine distraite, et nous voilà à la merci des chiffres tout faux. Pour en être sûr, il nous faut d'autres appareils pour contrôler les appareils, d'autres laborantines pour surveiller les laborantines, et on n'en finit plus...

Le médecin traditionnel, lui, n'a pas ce genre de problèmes pour son diagnostic, ne disposant d'aucun instrument, d'aucun laboratoire, pour détecter les symptômes cachés. Malgré cela, il les voit. C'est une question de voir, vous ai-je dit tout à l'heure. Tout ce qui n'est pas visible pour nous est visible pour lui. Toute sa science réside dans cet examen clinique, qui se réduit à l'examen du pouls.

CÂU CHUYỆN ĐÔNG Y

Dịch giả : NGUYỄN-KHẮC-MINH

Nhuận sắc : SIÊU-THIỀN

(tiếp theo PĐ 27)

Sau khi đã trình-bày những nguyên-tắc căn-bản của Trung-y, tôi nghĩ là chúng ta bây giờ có thể hiểu được các được-tính theo quan-niệm của người Trung-Hoa, và xét những tiêu-chuẩn mà người Đông-y-sĩ cổ-truyền thường dùng để chữa bệnh.

Chúng ta hãy bắt đầu bằng định-nghĩa về bệnh-tật theo Trung-y : đó là sự mất quân-bình giữa Âm và Dương ở một vài địa-diểm của cơ-thể. Trị bệnh tức là lập lại thể quân-bình này.

Ta hãy lấy một thí-dụ sau đây : giả thử có sự mất quân-bình về năng-lực ở Gan, hiện ra bằng các triệu-chứng rõ hay không rõ. Đối với các triệu-chứng rõ-ràng thì không thành vấn-đề. Nhưng ta phải làm sao với những triệu-chứng ần, không hiện ra ?.

Người y-sĩ Tây-phương có cả một hệ-thống vĩ-đại những máy-móc để phân-tách, kiểm-soát, nghiên-cứu, cả về phương-diện quang-tuyến X hay giải-phẫu v.v... Nhưng họ phải được hướng-dẫn bởi «sự cảm-thấy cần-thiết» để làm thí-nghiệm này hay thí-nghiệm khác. Nếu không có sự suy-xét trên thì phải thử hết tất cả mọi loại và bắt bệnh nhân phải chịu đựng từ A tới Z. Nhưng những thí-nghiệm rất là tốn tiền, và bệnh nhơn sau khi được nghiên-cứu có thể bị nặng hơn, vì quí-vị đã bết những thí-nghiệm trên không phải là không có cái bất lợi. Hơn nữa những thí-nghiệm phải được thực-hành một cách đúng phép ; nếu máy hư, nếu nhơn-viên lơ-đềnh là chúng ta có những kết-quả sai-lầm. Vì vậy muốn cho chắc-chắn chúng ta cần máy nọ để kiểm-soát máy kia, nhơn-viên này để trắc-nghiệm nhơn-viên nọ, và người ta không biết cách nào để chấm-dứt nữa ..

Người Đông-y-sĩ cổ-truyền không có những vấn-đề trên, và cũng không có một dụng-cụ, một phòng thí-nghiệm nào để tìm những triệu-chứng ần. Tuy vậy họ NHÌN thấy hết. Vấn-đề là tìm kiếm, như tôi đã trình-bày với quí-vị ban nầy. Tất cả những triệu-chứng ần đối với chúng ta đều hiện đối với họ. Tất cả khoa-học của họ là ở chỗ khám-nghiệm bệnh-nhơn, đó là phương-pháp chẩn-mạch.

Phải coi họ hành-động để hiểu, để nhìn thấy tình-trạng tập-trung tinh-thần của họ lên tới cao độ. Người ta sẽ hiểu tại sao, chỉ nhờ mấy đầu ngón tay mà họ có thể ghi-nhận được sự rối-loạn dù nhỏ-nhất đến đâu trong cơ-thể bệnh-nhơn ; và đó là điều khó có thể hiểu được với những tâm-hồn mới-

Il faut le voir à l'oeuvre, pour se rendre compte à quel point son état de concentration est intense. On le comprend pourquoi, car par le bout de son doigt, il doit pouvoir être capable de saisir la moindre perturbation du corps tout entier, ce qui est difficilement concevable pour un esprit non averti. Mais si vous avez accepté le principe d'identité entre macrocosme et microcosme, vous l'admettez plus volontiers. Car l'examen du pouls relève de ce même principe, que l'image d'un point quelconque du corps est la même que l'image du corps tout entier. Donc, tout ce qui se passe dans le corps, se reflète sur le pouls.

Et pour revenir à notre cas particulier — cas de déséquilibre du côté foie — nous devrions sentir une anomalie au pouls de la «barrière» gauche, qui doit être en plénitude ou en vide, ou «tendu», comme dans l'exemple de tout à l'heure.

Tous les symptômes visibles peuvent nous tromper. Pour en être sûr, il nous en faut plusieurs à la fois, qui doivent tous coïncider. Mais avec le pouls, impossible de vous tromper. Ou bien il y a équilibre, ou bien il y a déséquilibre énergétiques. Il n'est pas nécessaire, des fois, de savoir exactement de quelle maladie il s'agit. C'est ainsi que j'ai vu mon médecin guérir des cas dont il ne sait même pas le nom ne les ayant jamais vus auparavant. L'anomalie observée au pouls est largement explicite et suffisante : elle est l'indice d'un déséquilibre, et l'essentiel maintenant est de rétablir cet équilibre.

Comment le rétablit-on ?

— En ramenant à la normale, le pouls déséquilibré, Quoi de plus simple ! Là où il est en excès, on le baisse, en prescrivant un médicament qui a la propriété de baisser le pouls à ce niveau. Là où il est en défaut, on prescrit un autre qui doit avoir la propriété de le faire remonter. On «corrige» pour ainsi dire les défauts du pouls.

Chacun de nous sait maintenant, à travers ce que nous avons vu tout à l'heure, qu'il y a un rapport étroit entre l'homme et l'univers qui l'entoure. Il suffit donc, pour le cas présent, de chercher dans la nature, une substance — quelle soit animale, ou végétale, ou minérale, cela n'a aucune importance —, capable de s'opposer à ce déséquilibre de l'organisme : là où il y a excès de Yang, on cherche une substance de nature Inn, là où il y a excès de Inn, on cherche une substance de nature Yang.

Trouver dans la nature les substances Inn ou Yang, est relativement facile, puisque mathématiquement parlant, la moitié de l'univers est Inn, et l'autre moitié est Yang. Faut-il encore savoir distinguer lesquelles sont Inn, lesquelles sont Yang !

mê. Nhưng nếu qui-vị đã chấp-nhận nguyên-lý đồng-nhất giữa Đại-vũ-trụ và Tiểu-vũ-trụ, qui-vị sẽ sẵn-sàng chấp-nhận điều trên nữa, vì chân-mạch cũng theo một nguyên-lý ; vì hình-ảnh, vì diềm nào của cơ-thể cũng là hình-ảnh của tất cả con người. Vậy cái gì xảy ra trong con người đều hiện lên ở mạch.

Trở lại thí-dụ của chúng ta ban nãy — ở một sự mất quân-bình của Gan — chúng ta phải thấy một sự khác-biệt ở Tả quan, hoặc Hư hoặc Thiệt hay Huyền.

Nhưng triệu-chứng rõ-rệt có thể đánh lừa chúng ta, vì chúng có thể hiện lên một cách rời-rạc. Nhưng với sự chân-mạch, chúng ta không thể lầm : hoặc là có sự quân-bình, hoặc là có sự mất quân-bình về năng-lực. Đôi khi cũng không cần biết là bệnh tên gì. Vì vậy mà tôi đã có dịp coi vị Đông-y-sĩ của tôi chữa khỏi những bệnh mà ông ta không hề biết tên. cũng như chưa hề gặp. Sự bất-thường hiện ra ở mạch là đủ và rõ ràng : đó là dấu-hiệu của sự mất quân-bình, mà ta cần điều-chỉnh lại.

Điều-chỉnh bằng cách nào ?

— Chỉ việc tái-lập sự bình-thường ở mạch-Thiệt là đơn-giản. Nơi nào Thiệt, ta hạ xuống bằng cách cho thuốc có tánh-cách giảm mạch ở nơi đó. Nơi nào Hư, ta dùng vị thuốc khác làm tăng lên. Như vậy người ta « sửa sai » những sai-lầm của mạch.

Chúng ta đều rõ là có một sự liên-lạc mật-thiết giữa người và vũ-trụ. Vậy chỉ cần, trong trường-hợp trên, tìm trong thiên-nhiên một chất- hoặc động-vật, hoặc thực-vật hay khoáng-chất- có thể chống-lại sự mất quân-bình trên- Khi có thừa Dương ta cho chất Âm ; khi có thừa âm ta cho chất Dương.

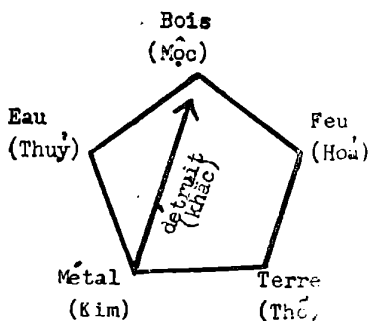
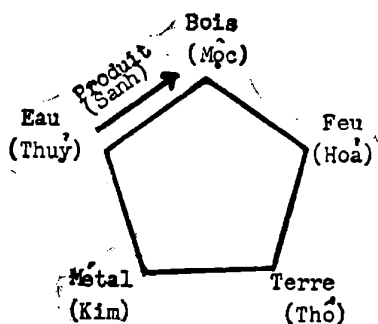
Tìm trong thiên-nhiên những chất Dương hay Âm thì rất dễ, vì nếu nói theo toán học thì một nửa của vũ-trụ là Âm, nửa kia Dương Chỉ cần phân-loại chúng mà thôi Nhưng ta cũng cần dùng những chất cùng một độ với bệnh-tật. Ở đây là Gan, vậy Mộc là đầu đọc.

Xem H. I

Đối với Mộc ta có 2 cách Bồ và Tả. Bồ là Thủy sanh Mộc, Tả là Kim khắc Mộc.

Thí-dụ nếu tôi muốn có những dược-chất thuộc loại Mộc, tôi dùng những nét đặc-biệt của loại trên như :

Mais il faut en outre que la substance soit au même «niveau» que la maladie. Ici, la maladie est au niveau «foie», donc correspondant à l'élément «Bois» comme «chef de file»,



H. 1

Si je veux agir sur l'élément «Bois», j'ai la possibilité ou bien de l'augmenter, ou bien de le diminuer. Pour l'augmenter j'ai le choix entre l'élément «Bois» lui-même, ou l'élément «Eau» puisque l'«Eau» produit le «Bois». Pour le diminuer, je pourrai faire agir l'élément «Métal», car le «Métal» détruit le «Bois».

Supposons que je veuille trouver un médicament du groupe «Bois». Je m'oriente vers les substances en rapport plus ou moins direct avec tous les caractéristiques de ce groupe, à savoir par exemple :

- avec le Vert : la substance doit être de couleur verte.
- avec Acide : la substance doit être de saveur acide.
- avec Bourgeons : la substance peut être un bourgeon, ou ayant la forme de cône pointu comme le bourgeon. C'est ainsi que les substances possédant des épines, des poils, des cornes etc.. appartiennent à ce groupe.
- avec Croissance : la substance peut être une pousse, ou une semence, ou un germe, possédant ainsi la croissance en potentialité.
- avec Nerfs : les substances ayant des nervures.
- avec Muscles : les substances comme muscles, tendons, cartilages etc...
- etc...

Ainsi, c'est en cherchant parmi les substances ayant les caractéristiques de l'élément en question, que j'ai plus de chance de trouver le médicament qui me convient pour remettre le poulx à la normale.

- xanh : chất phải có màu xanh.
- chua : chất phải có vị chua.
- búp-non : chất phải nhọn như búp, như gai, lông, sừng v.v...
- sanh-trưởng : chất như mầm, hạt giống, có khả-năng sinh-sôi.
- thần-kinh : chất có gân.
- bắp-thịt : chất có thịt, sụn.
- v.v. .

Nhờ hướng về các chất có đặc-tính trên mà tôi có nhiều may-mắn tìm ra vị thuốc giúp mạch trở lại bình-thường

Theo như tôi biết, thì khoa-học hiện nay, chưa nghiên-cứu tới khía cạnh này.- Nó rất đáng được làm trong tương-lai.



Quý-vị đã biết được-chất ảnh hưởng tới mạch theo hai nguyên-lý : Âm - Dương và Ngũ-Hành. Có rất nhiều chất phù-hợp với hai nguyên-lý trên nên Dược-Lâm của Trung-Quốc thật là vĩ-đại. nếu không muốn nói là bất-tận. Vì tất cả đều là Thuốc, ngay cả đến thức-ăn cũng là dược-khoa. Ngay cả những dược-chất của Tây-phương cũng thuộc nó, với dấu-hiệu là tương-xứng với các luật trên - Vì vậy Penicilline hay Streptomycine cũng có thể được dùng một cách chính-xác, ít nguy-hiểm, nếu ta biết chất này là Dương và chỉ hợp với bệnh Âm, chất kia là Âm nên chỉ hợp với bệnh Dương.

Muốn điều-chỉnh mạch, người ta ít khi dùng một chất duy-nhất ; vì mạch thường bị mất quân-bình ở nhiều nơi. Toa thuốc vì vậy gồm nhiều vị :

Chất này là vị chính chất kia là vị phụ. Vị phụ có mục đích điều-hòa vị chính hay dẫn vị chính tới chỗ đề hiệu-nghiệm Toa thuốc thường được biên như vậy. Sự chần-mạch thường dẫn tới 1 toa thuốc cò-diền (định sẵn bởi tiền-nhân) : nhưng một y-sĩ giỏi có thể thêm hay bớt một vài vị nếu thấy mạch hơi khác đi.

Tóm lại, không có dược-chất bào-chế sẵn. Mỗi một bệnh-nhân là một trường-hợp đặc-biệt, không có một vị thuốc điển-hình cho mọi bệnh, lý-do đơn-giản là ít khi thấy hai bộ mạch giống nhau trên hai bệnh-nhân.

Quý-vị đã biết nghệ-thuật của người Đông-y-sĩ là mang lại thể quân-bình ở mạch. Hai y-sĩ có thể đạt được cùng một kết-quả sau khi dùng hai phương-thuốc khác nhau. Điều đó có nghĩa rằng không phải chỉ có một vị thuốc cho một loại mạch mà thôi.

Vì vậy sự hiểu-biết hoàn-toàn về mạch-lý cũng như về dược-thảo phải đi song song với nhau, nếu muốn đạt được một kết-quả nào trong công việc điều-trị.

Aucun scientifique, à ma connaissance, n'a encore étudié la pharmacodynamie sous cet angle. Il serait intéressant de le faire un jour.

Nous voyons donc que le médicament agit sur le pouls selon deux principes :

- le principe de Inn et Yang.
- et le principe des cinq éléments.

C'est donc sur ces deux principes qu'est élaborée la matière médicale Chinoise. Comme beaucoup de substances répondent à ces deux principes, la matière médicale Chinoise est immense. Elle est pour ainsi dire illimitée. Car tout est médicament, y compris ce que l'on mange et ce que l'on boit, — oui, la diététique fait également partie des médicaments —. Cette matière médicale peut même embrasser, si on veut, certains médicaments de la pharmacopée Occidentale, pourvu que les principes de Inn et Yang et de cinq éléments soient respectés. Ainsi, la pénicilline ou la streptomycine, par exemple, peuvent être utilisées, sans trop de graves incidents notables, si on tient compte que l'une est de caractère Inn et ne convient qu'aux affections Yang, et que l'autre est Yang et ne convient qu'aux affections Inn.

Pour ramener ainsi le pouls à la normale, il est rare que le médicament utilisé soit unique, car lorsque les pouls sont déséquilibrés, ils sont rarement déséquilibrés à un seul endroit. L'ordonnance comporte donc en général, un mélange de plusieurs espèces médicinales.

On adjoint parfois à ces médicaments, dite médicaments principaux, des médicaments secondaires, c'est à dire d'importance secondaire. Ces derniers ont la propriété d'harmoniser les premiers, de les régulariser, ou bien d'activer leurs actions, ou bien de les conduire vers tel ou tel niveau pour qu'ils puissent agir efficacement.

C'est de cette manière que l'ordonnance est prescrite. Il arrive que l'examen du pouls conduise directement vers une formule toute faite, une formule classique pour ainsi dire, mais un bon médecin est capable de supprimer un ou deux composants ou d'en ajouter d'autres, s'il juge que l'état du pouls ne correspond pas exactement à la formule préalable.

De toute façon, pas de spécialités préparées à l'avance. Chaque malade est un cas spécial et aucun médicament standard ne peut être valable, pour la simple raison qu'on trouve rarement deux pouls semblables chez deux individus différents.

Nous voyons donc que tout l'art du médecin traditionnel est dans sa façon de ramener les pouls à l'équilibre. Deux médecins peuvent arriver au même résultat tout en utilisant deux remèdes différents. Ce qui veut dire qu'il n'y a pas un seul remède pour un pouls déterminé.

Sau khi định toa thuốc, công việc của người y-sĩ vẫn còn chưa xong. Còn cần phải theo dõi biến-chuyển của bệnh-tật, chần-mạch lại của những ngày sau. Theo đó mà những vị thuốc có thể được thêm hay bớt hay thay đổi hoàn-toàn. Toa thuốc vì vậy thay-đổi tùy theo mạch, cho tới khi lấy lại thể quân-bình hoàn-toàn. Vì vậy không có sự quen thuốc, không có phản-ứng tai-hại... Liệu có một phương-thức nào kỳ-diệu hơn không !

Bây giờ tôi xin trình-bày với quý-vị một thí-dụ cụ-thể về mạch của bệnh-nhơn và cách chữa-trị. Thí-dụ có một bệnh-nhơn mà chần-mạch thấy như sau :

Xem H. 2

Đồng-thời có những triệu-chứng như :

— Đau : vì mạch Huyền ở Tả-quan. Đau ở phía dưới bên phải, vì mạch ở Hữu-xích Thiết.

— Mạch ở Hữu-xích trệ xuống dưới vì bị lợi, bị phình ra ở chỗ đó, giống như bị kéo ở phía dưới. Loại mạch này thường thấy ở bệnh trĩ, ruột sa, hư thai, sưng ruột dư.

Vậy trong trường-hợp này mạch-lý ứng với trường-hợp sưng ruột dư.

Phương-thức chữa-trị có thể như sau : thuốc thang gồm có :

Panax Ginseng — Angelia Sinesis — Astragalus Hiroshimatus
— Atractylodes Macrocephala — Cimifuga Foetida — Bupleurum
rotundifolium — Citrus Aurantium — Glycyrrhiza glabra — Zizyphus jujuba —
— Zingiber officinalis.

Xem H. 3

Quý-vị đã biết tác-dụng của Nhân-sâm Panax Ginseng - một loại cây kỳ-diệu mà chúng ta vừa bàn - là bổ mạch bên trái khi mạch này bị hư. Loại mạch này thường thấy ở những bệnh-nhơn mệt-mỏi về thể-chất cũng như tinh-thần, thiếu máu cần một chất bổ-dưỡng. Nhân-Sâm đối với Trung-y là một chất bổ-dưỡng tuyệt-vời.

Bác-sĩ Champfraut đã biên trong cuốn sách về Trung-dược như sau :
‘Đó là một chất bổ-dưỡng rất mạnh, dùng để làm cho ăn biết ngon, trị lão, thần-kinh bài-hoại, yếu kém về sinh-lý, xuất tinh, bệnh thận, thiếu máu, bệnh tử-cung...’.

Ainsi la connaissance parfaite du pouls et de la matière médicale est absolument indispensable et doit aller de pair, pour celui qui veut utiliser la matière médicale comme thérapeutique.

L'ordonnance faite, la tâche du médecin n'est pas achevée pour autant. Il continue à suivre l'évolution de son malade, en le faisant revenir une ou plusieurs fois encore, pour reconstruire son pouls. Il réajuste les doses, supprime ou ajoute certains composants, ou change complètement de formule. Il modifie ainsi la composition de son ordonnance, au gré des pouls du malade, jusqu'à les rééquilibrer totalement.

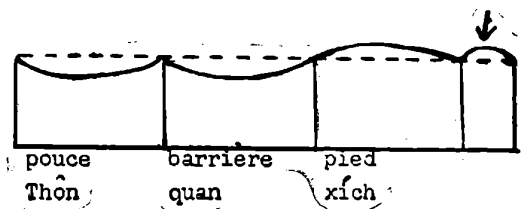
De cette manière, pas d'accoutumance possible, pas de réactions secondaires... Aucun traitement ne peut être plus vivant !

Je vais vous présenter maintenant un exemple précis d'un pouls malade, avec une façon de le traiter.

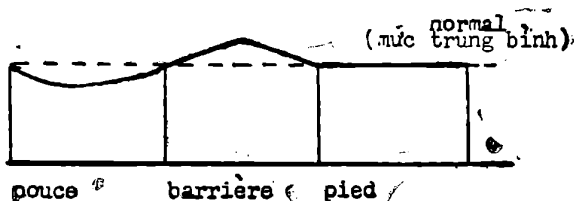
Supposons que le malade présente les pouls suivants :

Débordement vers le bas normale
(lan xuống dưới mức trung bình)

Poignet droit :
Hữu



Poignet gauche :
Tả



H. 2

Comme symptômes, on doit avoir :

- Douleur : à cause du pouls « tendu » observé à la barrière gauche.
- Cette douleur doit être située du côté droit, en bas, puisque le pouls au piéd droit est en plénitude.

— Le débordement observé en bas du piéd droit signifie qu'il y a un relâchement, quelque chose qui est distendu, et qui est tiré vers le bas, une ptose. Ce genre de débordement s'observe dans les symptômes d'hémor-

Bác sĩ Champfraut không có nói chỉ hết về mạch của Nhân-Sâm, điều đó thật đáng-tiếc. Theo thiên-y, Nhân-Sâm chỉ có hiệu-quả khi ta thấy mạch bên trái hư. Trường hợp trái lại, nghĩa là khi mạch thiết, dù rằng bệnh-nhơn có triệu-chứng yếu-mệt - thì Nhân-sâm sẽ làm cho chảy máu óc ở người áp-huyết-cao hay ho ra máu ở người lao phổi.

Vì vậy các vị thuốc của Trung-y không được dùng một cách bừa-bãi ! và phải dùng theo sự hiểu-biết về mạch-lý. Tất cả những sách về Trung-y mà không có sự đi đôi giữa thuốc và mạch đều không đáng cho ta nghiên-cứu.

Chúng ta đã lướt qua những nguyên-tắc căn-bản về phép trị-liệu của Trung-y. Thời gian không cho phép chúng ta đi vào chi tiết. Vì phải cần cả một cuốn sách lớn để làm như vậy ..

Tôi hy-vọng rằng đã trình-bày với quý-vị những nét đại-cương của Trung-Dược, nó gồm có những nguyên-lý căn-bản để chữa-trị, để lập lại thể quân-bình. Dù chúng ở ngay trước mắt chúng ta, nhưng người ta phải tự biết mình cũng như biết rõ chúng, để xử-dụng một cách chính-xác. Nếu không chúng sẽ là chất-độc và có thể giết người.

Vấn-đề chính là sự hiểu-biết con người và vũ-trụ xung-quanh. Vấn-đề thiết là xưa như thế-giới này mà tới nay vẫn còn chưa giải-quyết.

Chúng ta có thể chế ra những máy-móc diệu-kỳ, cũng như chúng ta có thể lên tới mặt trăng ; nhưng chúng ta chưa thiết hẳn sung-sướng, điều này chứng-tỏ là chúng ta chưa có thể quân-bình, chúng ta đều bệnh-hoạn-«nói theo kiểu định-nghĩa của Trung-y về bệnh-tật».

Về khoa-học tân-tiến của chúng ta cũng không hướng về chỗ tìm hiểu con người. Trái lại nó càng ngày càng xa con người, bị tràn-ngập bởi những chi-tiết, những chuyên-khoa, những t-ến-bộ kỹ-thuật, cũng như những thuốc càng ngày càng gay-cấn. Và họ quên mất sự việc chính-yếu.

Điều chính-yếu chính là Con Người. Con Người, chính là bệnh-nhân chứ không phải bệnh-tật. Con Người với toàn-thể sự tổ-hợp của nó chứ không phải từng trường-hợp bệnh-tật riêng rẽ, những trường-hợp ta tưởng khỏi bệnh ; nhưng kỳ-thực chỉ là «giả tưởng», sự thay-tế bệnh này bằng bệnh khác trong tương-lai, hay đi từ thể mất quân-bình này sang thể mất quân-bình khác ..

Trung-y trái lại, là một y khoa của thiên-nhiên. Nó không đòi-hỏi ở người y-sĩ một hiểu-biết rộng-rãi về kỹ-thuật, nhưng nó đòi-hỏi một hiểu-biết căn-bản về Con Người, Về Thiên-Nhiên, về Đời Sống,

Mong thay Tây-y của chúng ta sẽ theo con đường đó, sẽ trở lại với các sản-phẩm thiên-nhiên, ít hại hơn, và nhất là trở lại với sự hiểu-biết về con người, để tìm thấy sự vĩ-đại cũng như sự khôn-ngao của nó.

roides, d'hernies inguinales, de femmes s'apprêtant à faire une fausse couche d'appendicite es...

Pour notre cas ici, les pouls peuvent coïncider par exemple avec un cas d'appendicite aigue.

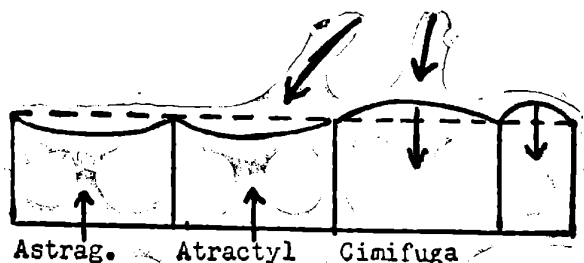
Le traitement proposé pourrait être le suivant :

Décoction, formule :

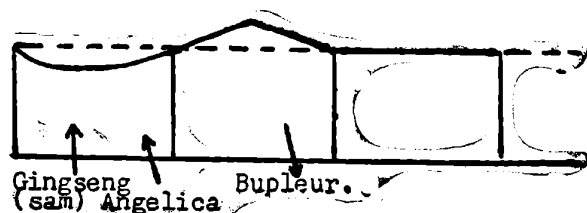
Panax Gingseng — *Angelica sinensis* — *Antragalus Hiroshimanus*
— *Atractylodes macrocephala* — *Cimifuga foetida* — *Bupleurum rotundifolium*
Citrus aurantium — *Glycyrrhiza glabra* — *Zizyphus jujuba* — *Zingiber officinalis*.

action régulatrice	{	Citrus
harmonisante		Glycyrrh.
réchauffante		Zizyph.
(điều hòa, làm nóng)		Zingid.

Poig. dr. :
Hữu



Poig. g. :
Tả



H. 3

Nous voyons que l'action du Gingseng, cette plante miracle dont je vous parlais au début, est de relever le pouls du pouce gauche, lorsque celui-ci est en vide. Ce pouls déséquilibré se voit chez certains malades déprimés ou fatigués, ou anémiques, qui ont besoin de reconstituant. Le Gingseng est passé dans les traditions Chinoises, pour un tonique exceptionnel.

«C'est un tonique de grande puissance», a dit la Dr Champfrault dans son livre de Pharmacopée Chinoise, «employé pour redonner l'appétit, utilisé également dans le traitement de la tuberculose, dans les déficiences du

système nerveux, dans l'impuissance, la spermatorrhée, dans les affections rénales, l'anémie, les affections utérines...»

Le Dr. Champfraut n'a rien dit sur le pouls du Gingseng, ce qu'est dommage. Pour ma part, je pense que la prescription de cette racine n'est valable que si on est en présence du pouls pouce gauche en vide. Dans le cas contraire, c'est à dire lorsque ce pouls est en plénitude, même si le malade présente tous les symptômes de déficience et de faiblesse, on risque de provoquer des hémorragies cérébrales (chez un hypertendu), ou des hémopysies (chez un phthisique).

Il est donc prouvé encore une fois que la matière médicale Chinoise ne peut être utilisée à la légère et qu'elle est indiscutable liée avec une connaissance parfaite du pouls. Et tout livre de Pharmacopée Chinoise qui ne traite pas de pouls parallèlement avec les symptômes, ne peut être considéré comme digne de référence.

Nous avons parcouru rapidement les principes fondamentaux de la thérapeutique médicale Chinoise. Le temps nous manque malheureusement pour entrer dans plus de détails. Pour y arriver, il me faudrait consacrer un livre entier...

J'espère cependant vous avoir fait connaître l'essentiel de ce qu'il faut savoir sur la pharmacopée Chinoise, en vous montrant que celle-ci est constituée de la même essence principale que l'homme, et de ce fait capable de le soigner, de le rééquilibrer. Et bien qu'elle soit constamment à sa portée, faut-il que l'homme se connaisse assez, et la connaisse assez pour pouvoir la prendre et se soigner. Sinon, elle est poison, et capable de tuer.

Le problème revient donc à la connaissance de l'homme et de l'univers qui l'entoure. Problème vieux comme le monde, et qui pourtant ne semble pas encore résolu jusqu'à nos jours.

Nous sommes capables d'inventer les machines les plus perfectionnées, nous sommes capables d'aller jusqu'à la lune, mais nous ne sommes pas heureux pour autant, ce qui prouve bien que nous ne sommes pas équilibrés, que nous sommes malades — dans le sens défini par la médecine Chinoise que déséquilibre = maladie.

Et notre science médicale moderne ne va pas non plus dans le sens de la connaissance de l'homme. Elle s'en éloigne au contraire, de plus en plus, se perdant dans les détails, dans les spécialisations, dans les progrès techniques, dans les médicaments de plus en plus sensationnels. Et elle oublie l'essentiel.

L'essentiel, c'est l'homme. L'homme malade, et non la maladie. L'être vivant dans toute sa complexité, et non tel ou tel cas anatomo-pathologique. Et ses soi-disant guérisons ne sont souvent que « trucquage », remplacement d'une maladie présente par une autre future, passation d'un déséquilibre à un autre déséquilibre... La médecine traditionnelle Chinoise, par contre, est une médecine toute naturelle. Elle n'exige pas de celui qui la pratique de larges connaissances techniques, mais une compréhension profonde de l'homme, de la nature, et de la vie.

N'est-il pas souhaitable que la médecine de nos jours suive cet exemple et revienne aux produits naturels, beaucoup moins nocifs, et surtout qu'elle retourne à la connaissance de l'homme, pour retrouver toute sa grandeur et sa sagesse ?.



Đã có

Phương Đông ĐÔNG TẬP

Với Mục lục toàn tập theo bộ môn và tác giả

Có bán tại tòa báo và các tiệm sách, sạp báo lớn :

Tập 1 : từ số 1 đến số 6, giá bán 700\$

Tập 2 : từ số 7 đến số 12, giá bán 700\$

Tập 3 : từ số 13 đến số 18, giá bán 700\$

Tập 4 : từ số 19 đến số 24, giá bán 700\$

Ở xa trong nước, kèm thêm 100\$ cước phí bảo đảm :
 Miền Trung và cao-nguyên thêm phụ phí Hàng không 60\$
 (160\$) Ngoại quốc, thêm cước phí đường thủy và bảo đảm 250\$

Các Bản - Thảo Đời Minh

● TRẦN-VĂN-TÍCH

« . . . The illustrations included in the early printed *Pen-ts'ao* represent an iconographic corpus much larger than that included not only in the *Ms herbals of the West*, but also in the *Western incunabula*. In this respect China was far ahead of Europe ».

G.SARTON, III, p. 1179

Từ năm 1280 đến năm 1367, trong gần một thế-kỷ, nòi giống Hán lần đầu tiên nếm cái nhục bị đặt dưới ách cai-trị của một sắc dân dị-tộc. Nhà Nguyên làm chúa-tể Trung-Hoa, nhưng tuy thống-lĩnh nòi Hán, mà người Mông-cổ lại bị dân-tộc bị-trị khai-hóa và đồng-hóa.

Chu-nguyên-Chương khởi-nghĩa, diệt nhà Nguyên, dựng nhà Minh từ năm 1368. Miêu-duệ của người anh-hùng áo vải đất Hào-châu liên-tiếp truyền được mười bảy đời vua, trị quốc được 275 năm, đến năm 1613, dưới đời Sùng-Trinh Hoàng-đế thì Lý-tự-Thành tiếm vị.

Thời-kỳ huy-hoàng nhất của nhà Minh là thế-kỷ thứ mười sáu, và triều-đại Gia-Tĩnh (1522-1566) là buổi hoàng-kim, bởi lúc bấy giờ Trung-Quốc thái bình thịnh trị, « bốn phương phẳng lặng, hai kinh vững-vàng », văn-hóa, thương-mại và kỹ-nghệ (1) phát-triển cao-độ.

Trong phạm-vi y-học và dược-học, thế-kỷ thứ mười sáu cũng là thế-kỷ thu-đạt nhiều thành-quả nhất của nền vương-thống. Trong bài này, chúng tôi chỉ đề-cập đến khía cạnh trước-tác các bản-thảo (2) ở Trung-Hoa, suốt

trong thời-gian gần ba thế-kỷ, từ triều-đại Minh-Thái-tổ đến triều-đại Minh Sùng-trinh.



Từ đầu thế-kỷ thứ mười lăm, nghề hải-bành bắt đầu phát-triển ở Trung-Hoa. Vua Minh Thành-tổ (Vĩnh-lạc) sau khi phá Mông-cổ, bình Việt-nam (diệt nhà Hồ), liền sai sứ ra hải-ngoại đề tuyên-dương uy-đức của mình. Trong các sứ-thần xuất-dương, thái-giám Trĩnh Hòa đã thành-công mỹ-mãn hơn hết. Sứ chép rằng năm 1405, Trĩnh-Hòa đốc-xuất 62 chiến-thuyền lớn, thống lĩnh 37 000 thủy-thủ, đem theo nhiều ngọc ngà châu báu lùa là từ cửa khẩu Lưu-gia-cảng ở Tô-Châu vượt bể qua Phúc-Kiến đến Annam, Qua oa (Java), Tích lan, ghé các nước Tây dương, tức Nam dương, Ấn-độ. Rồi liền tiếp trong ba

(1) Kỹ-nghệ hiểu theo nghĩa nghề nghiệp tinh-xảo.

(2) Ghi-chú dành cho độc-giả không rành Đông-Y : từ « bản-thảo » là một từ giới Đông-Y-sĩ dùng để chỉ các sách về dược-liệu-học, tức là các sách chủ-yếu bàn về thuốc men. Từ này phổ-thông đến nỗi giới nghiên-cứu quốc-lễ đã khai-sinh hẳn một môn học, môn « bản-thảo-học » (*pen-ts'ao*logie).

mười năm, từ 1405 đến 1433, họ Trịnh đi sứ nước ngoài bảy lần, trải qua hơn bốn mươi quốc-gia : mười lăm nước ở phía đông bán-đảo Mã lai, bảy nước ở chung-quanh Tô môn đáp lạp (Sumatra), sáu nước ở vùng Ấn-đô, năm nước thuộc A-lập-bá (Arabie), ba nước ở châu Phi. Nghĩ là, ghé bến Đài-loan, Phi-luật-tân, Trịnh-Hòa phía nam đến tận Java, phía tây bỏ neo nơi Hồng-hải, phía tây-nam đặt chân lên đông-ngạn Phi-châu và Mã-đảo.

Thủy-thủ-đoàn, trong những lần tàu ghé bến, chắc hẳn đã có dịp học hỏi về thế-giới động-vật và thực-vật của những miền đất lạ cùng kỹ-thuật sử-dụng cỏ cây trong điều-trị bởi các sắc dân ngoại-quốc. Nhiều tác-giả đã tường-thuật những điều mắt thấy tai nghe nơi quê người, nhất là tại những vùng đất khô-cằn nhiệt-đới. Những tư-liệu như bộ **Hải Tra Dư Lục** của **Cổ-Giới**, bộ **Tây Dương Phiên Quốc Chí** của **Cùng-Trân** và những thư-tích khác nữa đã đóng góp không nhỏ vào kho tàng dược-liệu-học Minh-triều.

Mặt khác, mối giao-lưu Đông-Tây, mạnh-nhà từ các đời Hán, Đường, đã trở nên càng chặt-chẽ hơn dưới đời Minh. Triều vua Minh Hiếu-tông, dân Bồ-đào-nha vượt Ấn-độ-dương qua Trung-Hoa buôn-bán và truyền-giáo. Tiếp theo là các chủng-tộc Hòa-lan, Anh-cát-lợi, Tây-ban-nha. Triều-đại Minh Thế-tông, vào khoảng năm 1535, người Bồ xuất tiền thuê đất Áo-môn làm căn-cứ chính-thức. Đời Minh Thần-tông, Manille là thị-trường mậu-dịch chủ-yếu của Hán-tộc. Đây là bối-cảnh kinh-tế, thương-mại và giao-thông.

Về mặt y-học thì vào thế-kỷ thứ mười ba, **Lý-Cao** tức **Lý-Đông-Viên**, một khuôn mặt lớn của Trung-Y thời Nam-Tống, chủ-xướng rằng tỷ vị vận-hóa bình-thường là yếu-tố mấu-chốt của tình-trạng mạnh-khỏe và bệnh-lật luôn luôn xảy ra sau khi chức-năng tỷ vị bị tổn thương. Đến thế-kỷ thứ mười bốn, **Chu-chấn-Hanh** tức **Chu-Đan-Khê** trong **Đan-Khê tâm-pháp** nhấn mạnh đến tầm quan-trọng của dinh-dưỡng và tiết-thực trong điều-trị bệnh-lật. Ảnh-hưởng của hai vị tiên-y ấy còn in đậm dấu ấn lên y-học đời Minh, và vì vậy các tác-giả Minh-triều đặc-biệt lưu tâm nghiên-cứu phương-pháp vệ-sinh âm-thực và sáng-tác nhiều sách mà đối-tượng là môn dược-liệu-học dưỡng sinh.

Đồng-thời, trong những năm dài gian-khổ chống lại ngoại-xâm Mông-cổ, và ngay cả khi đã thôn-hồi chủ-quyền, nhiều vùng đất rộng lớn vẫn lâm cảnh cơ hàn, đói kém. Quần-chúng đã đói-khờ mà nhà vua, vì nuôi binh lính quá nhiều đề phục-vụ cho bộ máy chiến-tranh, phải tăng thuế ruộng. Bọn quan lại thi-hành chính-sách thì tham-ngược những-nhiều, thiên-hạ càng lâm-tham thêm. Cho nên Trương-hiếu-Trung dấy binh ở Diên-an, Lý-tự-Thành nổi lên ở Mễ-chi, tuy chỉ biết chuyên việc cướp bóc, mà cũng quy-tụ được một số rất đông dân-chúng. Đối trước những thảm-cảnh như thế, người nông-dân Trung-Hoa đã tự lực phát-kiến một số cây cỏ khả-dĩ thay-thế thực-phẩm. Các loài thực-vật này cũng được các nhà « trước thư lập ngôn » ghi nhận. Những cuốn như **Cứu Hoang Bản Thảo**

và **Dã Thái Bác Lục** chẳng hạn đều thuộc loại này.

Văn-học và y-học nhà Minh còn chịu ảnh hưởng nặng-nề của Chu-Hy, danh-nho đời Tống, trước-tác rất nhiều, kể cả chú-thích bộ **Tứ Thư**. Như những giếng nước chảy trở về nguồn, các tác-giả đời Minh luôn luôn tham-khảo, học-hỏi Chu-Hy, nhà học-giả uyên-bác đã sáng-suốt đề cao những lẽ-lối làm việc rất khoa-học nhằm chủ-trương mở rộng kiến-thức, khảo-sát vạn vật. Và do nơi sự kiện tri-liệu bằng thực-vật chính là một khía cạnh của khoa khảo-sát sự vật nên **độc-liệu-học** trở thành một môn học thời thức lúc bấy giờ. Hậu-quả là rất nhiều sách bản về lý-thuyết dụng được ra đời như **Bản Thảo Phát Huy**, **Bản Thảo Tập Yếu**, và **Bản Thảo Cương Mục Vựng Ngôn**.

Thành ra một số lượng khổng-lô những dữ-kiện **độc-học** đã xuất-sinh liên-tiếp, và vấn-đề cấp-bách đặt ra cho giới nghiên-cứ đương thời là phải tổng-hợp tất-cả những tri-thức tản-mạn, rải-rác lại trong một công-trình sưu-khảo chung-nhất. Chính bộ **Bản Thảo Cương Mục** của **Lý-thời-Trần** đã đáp-ứng nhu-cầu khẩn-thiết ấy, khi sách xuất-hiện vào cuối thế-kỷ thứ mười sáu.

Trong những trang sau đây, chúng tôi sẽ lần lượt khảo-sát những bản thảo xuất-hiện trước và sau tác-phẩm của **Lý-thời-Trần**, nghĩa là chúng tôi sẽ lấy **Bản Thảo Cương Mục** làm mốc chia thời-gian, do tầm-mức quan-trọng đặc-biệt của bộ **độc-liệu-học** vĩ-đại ấy. Cuối bài, chúng tôi sẽ có một biểu

nhất lãm sơ-lược đề **độc-giả** liên đối-chiếu.

THƯ - TỊCH ĐỜI MINH VỀ ĐƯỢC - LIỆU - HỌC TRƯỚC BẢN - THẢO CƯƠNG - MỤC

Cùng với sự chấm-dứt triều-đại nhà Tống vào khoảng cuối thế-kỷ thứ mười ba, y-học Trung-Hoa rẽ theo một khúc quanh quan-trọng, nhất là trong phạm-vi nghiên-cuu. **Trương-nguyên-Tổ**, **Lưu-hoàn-Tổ**, **Lý-Cảo**, **Chu-chấn-Hành** và nhiều tác-giả khác nữa đã đề xướng những lý-thuyết mới trong lĩnh vực sinh-lý bệnh-lý, song song với những phát-giác tân-tiến về cơ-chế tác-dụng của các **được-liệu**.

Trương-nguyên-Tổ chẳng hạn, qua cuốn **Khiết Cổ Gia Trân**, chủ-trương thuyết tùy kinh dụng **được**, nghĩa là dùng thuốc phải phụ-thuộc vào chứng-trạng của từng kinh mạch trong cơ-thể, bệnh-tật ở kinh nào ắt phải nhờ đến thuốc của kinh ấy. Đây là một đường-hướng tri-liệu mới-mê và **độc-đạo**, có thể xem gần như khai-sinh ra thuyết quy kinh trong tri-pháp hiện-đại của **Đông-Y**.

Lý-Cảo, trong **Dụng Được Pháp Tượng**, bằng vào công-năng, tác-dụng của thuốc lên cơ-thể, phân-chia **được-liệu** thành bốn loại minh-bạch : **thăng** (thuốc có khả-năng đi lên), **giáng** (thuốc có khả-năng đi xuống), **phù** (thuốc có tác-dụng nổi) và **trầm** (thuốc có tác-dụng chìm).

Cho nên các tác-giả đời **Nguyễn** và đời **Minh**, dựa phần nào vào đường-lối căn-bản các tiên-y vừa nêu tên đã vạch sẵn, đi đến kết-luận rằng những bộ sách như **Chứng Loại Bản Thảo**, đã

được trước-tác và từng nổi danh dưới triều nhà Tống, không còn hợp-thời nữa. Vì vậy, đề cập-nhật-hóa các tri thức về dược học đang bành trướng, **Vương-hiếu-Cổ** trước-tác **Thang Dịch Bản Thảo** vào buổi khai-nguyên triều Nguyên, và **Từ-ngạn-Thuần** soạn bộ **Bản Thảo Phát Huy** lúc nhà Minh mới đặt vững nền đế chế. **Bản Thảo Hội Biên** của **Uông-Cơ** cũng là một dược-thư đồng-loại. Cuốn này về sau bị **Lý-thời-Trần** cho là có nhiều lầm-lẫn.

Cho đến **Vương-hiếu-Cổ** và **Từ-ngạn-Thuần**, lẽ-lối sắp-xếp dược-liệu vẫn là lẽ-lối kinh-diễn, nghĩa là dựa vào nguồn gốc vị thuốc, như phân-chia thuốc thành từng loại cây, cỏ, rau, chim, hủ, kim-khi, khoáng-chất v.v... Năm 1492, **Vương-Luân** viết **Bản Thảo Tập Yếu** với một quan-niệm sắp-xếp thuốc mới-nhề, đây là sắp-xếp dược-liệu dựa vào công-năng, tác-dụng. Tuy vậy, bộ này vẫn còn nhiều sai-lầm. Chẳng hạn vị **Huyền-hồ-sách** (*Corydalis ambigua* Cham. et Schlecht.) vốn là một vị an-thần chỉ-thống ; và **Ba đậu** (*Croton Tiglium* L.), vốn là một vị thuốc xổ, đều được xếp vào hạng các dược-liệu phá huyết. Tuy nhiên, dấu có khiếm-khuyết, đây vẫn là một bước tiến lớn trên đường nghiên-cứu và sắp-xếp các thành-phần cấu-tạo kho tàng dược-liệu Trung-Y.

Nếu các vị thuốc được phân-loại lại một cách khoa-học hơn trong một số bản-thảo, thì cũng có những dược-thư đời Minh lấy nghiên-cứu xuất-xứ dược-liệu làm căn-bản cho sự tu-chỉnh, bổ-túc. Đại-biêu cho đường-hướng này là **Trần-gia-Mô**, tác-giả bộ **Bản Thảo**

Mông Thuyền. Sách ấn-hành năm 1565, nghĩa là 73 năm sau tác-phẩm của **Vương-Luân**. Họ **Trần** cho rằng mình đã mất bảy năm để hoàn-thành cuốn dược-thư và sách đã được chỉnh-lý năm lần. Thể-thức phân-loại vẫn phỏng theo hệ-thống của **Vương Luân**. Tác-giả thống-kê được 742 vị thuốc nhưng chỉ đề-cập với ít nhiều chi-tiết đến 447 vị. Xuất-xứ của dược-liệu được minh-xác cẩn-thận. Chẳng hạn vị **Bạch-truật** (*Actractylis ovata* Thunb.)

được phân chia thành **Tích mộc** là thứ **Bạch-truật** sản-xuất ở **Tích-giang** và **Hấp mộc** có nguồn gốc ở **An-huy** ; vị **Khung-cùng** (*Conioselinum univittatum* Turcz.) có đến ba thứ : **Kinh khung** mọc ở **Quảng-Đông**, **Phủ-khung** là thổ-sản của trấn **Phúc-châu** tỉnh **Phúc-kiến** và **Đài-khung** thu-hái tận **Đài-trung**. **Trần-gia-Mô** cũng tế-phân nhiều dược-liệu dựa vào phẩm-chất. **Hoàng-cầm** (*Scutellaria baicalensis* Georg.) chẳng hạn bao gồm **Túc cầm** và **Tử cầm**, loại thứ nhất có hạt rời, loại thứ hai có hạt dính. **Phòng phong** (*Siler divaricatum* Benth) chiếm hai tiết-mục : một dành cho rễ lớn, một dành cho rễ nhỏ. Ngoài ra, một ưu điểm khác của bộ sách là minh-định cách bào-chế của rất nhiều vị thuốc. Chính **Trần-gia-Mô** đã phát-biểu một câu bất-hủ, đến nay vẫn còn là kim chỉ-nam cho nghệ-huật đao cầu thuyền tán : « Bào-chế cốt ở chỗ vừa chừng, non quá thì khó kiến-hiệu, già quá thì mất khí vị ».

Bệnh-lật thường đi đôi với cơ-hàn, nhất là đối với một dân-tộc mà nạn nhân-mãn hầu như là một mối đe dọa thường-xuyên như **Hán-lộc**, hướng hồ

khi dân tộc ấy vừa qua một cuộc chiến-đấu giành độc-lập. Cho nên một giá-cấp khác của công-trình nghiên cứu được học triều Minh là đi tìm các cỏ cây có thể thay thế cho thực phẩm, hoặc nếu không được vậy đi nữa, thì cũng phải gắng phát giác những biện-pháp giúp canh-tân nghề trồng lúa, cải-thiện mức sản-xuất. Trong phạm-vi này, sự đóng góp của bộ môn bản-thảo học thực là to lớn và nhất là thiết dụng, thực tiễn.

Dược Dụng Bản Thảo là thư liên đầu tiên đáng được đan cử trong đội ngũ các dược điển đề cập đến những phẩm vật tư dưỡng. Tác giả là Ngô-Thụy và sách chào đời năm 1329. Ngô-Thụy chia thực-phẩm thành chín loài : lúa, hạt, rau, trái, chim, thú, cá, côn-trùng và gia-vị. Mục-tiêu của họ Ngô là tìm xem trong số những thức ăn được, có những thức gì có thể dùng để bảo-vệ sức khỏe và / hoặc chữa-trị bệnh-tật.

Sau Ngô-Thụy, vào thế-kỷ thứ mười sáu, **Lư-Hòa** vẫn áp-dụng cùng một phương-thức xếp-loại dược-vật như Ngô-thị, trong cuốn **Thực-Vật Bản Thảo**. Tuy nhiên họ Lư xếp gạo và hạt vào cùng một loài, và, để cho vắn đủ cứu loại, đã thêm nước vào bảng tổng-kê. Nếu so-sánh về số-lượng vị thuốc, thì công-trình của **Lư-Hòa** góp nhặt được nhều hơn, đến gấp đôi số lượng vị thuốc trong **Dược Dụng Bản Thảo**, nhưng cuốn sau này lại có nhiều phương-thang điều-trị bệnh-tật hơn.

Đối với **Lư-Hòa**, có một đặc-điểm đáng được nhấn mạnh : họ Lư đã lưu-tâm bình-phẩm từng loại thực-phẩm một. Chẳng hạn gạo, nếp và các

thứ hạt : họ Lư nhận định rằng loại hạt màu vàng có nhiều giá-trị dinh-dưỡng hơn và vì thế, giới canh-tác cần được khuyến-kích gia-tăng mức sản-xuất. Trong chương dành cho các loại rau cải (thái bộ), họ Lư minh-giải chi-tiết về tác-dụng nhuận-trường của một số rau và nhấn mạnh đến tầm quan-trọng của hoa quả trong phạm-vi bảo-vệ sức khỏe cho đại-chúng. Những luận-cứ ấy của họ Lư, mãi đến nay, vẫn còn ảnh-hưởng vào chế độ ẩm thực của người Trung-Hoa. **Lư-Hòa** rất đề cao rau dưa thanh đạm, và chủ-xướng rằng không nên ăn thịt cá nhiều, vì đấy là những thức ăn nóng. Và về khía cạnh này thì Lư thị theo đúng học thuyết của **Chu-chấn-Hành** ở thế-kỷ thứ mười bốn, vốn vẫn chủ-trương lấy thảo mộc chay tịnh làm căn bản cho chế độ ẩm thực, hòa hoãn lắm mới dùng đến thịt cá. Và chẳng, các lương y đời Minh phần lớn cũng chia xẻ quan điểm này.

Dưới triều Minh Vũ-tông (1506-1521), **Uông Đình** tu-chỉnh chút đỉnh công-trình của **Lư-Hòa** và cho tái-bản nhưng với tên mình là tác-giả. Mà những điểm bổ-sung tu-chỉnh do họ Uông thực-hiện cũng chẳng có gì đáng kể, bất quá chỉ bỏ bớt chừng mười dược-phẩm thuộc loại thủy và thêm vào vài vị thuộc hai loại thái và thú.

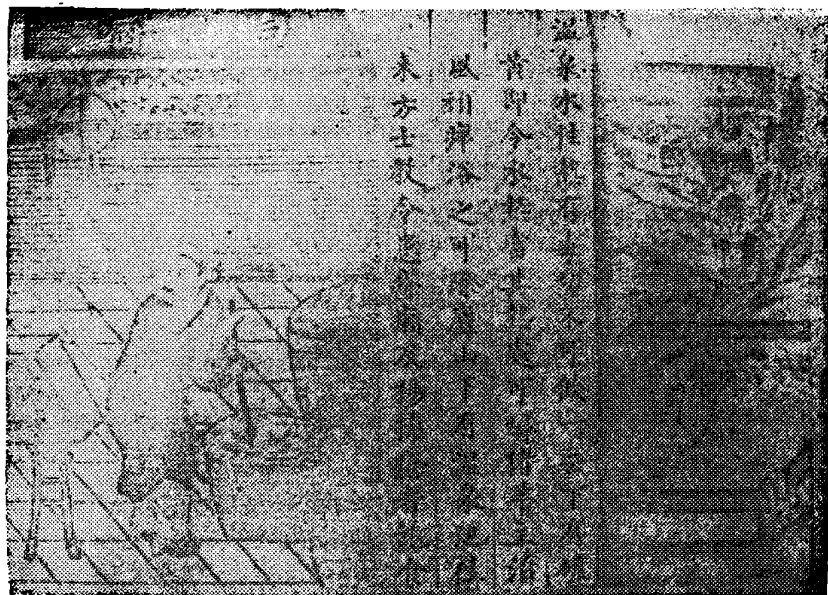
Về sau, cũng cùng sách ấy lại mang tên là **Thực Vật Bản Thảo**, với tác-giả là **Lý-Đông-Viên** ! Rồi đến bộ **Thực Vật Bản Thảo Ước Ngôn**, gán cho **Tiết-Kỷ** cũng vẫn là tác-phẩm của **Lư-Hòa** nổi ! Thành ra và tóm lại, bốn cuốn sách về dược-liệu-học chào đời vào thế-kỷ

thứ mười sáu, với những tên tác-giả **Lư-Hòa, Uông Đình, Lý-Đông-Viên** và **Tiết-Kỳ** đều chỉ là bộ **Thực Vật Bản Thảo** của **Lư-Hòa** xào xáo lại!

Cuốn **Thực Giám Bản Thảo**, do **Ninh-Nguyên** biên-lập cũng là một tác-phẩm đồng loại quan-trọng, lấy khảo-sát đồ ăn thức uống làm đối-tượng. Ấn bản 1592 hiện nay vẫn còn. Sách xếp

ảnh hưởng khá nhiều vào đường lối sắp xếp dược liệu trong **Bản Thảo Cương Mục** của **Lý-thời-Trần** sau này.

Bên cạnh những dược thư chuyên nghiên cứu thực phẩm, còn có nhiều tài liệu khác nhằm mục đích tìm kiếm, phát giác những nguồn lợi thực liệu mới cho đại chúng. Năm 1406, **Chu-Hiến-Vương** tức **Chu-Túc** viết **Cứu**



Một trang trong tác phẩm của Uông Đình

loại dược vật khác với các công trình đời trước, và lẽ-lối phân-chia chủ yếu dựa vào công-dụng thường-nhật của các thức ăn, được liệt kê rất đầy đủ và chi tiết. Hành văn ngắn, gọn, súc tích. Bố cục sách khá phân minh, khoa học, từng chương, từng tiết rõ ràng. Trong mục lục (hươu) chẳng hạn, ta có những tiểu mục **cao** (mỡ), **huyết** (máu), **thận** (trái cật), **nhung** (sừng non) và **giác** (gạc). Phương thức phân chia ấy sẽ

Hoang Bản Thảo. Theo phần đề tựa, ta biết rằng tác giả và thân hữu đời tự mình trồng lấy các loại cây cần khảo cứu trong những mảnh vườn của mình, rồi nhờ các họa sĩ vẽ lại hoa, lá, quả, rễ, thân và vỏ của từng cây để này mằm và phát triển. Kèm theo mỗi loại cây đều có phần chú giải, ghi rõ danh tính, nguồn gốc, đặc tính và phương pháp nấu nướng. Công trình của **Chu-Túc** quy tụ được 414 cây kh

dụng trong các trường hợp đối kếm. Trong số 411 cây ấy thì 138 cây đã từng được đề cập đến trong thư tịch được liệu học cũ, còn 276 cây là mới thêm vào. Đây thực là một đóng góp quan trọng cho khoa thực-vật-học Đông-phương.

Cuối cùng, một thể-loại tư-liệu về được liệu học sáng tác dưới đời Minh đáng được nói đến nữa là những bộ được liệu học viết theo thể văn vần. Nếu xét về khía cạnh hợp lực đào sâu được học thì những sách thuốc loại này công trạng không có là bao, nhưng phần bổ ích của chúng là ở điểm chúng tiếp trợ quảng bá rộng rãi các

tri thức về thuốc men trong đại chúng, và nhìn dưới góc độ này thì tầm vóc ảnh hưởng của các bộ được thư ấy rất sâu rộng. Sách rõ ràng và hữu dụng nhất trong tập thể các bản thảo đồng loại, vì vậy được phổ cập nhất là bộ **Chú Giải Được Tính Phú**, thường được gán cho **Lý-Cáo**, nhưng theo nhận định của giới nghiên cứu thì tác giả có nhiều phần chắc là **Lưu-toàn-Bị**. Một cuốn khác, cũng viết theo thể thơ, nhưng tương đối ít được biết đến hơn, là bộ **Trần Chu Nang Được Tính Phú** của **Hùng-tông-Lập**.

27.08.73

Kỳ lời : Bản Thảo Cương Mục.



SAIGON ẨM QUÁN

CÔNG TY NẠC DANH VỐN 135.000.000\$00

35, NGUYỄN-ĐÌNH-CHIỀU — SAIGON

Đ.T. : 22.208 — 22.498

TRÊN ĐÀ PHÁT TRIỂN MẠNH

NHỜ SỰ TÍN NHIỆM CỦA KHÁCH HÀNG TỪ TRÊN 25 NĂM NAY

RAU · TRƯỜNG THỌ

ĐỖ ĐÌNH TUÂN

Trong khoảng vài tháng nay, các chú con trời ở Chợ Lớn, giống người nổi tiếng trên thế giới với tài sáng chế hoặc tìm tòi ra những món ăn cầu kỳ, ngon lành và được bàn dân thiên hạ truyền tụng, cho là rất bổ dưỡng (1) xăm xi bən tán với nhau một thứ thực phẩm mới đại bổ và dùng làm thuốc trên qui chẳng khác gì sâm (Ginseng Radix) hoặc lộc-nhung (Cervi Cornu) thường hiệu quả lại có phần hơn, đó là một loại rau theo lời đồn đại có tác dụng làm con người khỏe mạnh tươi đẹp và sống lâu như cây Trường-sinh bất-tử nơi non Bồng nước Nhược trong các truyện thần tiên, nên được gọi bằng một cái tên đọc lên nghe rất kêu như trăm ngàn cái tên « xa vời thực tế » của các loại thuốc Tàu: Khang-phục-lệ hoặc Trường-thọ-thái (2). Đến đây, thế nào cũng có bạn đọc muốn xem của quý đó hình dạng ra sao và nhất là nếm thử để hưởng lấy hai điều trong ngũ phúc (3). Vậy bạn có quen với bác phú hào Tàu hoặc Việt gốc Hoa, trong thời gian này nên đến thăm ông ta, bạn sẽ thấy bên cạnh chậu quỳnh hoặc khóm hồng, giỏ lan, bụi cúc, gốc mai... xuất hiện một chậu cây hay một luống vài ba cây cao chừng ba gang tại; lá hồ sinh, hơi to, dày chắc cùng nhám và có lông tơ nhỏ, hoa trắng hoặc vàng có hình giống cái chuông, mọc từng chùm nghênh vè một bên hơi rủ xuống mà vài tháng trước đến chơi bạn không thấy, đó chính là cây thần được vừa nói ở trên, và nếu bạn là khách quý trên thương trường hoặc là kẻ tri kỷ tri âm của chủ nhân, bạn sẽ may mắn được thưởng thức loại thực phẩm đó dưới hình thức nước uống giải khát hay một bữa cơm thịnh soạn thơm phức mà dĩ nhiên món ăn chính, là rau Trường thọ. Gã chủ sẽ rung đùi khoái trá quảng cáo món đặc biệt của bữa tiệc và kể cho bạn biết cây đó do một thân hữu từ Đài-Loan gởi sang biếu, tiêu trừ được một số lớn bệnh kẻ cả ung thư (4) rất hữu ích về phương diện bồi bổ cơ thể; đem so sánh nó với những thứ bổ tinh ích khí, tráng thận cường dương, có tác dụng bồi dưỡng như sâm, nhung, yến, hải cẩu... kẻ cả trứng chim cút

1. Ta có câu ăn cơm Tàu, lấy vợ Nhật, ở nhà Tây (vì ăn cơm Tàu ngon và bổ, vợ Nhật chiều chồng, nhà người Pháp sạch sẽ và cao ráo)
2. Khang-phục-lệ: ý nói cây làm người ta khỏe mạnh và trở lại đẹp đẽ, tên này sách báo ghi làm tên chính.
Trường thọ thái: rau trường thọ, ý nói ăn vào sẽ sống lâu, tên này thông dụng trong quần chúng.
3. Sống lâu, giàu có, khỏe mạnh, yên vui, ưa làm điều phúc, sống cho hết số mệnh (Trừ Ngũ-phúc, thiên Hồng-phạm, kinh Thư)
4. Cách đây vào khoảng 5 năm, báo chí Tàu ca ngợi sự khám phá của giới y học Tàu về đặc tính trị bệnh ung thư vú của căn hành cây Bát-giác-liên (Podophyllum peltatum)

vàng bóng một thời thì những thứ đó chẳng thấm thía gì (1) Trong cơn cao hứng, có lẽ do thức ăn quá bồi bổ, chủ nhân còn tiết lộ : thứ này đang được trồng nhiều ở Đại-Leon rất dễ trồng, được báo chí Tàu, Nhật nhiệt liệt ca ngợi, giới y học Nhật, Tàu đã công nhận hiệu lực của nó vv., và nhất là kế hoạch đại quy mô nhập cảng cây con để trồng ở Việt Nam. Điều cuối cùng này làm chúng ta lên tường ngay đến nạn "cắc kè" (1) xuất cảng sang Hương Cảng trong hai Pháp thuộc trước thế chiến thứ nhất và thời vàng son chim cắt rấm 1970. làm một số người Việt nhẹ dạ khuynh gia bại sản với con buôn Tàu gầy vẹo. Không hiểu cái món này có là một trò úm-ba-la thần tốc, biến mọi thành tiền của các chú Ba chẳng ? Đề hiểu rõ vấn đề, nhân buổi chủ nhật vừa qua, trời quá đẹp không nắng và cũng không mưa, khí hậu mát mẻ lạ thường, lý tưởng cho một cuộc du ngoạn ngoài trời, tôi liền thả bộ thăm vài bạn hữu trong Chợ-Lớn để được nhìn thấy tận mắt nghe tận tai và cũng nắm qua cho biết mùi vị và nhất là xin luôn một mớ tài liệu nói về cây này.

Thực ra, loài người đã biết một vài công dụng của cây này từ lâu, trước thế kỷ thứ 9, một cây không có gì mới mẻ hoặc đặc sắc lắm đối với môn dược liệu học của Tây Y đó là giống *Symphytum* thuộc họ *Borraginaceae*. Nguyên sản ở Bắc Phi-Châu, Âu-châu và Tây bộ Á-châu cũng có. Dân Trung-Đông là những người đầu tiên trên thế giới dùng cây này để trị bệnh là chảy, sau đó người La-Mã hái đem về trị bệnh ruột và bac-từ cho các hoàng thân và vương tôn công tử của họ.

Năm 1265 gọi là *Cumfria*, năm 1450 có tên là *Confria*, năm 1530 được Anh và Pháp định danh như sau *Symphytum Sylvestre* (Englished wilde Confrey), *Consolida media* (Middle Confrey), *Consolida sarracenic* (Sarrasines Confrey) vv... Năm 1578 người Anh dùng từ *Confrey* để chỉ huyết (2) đối với các vết thương, trị bỏng và bệnh là chảy ; một vài nơi dùng cả lá lẫn rễ trong trường hợp gãy xương. Năm 1671 Anh công nhận là dược thảo trị thương và đem thí nghiệm trồng để tìm loại tốt. Năm 1747, người Anh nhận thấy nước sắc rễ *Confrey* chứa rất nhiều mucilage. Năm

-
1. Cắc kè hay tắc kè, Đông y gọi là Cáp giới (*Geckogecko*) dùng làm thuốc cường tráng và cho cái đuôi là phẩm tốt nhất. Vụ cắc kè giống chim cắt, nhưng không được rậm rộ như chim cắt, lúc đầu Tàu mở chiến dịch rỉ tai, căn cứ vào sách Đông Y phóng đại thêm cho là rất bổ dưỡng, ngậm cái đuôi cắc kè đã sấy khô, chạy hàng ngàn thước sẽ không mệt hoặc đủ sức đẻ « nhất dạ lục giao sinh ngũ tử » (một đêm giao hợp sáu lần sinh ra 5 con), rồi bỏ vốn mua rất nhiều và bảo là xuất cảng sang Hương Cảng, người Việt đổ xô mua đi bán lại, giá cắc kè tăng lên vùn vụt, Tàu thấy giá đã cao liền bán ra, khi bán hết cho người Việt họ không mua nữa.

Tên Latin của cây *Consolida*, *Conferva*.

2. Làm ngưng chảy máu

1888, nước Anh đã trồng rất nhiều, trong vườn, hai bên bờ suối hoặc bờ sông, rễ dùng làm thuốc, lá dùng làm đồ ăn cho súc vật, một điều đáng chú ý là súc vật ăn lá này khoẻ mạnh cùng lên cân rất mau. Sau đó, các quốc gia Pháp, Úc, Hoa Kỳ, Gia-nã-Đại, Nhật-Bản... đem trồng trong vườn, vừa dùng làm thuốc vừa làm thức ăn cho súc vật rất tiện lợi.

Hiện nay, có rất nhiều loại Comfrey, người Anh phân biệt: — *Symphytum officinale* (English Comfrey) hoa trắng hoặc vàng, hồng, đỏ.

— *Symphytum tuberosum* (Tuberous Comfrey) nhỏ hơn loại trên.

— *Symphytum aspernum* (Prickly Comfrey) nguyên sản ở miền Caucasus (thuộc nước Nga) có hoa màu xanh, v.v... (1).

Được thư Pháp gọi là Consoude (2) và chỉ dùng rễ của loại *officinale*; thành phần chính của rễ gồm có: mucilage, tanin, allantoin, malate acide d'albéine. dùng để trị các bệnh là chảy, kiết lỵ, xuất huyết tử cung, ho ra máu, và làm thuốc bổ lỵm.

Theo các sách báo của Đài-Loan và Hương-Cảng, cây này được gọi là Khang-phục-lê hoặc Trường thọ thái, loại thảo sống nhiều năm, từ 40-90 năm (?), thuộc về Tử-thảo khoa. Phần tử quan trọng là lá chứ không phải rễ. Trong thời kỳ sinh trưởng, mỗi ngày lá có thể dài thêm 1-1cm5, một tháng dài tới 30 cm tức hoàn toàn trưởng thành. Thời xa xưa người Trung-Đông đã biết công dụng của lá Khang-phục-lê, vào khoảng năm 1700, người La-Mã dùng lá để trị bệnh bao tử và ruột, hơn 100 năm sau người Anh mới biết công dụng của rễ lẫn lá Khang-phục-lê gọi là Comfrey hay Common Comfrey và bắt đầu trồng rất nhiều, nhưng mãi tới năm 1912 (?) cây này mới được nước Anh công nhận là một thứ thuốc đặc biệt chữa về ruột và bao tử. Năm 1955 Úc xác nhận cây này rất có giá trị cả lá lẫn rễ. Năm 1953 Nhật-Bản lấy giống từ Phi-châu về trồng, biến cải ra làm nhiều loại. Năm 1962 Khang-phục-lê du nhập từ Nhật vào Đài-Loan và ngày nay cũng vẫn còn đang ở thời kỳ thí nghiệm. số lượng đã trồng ở Đài-Loan so với Nhật rất là khiêm tốn. Nguyên sản ở Phi-Châu, cây cao 0.7-1m2. lá dài 15-40cm và rộng 5-15cm. Cây trồng nhỏ bé hơn cao 30-80 cm, lá dài 10-30 cm và rộng 4-10 cm, hoa to vào khoảng 1-1,5 cm. Tất cả có 3 loại chính, căn cứ vào màu sắc lúc hoa nở mà phân biệt:

Hoa trắng : Bạch hoa : *Symphytum officinale*

Hoa xanh : Lam hoa : *Symphytum aspernum*

Hoa đỏ tía : Tử hoa : *Symphytum peregrinum*

1. Có 1 thứ người Anh gọi là Wild Comfrey (*Cynoglossum*) mọc ở Bắc Mỹ châu.
2. Còn có tên : Confée, Consyre, Herbe à la coupure, Grand consoude, Oreille d'âne

Loại hoa trắng tốt nhất được công nhận làm dược thảo. Loại hoa xanh từ nước Nga được mang sang Anh trồng cách đây độ hơn 100 năm trước. Loại hoa đỏ tía do loại hoa trắng và hoa xanh giao phối với nhau mà thành.

Từ ngày tìm ra lá có chứa một số lượng đáng kể các chất cần thiết cho sự doanh dưỡng, Nhật càng ngày càng trồng rất nhiều Khang-phục-lê. Sau đây là thành phần chính của 100 g lá đã làm khô kiệt do Nhật-Bản và Anh định phân và được các tạp chí y học của Đài-Loan và Hương-Cảng đăng tải :

	Nhật	Anh
Sinh tố A	8,88 mg	28,2 mg
Sinh tố B ₁	76,5 mg	0,5 mg
Sinh tố B ₂	0,78 mg	1 mg
Sinh tố B ₆		0,13 mg
Sinh tố B ₁₂	0,07 mg	0,07 mg
Sinh tố C	4,40 mg	100 mg
Sinh tố E	30 mg	50 mg
Allantoin	0,28 mg	0,18 mg
Protein	22,41 %	22,3 %
Fat (chất béo)	0,58 %	2,22 %

Pan'hothenic acid, các khoáng chất (Fe, Ca, P, Mn), v.v...

Trong các chất trên, báo chí Tàu nhấn mạnh đến 2 chất : sinh tố B₁₂ (1) và Allantoin (2) $\text{NHCONHCOCHNHCONH}_2$, đó là hai chất rất hiếm thấy trong thực vật. Nhật-Bản hiện có 2 cơ sở nghiên cứu Khang-phục-lê và đã ly trích được sinh tố B₁₂ xuất cảng bán ra ngoại quốc (?). Ngoài sự dùng làm đồ ăn cho súc vật, Nhật còn dùng làm thuốc và rau để ăn.

1. Sinh tố này rất cần cho sự tăng trưởng của các động vật hữu nhũ (người, bò, heo v.v...), được trích từ gan vào khoảng năm 1948 và gọi là cianocobalamin. Trị bệnh thiếu máu Biermer và yếu cơ năng ở người già và phụ nữ có thai. Sinh tố B₁₂ là những tinh thể màu đỏ có trong thịt, gan, bột, sữa, các vi khuẩn *Streptomyces Griseus* và *Bacillus megatherium*. Trên thị trường, giá sinh tố này khá mắc vì hiện nay người ta vẫn chưa tổng hợp được, thường trích sinh tố B₁₂ từ chất bã nhận được khi điều chế chất trụ sinh *Streptomycine* (*Streptomycine* trích từ môi trường cấy *Streptomyces*)
2. Trị các chứng lở loét và làm mau khỏi các vết thương. Ngoài Comfrey người ta thấy chất này có nhiều ở lá loại *Acer saccharinum*, và hiện nay Allantoin có thể điều chế được bằng cách oxyd hóa Uric acid.

Làm thuốc :

— *Có tác dụng* : làm mạnh bao tử (kiện vị), tăng huyết, tốt cho sự trưởng thành của trẻ con trong thời kỳ phát dục, kiện não, phục hồi sức khỏe sau khi làm việc mệt nhọc, cường tinh, tăng cường sức nhìn ban đêm của mắt, điều hòa huyết áp.

— *Chủ trị* : bao tử cùng thấp-nhiễm trĩ-trắng lở loét, thần kinh đau nhức, bệnh trĩ, phong thấp, sưng, đau đường, ung thư, hoàng đản, tinh lực giảm thiểu, sinh lý yếu, sản ngứa, quá nẫu cảm giác, đau các đốt sụn đau, miệng hôi, sâu răng, răng chảy máu, bầm huyết, xuất huyết, da mặt nhăn hoặc có đốm dùng trong nhãn khoa.

Đối với ngoại khoa dùng chỉ huyết và làm mau lành các vết thương, bó xương gãy, trị bỏng nước, các bệnh về da.

Làm rau ăn :

Ở Nhật, trên thị trường bán từng túi nylon, mỗi túi đựng 10 lá đem về ép hoặc xay lấy nước uống hay sào nấu tùy ý, sau đây là một vài món ăn thịnh hành của Nhật và Tàu.

— *Viên bột* : đem lá và thịt heo đã thái nhỏ trộn chung với hành muối, hạt tiêu. Viên thành khối tròn nhỏ, dùng bột mì đã nhào với chút nước bọc ở ngoài, chiên với dầu mỡ cho đến khi vàng tươi là được, lúc ăn chấm với nước tương, thường gọi là Khang phục nhục hoàn tử. Nếu ăn chay thì không dùng thịt.

— Sào : có 2 cách :

1. — Lá thái nhỏ, kích thước tùy người, dùng mỡ heo hoặc bơ sào chín, lúc ăn chấm với nước tương hay muối tiêu, đôi khi sào chung với thịt heo hoặc thịt bò.
2. — Lá bỏ vào nước cho sôi ra rồi đun, vừa sôi bắc ra ngay để lá chưa kịp chín hẳn, để nguội bóc hết gân lá thái thật nhỏ vụn và để riêng ra. Lấy gừng đã cắt vụn thật nhỏ sào, chung với muối và mè (vừng) cho tới khi mè chín. Trộn chung 2 thứ lại và ăn.

— *Nấu canh* : thái lá nhỏ hoặc từng khúc có hình dạng tùy thích, cho nước vào nấu chung với thịt, tôm, nấm, hành.

— *Làm bánh* : lá tán ra thành bột (1), rồi làm thành bánh giống như bánh mì.

1. Có thể dùng bột lá Khang-phục-lệ đổ nước sôi vào rồi hãm như hãm trà Tàu, đó là thức uống nóng.

Nuôi gia súc : đây là một món ăn lý tưởng cho gia súc vì có chứa protein, sinh tố B₁₂, khoáng chất, vv... thường dùng để nuôi bò, dê, heo, gà. Người ta phỏng định cứ 1500-1900 cây có thể nuôi dưỡng được 4, 5 con bò sữa, hoặc 30-40 con heo, hay 450-500 con gà. Nuôi bằng Khang-phục-lệ, gia súc tránh được các bệnh ngoài da, ỉa chảy, bao tử và ruột lở loét, trường mẫn, tốt hơn đậu nành (1) vì đậu nành hay gây ra no trường.



Đề chấm dứt bài này, khách quan mà nhận xét, nếu quả thực là Khang-phục-lệ chứa nhiều sinh tố, allantoin, protein, vv... như trên thì cây này thật đáng quý về phương diện được học (làm thuốc) và thực dụng (để ăn). Bộ Phát-tiền nông-nghiệp và điền-địa cùng Bộ Y-tế nên cho chuyên viên sang Nhật và Đài Loan tìm hiểu đề rõ hư thực. Nếu đúng như các tạp chí y học Đài-Loan nói, chúng ta thử trồng thí nghiệm xem sao, có một thức ăn vừa rẻ, vừa bổ dưỡng trong hoàn cảnh thịt cá và thuốc bò lên giá như điều bay, ai mà chẳng mong muốn. Theo những người đã trồng ở Chợ Lớn, thì phương pháp trồng rất dễ (2), khí hậu Việt-Nam cây sống được và tăng trưởng như thường. Tuy nhiên trong khi chờ đợi sự lên tiếng của giới hữu trách, chúng ta không nên vội tin vào những lời phóng đại của người Tàu mà mua mắc, nên biết lá này ở Nhật rất rẻ, lá tươi còn nguyên vẹn giá vào khoảng 3-5 đồng Việt Nam một lá như vậy chẳng mắc hơn lá cải bẹ xanh (dưa cải) là bao nhiêu (3).

1. Đậu nành (*Soja hispida*) chứa nhiều protein (40/100)
2. Nhật-Bản thường trồng vào 2 tháng cuối mùa thu hay mùa xuân. Lựa đất sâu dày (vì rễ cây dài) nơi dễ tưới nước và quang đăng (cây cần nước và ánh sáng). Cứ 3 thước vuông, cắm vào đó mầm non 15-20 gốc, mỗi lỗ cắm gốc phải đào sâu chừng 30 phân và bỏ vào 1 lớp phân bón, sau khi cắm mầm non vào, vun đất vun cho đầy lỗ, nên làm nhẹ tay, không được để đất khô ráo, phải tưới nước luôn, trời nắng, mỗi ngày tưới nước 1 lần.
3. 1 lá dưa cải giá vào khoảng 3-4 đồng.

UỐNG KHỎI CHÍCH
là tả, Kiệt ly - có đằm, máu

VEREX

NGƯỜI LỖN - CON NÍT

Số KH 508 . 011 / Q.C.P. 29-10-63

Hội Đồ Sơn

với Tục Chọi Trâu

TOAN ANH

Miền Bắc có câu ca dao :

Dù ai buồn đâu bán đâu,

Mồng Mười tháng Tám chọi Trâu thì về

Dù ai buồn bán trăm nghìn

Mồng Mười tháng Tám thì về chọi Trâu.

Câu ca dao này đã nói lên lòng hăm mộ của mọi người đối với tục chọi Trâu, hăm mộ đến độ dù làm ăn xa gần cũng phải nhớ đến ngày chọi trâu, bỏ mọi công việc để được dự một cuộc vui đặc biệt của dân tộc.

Tục chọi trâu hàng năm diễn ra tại hội lồng Đồ-Sơn, phủ Kiến-Thụy, tỉnh Kiến-An.

Tổng Đồ-Sơn ở ven bờ biển vịnh Bắc Việt, gồm ngay cả bãi bè Đồ-Sơn. Du khách tới bãi bè Đồ-Sơn là đã tới địa phận lồng. Tổng này hàng năm mở hội vào ngày mồng mười tháng tám, và trong hội có cuộc vui hấp dẫn nhất là tục chọi trâu, tổ chức chung bởi ba làng trong tổng là Đồ-Sơn, Đồ-Hải và Ngọc-Xuyên.

THẦN TÍCH. —

Thần tích các làng thuộc tổng Đồ-Sơn, — ba làng thờ chung một vị thần, — theo các Ông Nguyễn-văn-Liêm, Thú Y sĩ và Ngô-Quốc-Côn, nguyên tri phủ Kiến-Thụy mà tập san Indochine nhắc lại trong số 7 xuất bản ngày 17-9-1942, — nguyên do như sau :

Cách đây 18 thế kỷ, với gió mùa Đông-Nam, một số ngư phủ nguyên quán ở Thần-Hòa trôi giạt tới chân núi Tháp-Sơn của bán đảo Đồ-Sơn. Sống ở đây, những ngư dân này liên tiếp chịu mọi thiên tai, bão tố nổi tiếp trời hạn hán.

Trước mọi tai nạn, họ chỉ biết ngày đêm ngưỡng lên trời van lơn và cầu khẩn xin chư vị thần linh miền ven duyên thương xót họ.

Cho tới một hôm, trời trong sáng dưới ánh trăng tháng Tám, một số người trông thấy ngoài biển khơi, nơi ánh trăng vàng đang đùa sóng gợn, một lão nhân đầu tóc bạc phơ ngự trên một chiếc sập đá, tay cầm một chiếc gậy dài ngăm nhìn một đôi trâu chọi nhau.

Hình ảnh này hiện ra rồi biến. Sau đó một trận mưa độ lượng đã tưới mát mặt đất.

Qua hình ảnh xuất hiện bất ngờ trên mặt biển, ngư dân hiểu thần linh giáng hạ báo cho dân chúng biết mà thờ phụng.

Đề làm hải lòng thần nhân, họ tổ chức những cuộc chọi trâu và tục này đã được lưu truyền mãi mãi. Một tấm hoành khắc vào đời vua Lê-Thánh-Tôn (1054-1059) gắn trên chính điện ngôi đình của xã Đồ-Sơn, chứng tỏ cổ tục này đã có từ lâu lắm.

Dân chúng thờ thần, vị lão nhân đầu râu tóc bạc, nhưng không biết duệ hiệu của tôn thần, họ cầu khẩn xin thần nhân cho biết để tiện việc thờ phụng nhất là việc khấn vái trong khi cúng lễ và đề thỏa lòng tôn kính.

Sau nhiều lễ nghi liên tiếp thực hiện với sự thành kính của mọi người, dân chúng mang đặt trong ngôi đền thần một mâm bột gạo, rồi toàn thể cùng rút lui sau khi đã đóng kỹ cửa đền.

Vài ngày sau dân chúng trở lại, trên mâm bột họ thấy có vết chân chim. Xóa đi, ngày mai trở lại, vết chân chim lại hiện ra. Như vậy thần nhân đã cho dân làng biết duệ hiệu của mình. Từ đó dân làng thờ ngài dưới danh hiệu *Điềm-tước đại vương*.

Được sự che chở của Đại vương, đám ngư dân làm ăn phát đạt chống đỡ được mọi tai nạn của biển cả cũng như mọi sự biến dấn của thời gian. Sự phát đạt ngày càng tăng tiến; dân số càng ngày càng đông làng xã được lập ra, đầu tiên mới có một làng, rồi hai làng, ba làng: Đờ-Sơn, Ngọc-Xuyến và Đờ-Hải, ba làng hợp thành tổng Đờ-Sơn sau này.

Qua các triều đại thần linh luôn luôn được sắc phong. Những bản sắc cũ không còn nữa, nhưng đến trước ngày đất nước chia hai vào năm 1954, dân làng còn giữ được sắc phong của vua Lê-Cảnh-Trịnh và của các vua Tự-Đức, Đồng-Khánh, Duy-Tân và Khải-Định triều Nguyễn.

Lúc đám ngư dân mới lập đền thờ, đây chỉ là một ngôi đền lợp lá,

nhưng sau này đền được xây gạch với đầy đủ về tôn nghiêm. Đền tọa lạc đối diện sông Hồng-Giang, phía trước nơi thần linh đã xuất hiện.

Theo một số dân Đờ-Sơn thuật lại với chúng tôi, sự tích Điềm-tước Đại Vương có hơi khác:

Bãi bèo Đờ-Sơn xưa kia chỉ là nơi bèo lách hoang vu với tám túp lều đánh cá của tám nhà thuyền chài lập thành một ấp nhỏ. Một hôm, ông trưởng ấp bàn với bảy nhà kia lên núi Cửu Long ở gần bãi bèo, tìm chỗ thạch bàn bày một mâm bột, cúng xin duệ-hiệu vì dân ấp tới ngày đó thờ *Bát-bộ tôn thần*. Mấy hôm sau, mấy người rủ nhau trở lại chỗ thạch bàn chỉ thấy có một vết chân chim, ngó xuống chân núi có hai con gà vàng đang chọi nhau.

Các cụ trong ấp về lập đền thờ và năm năm tới ngày lễ dân ấp tổ chức các cuộc chọi gà. Với tục lệ mới này, dân trong ấp làm ăn vẫn không thấy thịnh vượng. Hàng ấp lại lên núi cầu lại Duệ-hiệu. Khi ở trên núi ngó xuống, mọi người thấy hai con trâu vàng chọi nhau. Từ đó hàng năm có tổ chức cuộc chọi trâu, và dân cư làm ăn ngày thêm thịnh vượng. Về sau với sự sinh con sản cháu, với dân chúng nhiều người nơi khác tới cư ngụ làm ăn, ấp đổi thành làng, một làng rồi ba làng.

Hỏi đến Bát bộ tôn thần, dân làng cho biết đây là tám vị thần linh, nhưng họ không nói rõ tám vị này là những vị nào.

So với những điều thuật lại theo

tài liệu của các ông Nguyễn-văn-Liêm và Ngô-Quốc-Côn, câu chuyện của dân làng không đúng hẳn song vẫn có nhiều sự trùng hợp, chúng tôi xin nhắc lại ở đây để tiện giúp các vị muốn khảo cứu kỹ về sau.

Ngoài ra cũng có một số người cho rằng sở dĩ xã Đờ-Sơn có tục chơi trâu là để kỷ niệm Quân Hèo tức là Nguyễn-Hữu-Câu, một tướng giặc có danh về đời Hậu Lê đã bị Phạm-dinh-Trọng đánh bắt. Điều này so với tấm hoành của ngôi đình xã Đờ-Sơn đã nhắc ở trên thì sai hẳn, đến có trước đời Lý, lẽ nào dân làng không thờ quận Hèo lại có tục chơi trâu để kỷ niệm quận Hèo. Rất mong được sự soi sáng của các vị học giả hiểu biết hơn.

TỤC CHƠI TRÂU.—

Chơi trâu được tổ chức ở một khoảng đất rộng, trước ngôi đình chung của ba xã Đờ-Sơn, Đờ-Hải và Ngọc-Xuyên, tọa lạc trên địa phận xã Đờ-Hải.

Để dự cuộc chơi trâu này, mỗi xã trong tổng đều phải có trâu chơi. Tiếng rằng chơi trâu ở Đờ-Hải nhưng đây là hội chung của hàng tổng Đờ-Sơn. Tổng này với ba xã gồm tất cả mười bốn thôn, mỗi thôn trong kỳ hội đều có trâu của mình dự chơi, tổng cộng tất cả 14 con trâu.

KÉN CHỌN TRÂU.—

Trâu dự chơi phải được kén chọn kỹ lưỡng và phải chăm sóc một cách đặc biệt riêng.

Ngay từ tháng Ba đầu năm, dân làng tổng đã phải đi lùa trâu ở khắp

các tỉnh Bắc-Việt và miền Bắc Trung Việt, sự kén chọn trâu chơi do các tay chuyên môn hiểu biết về trâu qua tướng trâu, có con trâu chơi nhau hăng hái, có con trâu chỉ biết cõ cày vai bừa, ăn no kéo nặng không biết chiến đấu.

Theo các nhà chuyên môn, trâu chơi phải đầu nhỏ, cổ dài bồm (1) tròn, lưng hơi hơi nhô lên. Sừng trâu phải cứng, vuông ở chân sừng, mặt sừng mịn, không dấu vết, vươn thẳng một mạch lên khỏi đầu, hai chiếc sừng cân đối và như nằm trong một mặt phẳng. Hơn nữa sừng phải kín, tiếng chuyên môn để chỉ những cặp sừng hai đầu không quá xa nhau, và cũng không cao khỏi trán trâu bao nhiêu. Tốt nhất khi cặp sừng cách trán trâu chừng sáu tấc, 20 phân ngày nay (20 cm), và hai đầu sừng cách nhau vào khoảng mười hai tấc. Mắt trâu phải tròn và lanh lợi, nằm dưới cặp vành mắt cứng khỏe. Hàm trâu phải thuộc loại *hàm nghiêng*, nghĩa là đen như nghiêng mực. Tai trâu phải dính với sừng, xoáy trâu trên đầu phải nhiều lông và những lông này phải cứng. Trán phải dẹt, thân phải mập lẳn. Trâu phải, *cao vẩy, sa ức, kín sườn, bụng cheo* đúng như lời tục ngữ. *Vẩy* là cái biếu ở vai, *ức* là phía ngực. Muốn kín sườn, đôi vai trâu phải to, còn bụng cheo tức là loại bụng hơi lơn lơn...

-
1. Danh từ bồm chúng tôi dùng theo địa-phương. Đây là túm lông cứng trên đầu trâu, có người gọi là *xoáy thủ*.

Người ta còn kén trâu qua đuôi, đuôi, chân và các khớp chân : đuôi tròn, đuôi dài, chân ngắn, khớp dẻo dai. Ngoài ra, cũng cần để ý tới khớp trâu, nghĩa là những chỗ lồng trâu hợp thành từng khớp như tóc trên đầu con người. Tục tin rằng con trâu nào có hai khớp đối nhau trên hai đỉnh vai và hai khớp đối nhau ở hai bên đuôi là con trâu sẽ chiến thắng sau những cuộc giao đấu hăng say.

Loại trâu chọi thường được lựa trong những con trâu từ tám đến mười tuổi.

Kén chọn trâu qua hình dáng tướng mạo, nhưng người lựa trâu cũng cần để ý tới xuất xứ của mỗi con trâu. Phải tuyệt đối tránh mua loại trâu ăn cắp, do đó, người ta thường tìm hỏi tới các chủ trâu khi đi mua trâu.

LỄ TRÌNH TRÁU - Sau khi tất cả mười bốn thôn đã mỗi thôn kén chọn tậu được con trâu, dân hàng tổng làm lễ trình trâu với đức tôn thần.

Tất cả đàn trâu của mười bốn thôn đều được tời sân đình làng Đồ-Hải, con đứng con nằm ngồn ngang, con miệng đang nhai lại đám cỏ ăn lúc sáng. Ở trong đình quan viên hàng tổng hội họp đề làm lễ khấn trình với thần linh. Lễ tất nhiên có những lễ vật như hương đăng trà quả rượu trâu. Vị đại diện hàng tổng thấp hương khấn vái lễ thần rồi xin một quẻ âm dương để được biết ý tôn thần h. i lòng về những con trâu đã chọn. Rồi lần lượt các quan viên

khác trong hàng tổng đều vào lễ, sau cùng là những dân thôn được hàng tổng ủy nhiệm việc nuôi trâu.

Trong lúc đó, những con trâu vẫn điềm nhiên nằm đứng trước sân đình.

NUÔI TRÁU.- Lễ trình trâu xong, thôn nào dắt trâu về thôn đó, và kể từ ngày đó một người được hàng thôn cử nuôi trâu phải lo săn sóc con trâu sao cho khoẻ mạnh và nhất là tinh khiết.

Thường được giao nhiệm vụ này là những chàng trai chưa lập gia đình, và chàng còn phải ở không, không được tính tới hôn nhân cho đến sau ngày hội chọi trâu *mồng mười tháng tám*.

Trong khi nuôi trâu, những chàng trai phải chịu mọi sự kiêng khem, không được động tới các món ăn bị coi là ô uế : thịt cây, thịt chó, hành tỏi sống và cả thịt trâu bệnh nữa, và tuyệt đối không được giải quyết sinh lý dù có bị đòi hỏi. Các cậu lại phải ăn ở cho sạch sẽ, tránh, mọi nơi dơ dáy như đi thăm đàn bà đẻ, như đi dự đám táng. Cả đến những hành động gian tà như trộm cắp cũng phải tránh. Một người làng Đồ-Sơn còn nói với chúng tôi là ngay đến ý nghĩ gian tà cũng không được có.

Nếu không may con trâu bị vang mình sốt mảy, bỏ ăn lờ dờ, lập tức chàng trai nuôi trâu phải trai giới cầu khấn thần linh để xin cho trâu được bình phục.

Và việc nuôi trâu cũng thực khó khăn ! Cỏ rơm phải rửa cần thận,

tránh cho trâu ăn những vật dơ. Quan trọng nhất là phải giữ gìn để trâu không đi tơ với trâu cái. Tục bảo rằng nếu trâu phạm phải điều này sẽ bị tôn thần vật chết ngay.

Nếu trâu ăn rơm ăn cỏ không đủ, các cậu trai nuôi trâu đòi khi phải cho chúng ăn thóc, nhất là thóc nếp con (1) để làm bõ.

Muốn giữ gìn trâu về mọi mặt, người ta thường tránh thả trâu dong với các đoàn trâu khác, e chúng nhiễm phạm tính.

Người nuôi trâu mong đợi từng ngày hạn kỳ ngày hội để tròn nhiệm vụ không mang lỗi với hàng thôn hàng xã và hàng tổng. Nuôi trâu để chết sẽ bị làng bắt vạ và phải bỏ tiền ra mua đền hàng thôn con trâu khác.

Rất may, theo dân tổng Đờ-Sơn, những con trâu này, sau ngày lễ trình trâu, bản tính chúng dường như thay đổi, chúng mang sự kiêu-hãnh trong mình và không ưa đi lẫn lộn vào đám trâu phàm.

CHƠI TRẦU.— Trâu chính thức chơi nhau vào ngày hội, nhưng trước ngày đó đã có những cuộc đấu loại để gạt bỏ bớt những con trâu và chỉ lựa lại sáu con trâu xứng đáng nhất.

Cuộc đấu loại diễn ra trong những ngày mồng 8 và mồng 9 tháng 6, rồi lại tiếp tục vào ngày 30 tháng 7 âm lịch. Các cuộc đấu loại diễn ra giữa các xã đương sự với số trâu của mình. Lễ tất nhiên, dân các thôn đều phải cáo thần linh trước khi cho trâu đấu loại.

Sau các cuộc đấu loại quan viên các thôn cung kính rước bình hương từ đền thờ Địch-Muốc đại-vương tới đình hàng tổng với đầy đủ nghi trượng của một đám rước thần. Từ hôm đó hàng ngày tại nơi đây đều có những cuộc tế lễ cho đến ngày Hội chính là ngày mồng Mười tháng Tám.

Ngày mồng Mười Tháng Tám ! Tất cả mười bốn con trâu đã dự cuộc đấu loại đều được đem đến trình diện với đức tôn thần tại đình hàng Tổng, tuy nhiên chỉ được dự vào các trận bán kết và chung kết :

3 con trâu của xã Đờ-Sơn

2 con trâu của xã Đờ-Hải

và 1 con trâu của xã Ngọc-Xuyên

Những trận bán kết và chung kết được diễn ra tại đấu trường, một khu đất trước mặt ngôi đình chung, có bắc giồng chung quanh.

Trước những trận đấu kết cục này, các viên chức hàng Tổng cũng có lễ cáo thần linh. Trong khi ở trong đình còn đang hành lễ, những con trâu dự cuộc đều ở bên ngoài giồng và mắt chúng đều có vải che.

Cuộc lễ xong, dân làng đánh một hồi trống dài. Tiếng trống dứt, tại giồng trâu, một người phất cờ lệnh ra hiệu.

Theo hiệu cờ, hai xã dự cuộc đấu thứ nhất, rước trâu vào giồng, rước một cách rất long trọng, có

1. Nếp con là loại nếp nhỏ hạt, hạt tròn tròn, khác với nếp cái hạt lớn và mập hơn, nhưng không tròn tròn (Tròn tròn xin hiểu như gạo Mỹ hạt tròn)

người che lọng cho trâu theo sau trâu đủ đồ lộ bộ và cò quạt lại thêm cả chiếc kiệu. Đám rước trâu đi giữa tiếng trống liên hồi, và khi trâu đã vào giống rồi tiếng trống vẫn không ngừng.

Vải che mắt trâu được bỏ đi, đôi trâu diện đối diện. Có con trâu trước khi chiến đấu đã được dân xã cho uống rượu. Đôi trâu gườm gườm nhìn nhau, xông vào húc nhau. Cuộc chiến đấu thật là tàn bạo và dữ dội, khách đứng xem trước những đòn trâu giao nhau phải thấy rợn mình. Càng đánh nhau chúng càng hăng. Mắt chúng đỏ ngầu. Chúng đưa cặp sừng lên, chúng hất cặp sừng xuống. Chúng liều lẩn vào nhau như có một mãnh lực thiêng liêng gì thúc đẩy.

Trong lúc đó, tiếng trống vẫn vang lên, cò lệnh vẫn phất, và dân chúng như đề cổ võ cho đôi trâu chọi nhau vẫn hò reo.

Hai con trâu chọi nhau cho tới khi một con thua chạy hoặc bị đối thủ húc chết tại giống. Con trâu thắng trận được dân làng đương sự mang cò lọng ra rước rất trọng trọng từ giống vào sân đình, và con trâu thua cũng được dắt hoặc khiêng về đình để đợi khi các cuộc đấu kết liễu, cùng bị làm thịt với con trâu được, để tế thần.

Xong cặp trâu này tới cặp trâu khác.

Bán kết rồi chung kết.

Trong các cuộc chọi trâu có nhiều trường hợp một con trâu thấy địch thủ không dám giao chiến bỏ chạy con trâu này bị tuyên bố thua cuộc.

Theo lệ, con trâu chạy ra khỏi giống bị kè như thua, tuy đã hơn một lần, đôi trâu đuổi ra khỏi giống vẫn chọi nhau.

Sau cuộc chung kết, những con trâu thắng trận được xếp nhất nhì, ba và hàng tổng phát cho các làng đương sự về mỗi con trâu một giải thưởng.



Trâu được hay thua, sau cuộc đấu đều bị mổ thịt tế thần. Số phận chúng thật giống số phận các quốc gia nhược tiểu.

Thịt trâu được dùng làm phần chia cho hàng tổng, những ai đã có công trong việc nuôi trâu cũng như trong việc tổ chức hội chọi trâu, về phương diện lễ nghi cũng như về các phương diện khác, đều có phần chia.

TOAN - ANH

**Độc và cổ động cho
PHƯƠNG ĐÔNG**

Con người Việt-Nam trong tương giao xã hội qua ***việc phân tích tiếng nói***

ĐINH-VĂN-TRUNG

(xin đọc từ số 26)

3.— Cách xưng hô giữa vợ chồng.

1. Khác với trường hợp mấy tiếng chỉ cha mẹ và mấy tiếng anh, chị, em, hai tiếng *vợ, chồng* không được dùng vào việc xưng hô giữa hai người phối ngẫu. Hai vợ chồng mượn lại hai tiếng sơ yếu *anh* để chỉ chồng và *em* để chỉ vợ, và áp dụng lối xưng hô đối xứng như trường hợp hai anh em ruột. Tuy nhiên nên nhắc lại rằng hai anh em ruột thường chỉ dùng lối xưng hô đối xứng khi cả hai hoặc một trong hai còn nhỏ tuổi, trái lại hai vợ chồng dùng cũng lối xưng hô đối xứng đó lại là người lớn. Bên cạnh lối xưng hô đối xứng kia còn lối xưng hô khác cốt ở chỗ tiếng *anh* và *em* để gọi chồng và vợ ở ngôi thứ hai đều thay bằng tiếng *minh*. Cả hai lối xưng hô trên bao hàm vẻ thân mật và âu yếm mà hai vợ chồng khi đã cao niên thì họa hiếm mới dùng tới. Ngoài ra, hai vợ chồng cũng xưng *tôi* với nhau ; hai vợ chồng còn có một tiếng riêng để gọi nhau, đó là tiếng *nhà*. Ở tỉnh thành, đôi khi vợ còn gọi chồng là *thầy* hoặc *cậu*, và chồng gọi vợ là *mợ* ; hai tiếng *cậu, mợ* này là hai tiếng của thuật ngữ họ hàng và cũng là hai tiếng mà đôi khi con cái ở tỉnh thành dùng để gọi cha mẹ như đã nói trên, và vì thế có lẽ ở đây hai vợ chồng dùng để gọi nhau theo phương pháp chuyển vị tiếng, tức mượn lối xưng hô của con cái để gọi nhau. Thường cũng nên ghi thêm chú thích này, là nhiều khi vợ chồng tránh xưng hô với nhau, nhất là khi ở trước mặt người khác, và chỉ dùng lối «nói trống». Trong trường hợp này, tiếng ai quen được dùng ở ngôi thứ nhất cũng như ở ngôi thứ hai. Ví dụ vợ gọi chồng đang làm việc dưới ruộng về ăn cơm : Ai ơi về mà ăn cơm ! Vợ đã quét nhà sạch nhưng chồng không biết là vợ nên hỏi ai quét, vợ đáp : Quét chứ còn ai ! hoặc : Ai quét chứ còn ai !

Khi vợ chồng có con, thì có thêm chức vụ cha mẹ, và do vậy họ có thể áp dụng phương pháp chuyển vị tiếng để gọi nhau bằng tiếng chỉ nghĩa cha mẹ kèm theo tiếng chỉ ý chủ hữu *mày* hoặc *nó* để ám chỉ đứa con, tức chồng gọi vợ là *mẹ (bu) mày, mẹ nó*, vợ gọi chồng là *thầy mày, thầy nó*. Một lối gọi khác cũng tương tự, là dùng tên riêng của đứa con đầu lòng thế vào những tiếng *mày, nó*. Nếu hai vợ chồng đã có cháu thì, cũng theo phương pháp chuyển vị tiếng, họ còn gọi nhau bằng ông, bà là những tiếng mà cháu dùng để gọi mình ; họ cũng có thể thêm tiếng chỉ ý chủ hữu *mày, nó* thành ví dụ *ông nó, bà mày*. Vậy tóm lại, những cách xưng hô giữa vợ chồng vừa có nhiều vừa có thể thay đổi đáp ứng với chức vụ mọi chức vụ cha mẹ và chức vụ ông bà mà hai vợ chồng lần lượt đảm nhận dài dặc trong đời sống.

2. Trên bình diện xưng hô, tương giao vợ chồng được sáng tỏ thêm trong quan hệ tam giác gồm hai người đối thoại và đệ tam nhân. đệ tam nhân này là vợ hay chồng của một trong hai người đang nói với nhau. Ở đây có hai giả sử.

1) Giả sử thứ nhất là giả sử hai người đang nói với nhau là người đương.

— Người nói, nếu là người phối ngẫu của đệ tam nhân, thì gọi đệ tam nhân bằng tiếng chỉ quan hệ vợ chồng, tức tiếng *vợ* hoặc *chồng*, và nhất là tiếng *nhà*, và thêm tiếng chỉ ý chủ hữu ở ngôi thứ nhất; tiếng chỉ ý chủ hữu được chọn phải tương ứng với cấp bậc của người đối thoại, cấp bậc căn cứ vào tuổi hoặc vào địa vị xã hội của họ, ví dụ nói *vợ tôi*, *nhà cháu*. Điều nói trên cũng tương tự trường hợp xưng hô thuộc quan hệ tam giác gia đình trong đó người nói là người không có họ với người đối thoại và là con hoặc anh em của đệ tam nhân.

Nếu người nói đã có con, nghĩa là đã thành cha mẹ, thì còn có thể áp dụng phương pháp chuyển vị tiếng để gọi đệ tam nhân là người phối ngẫu của mình bằng những tiếng như *thầy cháu*, *thầy nó*, *mẹ cháu*, *mẹ nó*. Tiếng *cháu* ở đây ngầm ý đặt con mình trong quan hệ với người đối thoại, và tiếng *nó* ngầm ý đặt con mình trong quan hệ với đệ tam nhân.

Nếu người đối thoại còn ở quãng tuổi thiếu nhi, thì người nói gọi đệ tam nhân là người phối ngẫu của mình bằng những tiếng như *chú*, *bác*, *thím*, v.v... tức những tiếng gọi căn cứ vào tuổi (hoặc chức nghiệp tầm thường) của đệ tam nhân. Nếu người đối thoại, dù là người lớn, kém khá xa đệ tam nhân về địa vị, thì người nói cũng gọi đệ tam nhân bằng ông/bà là hai tiếng, như đã thấy trong hệ thống xưng hô dựa vào địa vị, dùng để gọi người có địa vị dù còn trẻ tuổi; họ có thể xác định địa vị, ví dụ bà chánh gọi chồng là *ông chánh nhà tôi* khi nói với bà xã. Điều này cũng hơi giống trường hợp quan hệ tam giác gia đình (giữa cha/mẹ, con và người trong họ hay người đương) về việc dùng tiếng chỉ tước vị để gọi đệ tam nhân thay vì tiếng chỉ quan hệ gia đình, nếu là tước vị lớn.

— Người nói, nếu là người đương, thì gọi đệ tam nhân bằng tiếng chỉ quan hệ giữa mình và đệ tam nhân, và đây là quan hệ dựa vào tuổi hoặc vào địa vị. Ví dụ bà xã hỏi thăm bà lý: *Ông lý có khoẻ không ạ?*

Ngoài ra tiếng *thầy*, *mẹ* kèm theo tên gọi của con đầu lòng mà hai vợ chồng quen dùng để gọi nhau như đã thấy trên kia, cũng được người nói dùng để gọi đệ tam nhân không có tước vị và là người phối ngẫu của người đối thoại. Lại nếu người nói xuýt soát ngang hàng với người đối thoại, thì họ cũng dùng những kiểu nói *ông nhà (ta)*, *bà nhà (ta)* để gọi đệ tam nhân.

2) Giả sử thứ hai là giả sử hai người đang nói với nhau là hai người trong họ.

— Người nói, nếu là vợ hoặc chồng của đệ tam nhân và ở hàng trên người đối thoại còn đang trong quãng tuổi thiếu nhi, thì gọi đệ tam nhân bằng tiếng chỉ quan hệ họ hàng giữa người đối thoại và đệ tam nhân. Trường hợp này cũng tương tự trường hợp quan hệ tam giác gia đình trong đó cha/mẹ nói với con về đệ tam nhân là một trong hai cha mẹ hoặc anh em; nó cũng tương tự trường hợp quan hệ tam giác họ hàng trong đó người nói là người hàng trên người đối thoại và người đối thoại ở hàng dưới đệ tam nhân. Ví dụ vợ nói về chồng với người cháu gọi mình bằng bác: *Bác đi vắng rồi.*

Nhưng nếu người nói ngang hàng hoặc ở hàng dưới người đối thoại, hoặc nếu người đối thoại là người hàng dưới nhưng đã quá tuổi thiếu nhi, thì người nói gọi đệ tam nhân là người phối ngẫu của mình bằng những tiếng *thầy, mẹ* và với tiếng tương đương, và bằng tiếng *nhà* đã nói trên, kèm theo tiếng chỉ ý chủ hữu ở ngôi thứ nhất hoặc ở ngôi thứ ba (tức chỉ con người nói), như nói *nhà tôi, thầy nó, nhà em, mẹ cháu, nhà con.*

— Người nói, nếu là người trong họ, thì gọi đệ tam nhân là người phối ngẫu của người đối thoại bằng tiếng chỉ quan hệ họ hàng giữa mình và đệ tam nhân hoặc, nếu áp dụng phương pháp chuyển vị tiếng, bằng tiếng chỉ quan hệ họ hàng giữa con mình và đệ tam nhân. Riêng nếu người nói là cha/mẹ, thì họ tự do gọi đệ tam nhân bằng những tiếng mà tôi đã nói trên về cách cha mẹ gọi con mình đã lớn tuổi hoặc đã có gia đình, chỉ có một điều khác, là những tiếng gọi ở đây được hiểu về ngôi thứ ba thay vì ngôi thứ hai.

Tóm lại, trong quan hệ tam giác trên chúng ta thấy những tiếng mà vợ/chồng dùng để gọi người phối ngẫu ở ngôi thứ ba, phần lớn là những tiếng biểu thị quan hệ vợ chồng hoặc biểu thị chức vụ đặc biệt của họ, tức chức vụ cha mẹ.



Thuật ngữ họ hàng trình bày một tập thể đẳng cấp trong đó mỗi phân tử được thăng cấp dần do việc lập gia đình và do sự xuất hiện lần lượt những lớp người sau. Thuật ngữ họ hàng không đến nỗi hoàn bị các khía cạnh quyền thuộc, nhưng giúp phân biệt dễ dàng họ nội họ ngoại, họ hàng ngang, họ hàng dọc; tuy nó có những điểm hăm hồ, nhưng nó không cho phép lẫn lộn các đời trên dưới mà thuật ngữ giới hạn vào chín đời; trong số chín đời này, việc một người trong họ biết được ba đời trên và ba đời dưới mình không phải là điều quá hợ hợ vì một lý do dễ hiểu, là trong xã hội Việt-Nam cổ điển vẫn có những cuộc kết hôn sớm vào lúc mới 15, 16 tuổi. Như vậy thuật ngữ họ hàng, do việc nó được giới hạn vào cửu tộc, là một cách giới thiệu cửu tộc như một khối hay một tập thể riêng biệt trong đó các phân tử liên kết với nhau bằng mối quan hệ tình, mỗi quan hệ đặt cơ sở trên quan niệm quan hệ sinh lý, như tục ngữ cũng nói:

Máu loãng còn hơn nước lã
hoặc

Chấn đòi họ mẹ hơn người dưng.

Thuật ngữ họ hàng cung cấp cho hệ thống xưng hô một phần ngữ vựng gồm những tiếng sơ yếu. Nhưng chính việc dùng những tiếng sơ yếu trong xưng hô là điều đáng chú ý vì trong những tiếng sơ yếu được dùng tới, có những tiếng không nói rõ hoặc phải tính, hoặc họ nội ngoại, hoặc vai trên dưới. Dĩ nhiên trong xưng hô những xác định kia không cần thiết. Nhưng đó lại là điều làm bất ổn sự kiện sau đây. là những tiếng sơ yếu dùng chỉ những người từ hàng cụ trở lên cũng như từ hàng con trở xuống thì chỉ xác định hàng trên dưới, trong khi những tiếng sơ yếu chỉ đòi thứ hai trên bản thân xác định thêm phải tính (tức hai tiếng ông, bà), những tiếng sơ yếu chỉ những người cùng hàng với cha mẹ xác định thêm họ nội ngoại, hoặc phải tính, hoặc vai trên dưới qua những tiếng bác, chú, cô, cậu, dì, v.v.; những tiếng sơ yếu chỉ những người ngang hàng với bản thân thì xác định vai trên dưới và phải tính của người vai trên qua những tiếng anh, chị, em. Ngoài ra, những cách xưng hô, nhất là những cách xưng hô trong quan hệ tam giác, còn hơn thuật ngữ họ hàng ở chỗ nó biểu thị đẳng cấp và nhất là các mức thân sơ một cách rõ ràng hơn với nhiều chi tiết hơn, tuy sự biểu thị này không bao trùm tất cả chín đời tập thể họ hàng, và đây là điều dĩ nhiên, vì không ai sống lâu đến nỗi có thể gặp người dưới mình năm sáu đời. Sau hết, những quy luật xưng hô được khảo sát qua những trường hợp thông thường của quan hệ tam giác, cho thấy tính cách phức tạp của những cử chỉ lời thoại: chức vụ họ hàng và gia đình, những cử chỉ mà mỗi phần tử trong tập thể phải thực hiện để được chấp nhận là thành phần của tập thể. Không những thế, tập quán còn cho biết thêm rằng các phần tử, nhất là người vai trên hay hàng trên, có trách nhiệm giúp đỡ nhau thực hiện những cử chỉ lời thoại kia cho đúng. Điều này có nghĩa là mọi người phải sửa cho nhau những cách xưng hô sai luật, chẳng khác gì như giúp nhau nhận ra đúng vị trí của mình trong tập thể. Trước mặt người ngoài, sự dùng những tiếng xưng hô chỉ quan hệ thân thuộc và gia đình có thể được coi như một cách xưng mình là người của một tập thể riêng và, trong nhiều trường hợp, việc công nhận công khai này còn là điều dư luận đòi hỏi.

HẾT

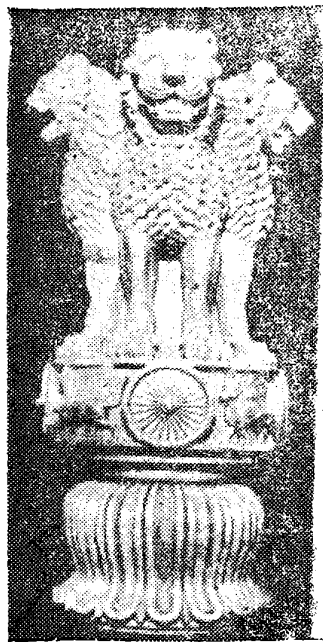
(1) Xem Phương Đông những số 89 và 15. Trong bài ở Phương Đông số 15 có vài lần, xin sửa như sau: trang 229, cột 2; dòng 39, thêm chữ *người* sau chữ *trung*; dòng 42: thừa chữ *nghĩa*. Trang 230; cột 1, dòng 1: chữ *trường* đổi là *người*. Trang 231, cột 2, dòng 30 và 33, chữ *nhất* đổi là *hai* và chữ *hai* xin đổi là *nhất*. Xin cảm ơn.

Hành hương Tây-Trúc mới

HOÀNH SƠN — HOÀNG SỸ QUÝ

(tiếp theo)

« TRÊN ĐƯỜNG DAMAS » CỦA BODH - GAYĀ



Sáng nay 18, tháng 8, tôi và Camus đến hành lễ ở một nữ tu viện Gayā. Hai chúng tôi mượn hai chiếc xe đạp, dự tính hành lễ và điem tâm xong, sẽ trực chỉ Bodh-Gayā cách đó trên mười cây số.

Tới cổng tu viện, Camus mở cửa vô trước, còn tôi ngồi yên trên xe, vừa đi vừa quay lại khép cửa. Chẳng may mất thăng bằng, tôi khụy xuống, và có lẽ vì xương sống tẹo đi, nên thấy đau như cắt ở ngang hông bên trái, cơ hồ không cử động nổi nữa.

Gắng gượng hết sức, tôi lết vô phòng khách, nghỉ ngơi mười lăm phút, rồi lại gắng gượng vô đồng tế với Camus. Trong suốt lễ, mồ hôi tôi đổ ra như cháo.

Lễ xong và điem tâm rồi, cần rằng tôi leo lên xe đạp để đi Bodh-Gayā. Nhưng khi đạp thì, đau quá không chịu nổi, tôi đành chịu nhận lời các nữ tu để nghị lấy xe hơi của họ đi.

Bodh-Gayā, đó là nơi Tư giác cũng như Sarnāth là chốn Giác tha đối với ngài Thích ca, cả hai đều là địa đềm hành hương quan trọng nhất của Phật giáo. Kỳ lạ thay, Đức Phật và Phật giáo đã chọn ngay Benares và Gayā trong lòng Ấn giáo làm chốn chôn rau cắt rốn của mình.

Tới Bodh-Gayā thì đã gần mười giờ. Lập tức chúng tôi đến viếng cây Bồ-đề, cái cây mang một ý nghĩa vô cùng quan trọng đối với họ Thích.

Trước đây, tôi cứ tưởng cây này gốc lớn lắm và cổ lắm rồi. Ngờ đâu cây trông còn tươi mơn mơn lại thấp và gốc tương đối nhỏ. Người ta bảo rằng, từ cùng một gốc, đây là thân cây thứ tư, vì ba thân trước bị chặt, một do hoàng hậu vợ Asoka, và một do chính Asoka lúc chưa tòng Phật.

Thực ra, đây chỉ là một cây pippala (pipal)¹. Sở dĩ riêng cây pippala này được gọi là Bodhi (Bồ đề) hay Giác ngộ, là vì khi xưa Đức Phật đã tự giác khi ngồi tọa thiền dưới bóng mát của nó.

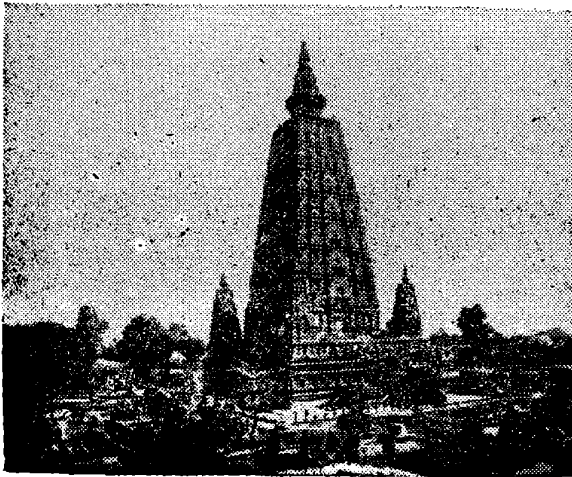
Cây Bồ đề đã không bao lớn, mà cá là cò ngũ sả (cò nêu đại hay ngũ hành, hiệu kỳ phát giáo) treo la liệt trên ngành, khiến trông như một thứ « Cây Mùa Xuân » hay « Cây Sinh-nhật » nào đó vậy. Cây Bồ đề trông càng bé nhỏ hơn vì nó mọc bên vách một ngôi đền cao vút, đền Mahābodhi hay Đại giác. Đền Mahābodhi vuông vức và màu xám. Nó mọc lên như một ngọn tháp ngay chính chỗ xưa là một Đại tự do Asoka xây. Có lẽ Đại tự này cũng không khác với ngôi đền ngày nay là mấy.

Đằng sau cây Bồ đề và trên tường ngôi đền, một Đức Phật sơn màu hoàng nhũ ngồi chỉ tay xuống đất. Nếu ở Sarāh, các tượng Phật đều đếm đốt ngón tay, thì ở Bodhi-

Gayā, ở đầu cũng thấy Ngai chỉ tay xuống đất. Đếm đốt ngón tay, chỉ tay xuống đất, hay cò ba rốn và vành tai to, tất cả đều mang một ý nghĩa. Với Đông phương nghệ thuật bao giờ cũng là ngôn từ và triết lý vậy.

Theo người Ấn giải nghĩa, thì khi Đức Phật ngồi tu luyện dưới gốc cây Pippala này, quý Mưa đã hiện đến cảm dỗ, cốt làm cho Ngài nản chí, bỏ dở cuộc tu đang đến hồi kết quả. Hẳn bảo rằng, ở kiếp trước, Gautama đã không cúng tế, khiến cho uế-khi nặng nề, không tu thành chính quả được. Để chống lại, Gautama bèn chỉ tay xuống đất, nại Mẹ Đất làm chứng cho rằng xưa mình đã cúng tế lẫn hồn.

1. Đây là thứ cây cùng loại với cây đa, mà tiếng sanskrit gọi là pippala và hindi là pipal. Pippala thân nhẵn nhụi và không rễ đeo. Trái lại cây đa thì mọc meo lồi lõm, lại có rễ từ ngành buông xuống nữa.



Chùa Đại Giác,
có cây Bồ Đề
bên cạnh

Ngày nay, ngay chính chỗ nói trên, người ta đúc tượng Phật trong cử chỉ đó để làm kỷ niệm. Và ngay trước tượng, chỗ Ngài tọa thiền, người ta cũng xây một cái bệ gọi là bệ ngọc để đánh dấu. Chung quanh cây, vệ và tượng ấy Asoka cho dựng một hàng cột đá để vây. Một số cột ấy còn sót lại đến ngày nay, còn cột mất đi được thay bằng cột mới.

Tôi quên chưa nói đến hai phiến đá nhỏ và tròn bẹt đặt gần cây Bồ đề. Trên mỗi phiến đá có tạc một dấu chân lớn, giữa có bánh xe đạo và con cá. Người ta bảo đó là dấu chân Đức Phật, và thú nhận đây chỉ là dấu chân giả, chứ dấu chân thực đã mất từ lâu rồi. Tôi tự hỏi: Không hiểu vì sao chỉ ở đây mới có dấu chân Phật ghi trên đá, khi mà ngay gần đó ở Gayā cũng có dấu chân Visṇu? Ai đã bắt chước ai, hay là ai đã nhại ai để chứ! xéo người¹?

Dù sao, đó chỉ là những rắc rối của đám đồ đệ sau này. Chứ chính Đức Phật và những nhà chân tu thượng thánh, ắt không ai còn « tham sân si » như thế. Và lại, nếu họ có để lại dấu chân, thì dấu chân ấy phải có tính cách thiêng liêng hơn. Dấu chân thiêng đó, mơ hồ tôi như đã tìm thấy trên các lối đi của Śākya được đánh dấu bằng những đài kỷ niệm nho nhỏ. Và cũng nho nhỏ cái ao sen gần đấy, nhắc nhở về cô gái xách nước đã cảm vì cái đức của người đạo sỹ ngồi quên sự đời dưới gốc cây, và mang cơm hàng ngày đến cho Ngài.

Quanh quần với cây Bồ đề mãi

cho đến giữa trưa, chúng tôi mới bỏ sang thăm các ngôi chùa khác. Chùa đầu tiên là chùa Tây tạng, có tượng Phật mới đội mũ vua. Lúc ấy, các nhà sư áo nâu đương tụng kinh trưa giữa tiếng trống kèn inh òi, có vẻ hỗn độn y như quang cảnh cũng hỗn độn. Có sư thì chăm chăm chú chú, có sư hay tiêu lại trông ngang liếc dọc, coi như trò đùa. Cũng thì là kinh Tam bảo, nhưng mỗi nước lại tụng khác nhau. Tôi chưa được nghe sư Ấn tụng kinh bao giờ, nhưng sư Thái chỉ thấy ẽ a đọc, chứ không có âm nhạc kèm theo, còn sư Việt lại gieo từng tiếng theo mõ đều đều, chứ không dấu âm ỹ như người Thiên trúc cả.

Bỏ đại sảnh, chúng tôi bước xuống một ngôi nhà ngay cạnh đó. Trong nhà, chúng tôi thấy một ống đồng không lồ dựng đứng, đường kính chắc tới vài ba thước, và chiều cao còn gấp mấy nữa. Ống đó là bánh xe đạo, và nó có thể xoay quanh một cái trục. Từng người rồi lại từng người, các thiện nam tín nữ tới chạm tay vào ống, vừa đi quanh vừa lấn ống từ trái sang phải theo chiều mũi tên chỉ. Nếu khi xoay mà giữ tâm hồn không tạp niệm, thì sẽ được phúc nhiều. Bất chước mọi người, tôi cảm thấy dù không được phúc, ít ra với tâm hồn bình lặng cũng hoà mái giữa một thế giới quá rộng và bất an này.

1. Bên Giêrusalem, nơi Chúa lên trời, người ta cũng tạo ra một dấu chân in hằn trên đá,

Chúng tôi lần xong bánh xe thì các nhà sư cũng xong “động” kinh. Hỏi thăm thì các vị cho biết chùa có năm mươi sư, và đây là ngôi chùa sống nhứt, vì tại đây, chùa Thái lan chỉ có năm sư, và chùa Trung hoa do một ni cô già duy nhứt ở trông coi. Bà này tuy thạo Hindi, nhưng tiếng Anh lại không biết, thành thử chúng tôi không thể phỏng vấn.

Chùa Thái lan, mỗi chiều chúng tôi mới sang thăm nó, sau khi đã dùng cơm trưa tại một quán hàng. Quán hàng này, ngoài mấy đồ giải khát ra, còn có bán cả... phân bò đã đóng thành bánh với rơm, sẵn sàng dùng để làm nhà.

Đây là lần đầu tiên chúng tôi nhìn tận mắt một ngôi chùa Thái lan, ngạc nhiên trước những mái ngói vàng chói sáng dưới nắng trưa¹, lại chồng chất lên nhau và đứng vững.

Trong chùa, một tượng Phật cũng mạ vàng chói sáng, và trên đầu có «nhà ngọc»².

Vô chùa, chúng tôi xin gặp vị sư trụ trì. Người ta dẫn chúng tôi đến một nhà sư Thái trạc tứ tuần. Với một nhà sư người Ấn, ông tiếp chúng tôi một cách niềm nở, và mời chúng tôi mỗi khi ghé qua Gayā, xin đến chùa ông mà ở. Theo ông cho biết, thì trong chùa có năm nhà sư do chính phủ Thái gửi đến và ăn lương

chính phủ, bốn trăm rúp-pi một tháng mỗi người.



Trở về Gayā chiều hôm ấy (19 tháng tám), dù đau, tôi vẫn sửa soạn đề sáng sớm hôm sau trở về Vārāṇasi, từ đó đi Allahabad và Combi. Tại Combi, cách Allahabad 40 cây số, một ủy ban khảo cổ đại học đương ra công đào quật. Theo lời giáo sư Dandekar ở Poona, tôi có thể tìm thấy dấu vết bàn thờ Hỏa thần tại đó.

Bàn thờ Hỏa thần trong nghi lễ «Xây bàn thờ Hỏa thần» (Agni-cayana), tôi đương muốn tìm xem tận mắt một bàn thờ như thế. Nghi lễ Agnicayana; được diễn tả tỉ mỉ và trang nghiêm đại hải trong tập «Bách đạo Bà-la-môn» (śata-patha-brāhmaṇa), là một nghi lễ vô cùng trang trọng, mà khi chiếm hữu một mảnh đất mới, các vị tiểu vương phải thi hành để thực sự sở đắc nó về mặt thiêng liêng. Việc xây đàn tế và nghi lễ kèm theo kéo dài suốt một năm, với mỗi ngày một nghi thức khác nhau, đầy tính cách biểu trưng. Một năm, đó là cả một cuộc đời vũ trụ thu ngắn, và cũng là cuộc đời trên trời và dưới

1. do lượt dầu bóng gi đó quét lên trên.

2. Chúng ta sẽ trở lại với chiếc «nhà ngọc» này khi viếng thăm Thái lan trên đường về,

đất của tiểu vương. Bàn thờ Hỏa thần, đối tượng của việc xây và nghi lễ xây, có khi dài cả tới 150 thước. Mỗi lớp gạch của nó đều chỉ một cái gì màu nhiệm. Mỗi cái sọ chôn trong đó đều đại diện cho cả một loài sinh vật trên trái đất. Bàn thờ ấy đồng thời cũng là Hỏa thần được nhìn dưới hình ảnh con chim, và Hỏa thần là Đấng Hóa công siêu việt, gồm cả hai hình thái Hiện và Vô được nói lên trong các nghi thức khác nhau. Vì từ lâu đã mơ ước tìm coi một bàn thờ như thế, nên sau khi Dandekar cho biết một địa điểm nhiều hứa hẹn, tôi đã nhất quyết đi Combi.

Không may, lúc gần năm giờ

sáng khi dậy đề lên đường, đau quá, tôi đã sa sầm mặt mày và ngất xỉu. Tỉnh dậy, tôi thấy mình đang nằm trên mặt đất và nằm đã từ lâu. Thế là, theo lời khuyên của bác sỹ, tôi phải bỏ ý định nói trên. Nán lại Gayā tỉnh dưỡng mấy bữa, tôi chờ Camus trở về Benares lấy hành lý giúp, rồi ngày 22, nhờ Camus đi, tôi lên xe lửa trực chỉ Calcutta¹.

1. Vì tai nạn té xe này, tôi phải nằm thêm ở Calcutta mười bữa, và khi về Saigon, mừng một Tết năm Kỷ Dậu, tôi phải vô nhà thương. Kể đó, năm sáu tháng tôi mới tạm khỏi, và một năm mới được coi là khỏi hẳn



HEPATOMAX

Bào chế bằng nước cốt gan bò

☐ THƠM NGON, NGỌT

☐ BỔ HUYẾT, BỔ GAN

☐ DA DẼ HỒNG HÀO

TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY

Mua sỉ: Tân Hóa Dược Cuộc Công Ty - 601 - Lê V. Duyệt, Saigon

(tiếp theo)

CHƯƠNG 4

ĐỒNG - CỐT VÀ SỰ TRUYỀN - CẢM THỤ - ĐỘNG

I. Một đặc-diểm vật-chất :

Người nào muốn ngồi đồng phải có khả-năng xuất hồn ra khỏi xác. Thề xác của người đó lại còn phải có một đặc-diểm khác : đó là sự kết hợp lỏng-lẻo giữa các phần-tử di-thải và các phần khác trong thề xác.

Đặc-diểm trên thường có từ lúc mới sinh, nhưng nó cũng có-thể được khai-mở ở những nơi tụ-tập đặc-biệt. Nó không phải là một bằng-chứng rằng người có nó tiến-hóa cao hơn mọi người khác, trái-lại là đấng khác : khả-năng lên đồng là một dấu-biểu của một linh-hồn kém tiến-hóa, mặc-dù một vài ngoại-lệ. Lý-do là khả-năng xuất hồn không vượt qua phạm-vi thề xác : khi thề xác có một vài đặc-diểm cần-hiết thì người-ta có-thể ngồi đồng. Nó không đòi hỏi một tâm-tính thanh-cao hay một cố-gắng nào về sự trau-luyện tinh-thần, nghĩa là bắt-buộc phải tu tâm dưỡng tính.

Nhưng thông-thường thì người-ta cứ tin rằng những người ngồi đồng được là những người tâm-linh đã phát-triển đến một mực-độ khá cao. Sự thực không phải như vậy : khả-năng ngồi đồng là một khả-năng

vật-chất, nó không tương-quan, hay tương-quan rất ít, với những khả-năng tinh-thần, gia-di những nhà tu hành chân-chính không dề-y đến hiện-tượng này và coi việc tu xuất-hồn có hại nhiều hơn có lợi cho sự tinh-tấn của tinh-thần.

2. Thái-độ nên có đối với hiện-tượng lên đồng.

Nhiều người, nhất là ở xứ ta, coi sự lên-dồng như một tôn-giáo và kính-trọng lời-lẽ của các vong-linh do đồng-cốt chuyển-lại như là những giáo-lý cao-siêu. Thái-độ này không hợp-lý.

Lời-lẽ của vong-linh do đồng-cốt chuyển-lại thực ra không khác gì lời-lẽ ta nghe được của những người xướng-ngôn đài phát-thanh. Trong cả hai trường-hợp, lời-lẽ vẫn phát-xuất từ một người thường, có khác họa chăng là một đấng nó được chuyển qua máy phát-thanh, còn một đài thì do xác đồng-tử. Người-ta không tôn-sùng những lời nói của người xướng-ngôn đài phát-thanh thì thuận-lý ra cũng không thể tôn-sùng những lời nói của vong-linh truyền cho người ngồi đồng được.

Việc một người chết dùng xác người đồng cũng giống như việc ta dùng điện-thoại : Sự-kiện đó không có tính-cách tâm-linh gì hết. Nhưng chúng-ta có thói quen gọi người vừa bỏ xác, nghĩa là người chết là «vong-linh» hay «anh-linh». Thói quen này gây ra nhiều sự hiểu-lầm khiến ta tôn-sùng và tin-tưởng người chết thái quá. Điều cần biết là, ngay bây-giờ, chúng-ta cũng là những l nh-hồn, và sau khi từ-trần, chúng-ta chỉ mất thể xác thôi chứ còn về phương-diện tâm-linh chúng-ta vẫn y như trước. Nếu trong lúc sinh-tiền, anh Ất ăn-nói đồng-dại thì khi chết anh ta cũng vẫn thế; anh ta có muốn nhờ miệng đồng-cốt để giảng đạo thuyết-pháp đi chăng nữa, thì lời-lẽ của anh ta cũng không giá-trị gì hơn lúc anh ta còn sống.

Chúng ta quên bao-trùm cái chết và những điều xảy ra bên kia thế-giới bằng một bức màn bí-mật và tỏ một thái-độ kính-trọng. Việc ấy không có ích-lợi gì cả. Khi một người đồng thốt ra một điều gì, chúng-ta nên đón-nhận như lời một người bạn quen, thể thôi, không hơn không kém, và vẫn phải vận-dụng trí khôn của chúng-ta mà xét-đoán về giá trị của những lời nói ấy.

3. Tìm - hiểu hiện - tượng đồng-cốt :

a) — *Triah-nữ dâng hương* (les vierges vestales) :

Đồng-cốt là một phương-tiện liên-lạc xưa nhất và dễ nhất giữa cõi trần và cõi vô-hình. Lịch-sử và các công-trình nghiên-cứu huyền-môn xác nhận đồng-cốt đã có trên hai ngàn

năm nay. Trong các đền thờ vĩ-đại thời xưa ở Châu Ất-ăng (Atlantide, hiện bị chôn vùi dưới lòng biển cả Đại-Tây-Dương), Bền Ai-Cập hay hay Hy-Lạp, khi các tu-sĩ đạo-bạch có huệ-nhân quan-sát quá-khứ, thì có những trinh-nữ dâng hương, những vũ-nữ và đồng-nữ đến phụ-lễ, đề chuyển-lại những lời-lẽ quý-báu của các bậc Thần-Linh cho các tín-đồ kính-cầu và yên-lặng nghe.

Các trinh-nữ đó đều thuộc những gia-đình quý-phái và được nuôi dưỡng trong các đền thờ thanh-khiết, linh thiêng. Họ ăn những thức ăn chọn-lọc, tinh-khiết và được giáo dục ngăn-ngừa những tư-tưởng xấu tiêm-nhiễm. Được chăm-nom và giáo-dục cẩn-mật như vậy họ mới tránh được những ảnh-hưởng tai-hại và mới được sửa-soạn chuẩn-bị để làm phương-tiện thanh-khiết phát-ngôn những giáo-lý cao-siêu do các vị chân-nhân chương-giáo nhập vào họ truyền-dạy.

Việc rời-bỏ xác-thân để một vị cao cả thiêng-liêng sử-dụng không phải là một điều nguy-hại. Có nhiều nhà huyền-môn và những bậc đềm-đạo (initiés) làm như vậy khi họ biết rõ vị nào sẽ sử-dụng xác-thân của họ, và, trong lúc họ rời khỏi xác-thân, họ vẫn ý-thức được những điều xảy ra. Họ còn có dịp đứng bên vị chương-giáo để được nghe lời chỉ-dạy.

b) — *Sự nguy-hại của đồng-cốt* : Việc sử-dụng đồng-cốt hiện-nay gây nhiều tai-hại khiến các nhà huyền-môn khuyên nên xa-lánh. Nguyên-nhân các

tai-hại đó là điều-kiện sinh-sống uế-tạp của đồng-cốt. Họ không được tiến-hóa đến mức có-thể lựa-chọn những vị cao-ả để mời nhập vào thân-xác mình. Khi họ xuất hồn rời thể xác, họ mê và không còn hoạt-động được. Vì không được tu-luyện nên tâm-thức họ phát-phơ như trong giấc mộng với những tư-tưởng quen-thuộc hàng ngày. Trong khi đó, một vong-linh nhập vào cái xác trống (không có hồn) của họ và thuyết-giảng trước một cử-tọa kính-cần. Vong-linh này một đôi khi cố-gắng che-chở đồng-cốt. Tuy-nhiên, vong-linh ấy cũng tâm-thuờng như người trần-tục chứ không phải toàn-đăng, toàn-trí gì để có-thể che-chở hữu-hiệu và không sai-lầm.

Nếu chúng-ta biết rằng ở cõi vô-hình, — nhất là ở các tầng thấp mà đồng-cốt thường tiếp-xúc, — có một số vong-linh đàn-ông, đàn-bà *bất-hảo*, thì chúng-ta đừng ngạc-nhiên khi thấy những vong-linh ấy tỏ ý-dịch rõ-rệt muốn chiếm-đoạt thể xác của người đồng. Kết-quả là thể xác người đồng bị vong-linh hành-hạ và trở-nên uế-tạp.

c) — *Những nơi ô-uế:*

Chúng-ta ai nấy chắc cũng đã có lần tham-dự một buổi lên đồng. Trong số những người hiện-diện, ta thấy không mấy người có học và nét mặt hiền-hòa: phần đông đến vì tò-mò hay để thỏa-mãn một dục-vọng cá-nhân. Họ thường ăn thịt, uống rượu, và nhiều khi không được sạch-sẽ nên phát ra những mùi hôi-hám khó-chịu.

Người đồng nhiều khi cũng không kiêng-cữ rượu cho nên từ-điện của họ cũng dơ-bẩn và xấu. Trong các điều-kiện ấy, thử hỏi làm sao mà các bậc tiên-thánh có-thể bằng lòng sử-dụng thân-xác của họ? Thể xác của họ ví như một bộ quần-áo bẩn, một người sạch-sẽ làm sao mà mặc nó vào được?

Do đó, những giáo-lý đồng-cốt thốt ra không có giá-trị, vì các nhân-vật quan-trọng trên cõi vô-hình không đến nhập vào họ, dù cho nơi đó có mặt thân-nhân của các vị ấy. Thay cho những vị ấy là những vong-linh tâm-thuờng đến nhập vào người đồng rồi, để cho uy-tín, mạo danh vị này, đấng nọ truyền-dạy những điều vô-vị.

d) — *Những điều-kiện lý-tưởng.*

Nếu các điều-kiện nói trên được thay-đổi đi, nếu những người đến dự gồm những người trong-sạch, vị-tha và có khuynh-hướng tâm-linh, và nếu những người đồng là những người có tu-luyện, ăn chay giữ giới cần-trọng, tư-tưởng thanh-cao và xác-thân trong-sạch, thì những kết-quả sẽ tốt-đẹp hơn nhiều. Khoa thần-linh-học, nếu muốn có một địa-vị quan-trọng trong giới tôn-giáo và khoa-học, nhất thiết phải tạo những điều-kiện trên và huấn-luyện đồng-tử từ lúc nhỏ, đừng để cho họ bị lợi-dụng bởi những bọn người dốt-nát, buôn thần bán thánh, khai-thác tinh hiều-kỳ dị-đoan của người đời để mưu sinh như bất-cứ với một nghề tâm-thuờng nào khác.

đ) — *Sự hiện-hình làm suy-yếu thần-kinh.*

Sự hiện-hình bao-giờ cũng làm hại sức khỏe của đồng-cốt, và một đôi khi, còn làm nguy đến tính-mạng của họ nữa. Lý-do là khi chất dĩ-thái được rút ra khỏi thể-xác để hiện hình thì luồng sinh-lực nuôi-dưỡng thể-xác (sinh-khi) bị bớt đi nhiều làm cho thể xác kiệt sức. Các bộ phận trong người đều bị xáo-trộn, nhất là tim, bộ thần-kinh và bộ tiêu-hóa. Thần-kinh bị căng-thẳng và suy-yếu bắt-buộc người đồng phải dùng những chất kích-thích; do đó, nhiều người đồng trở nên nghiện rượu.

Mặt khác, khi chất dĩ-thái của thể xác được một vong-linh dùng để hiện-hình, chất ấy sẽ thu-hút một phần từ-khi và thu-nhận ít nhiều những ba-động của vong-linh đó. Nếu vong-linh thuộc loại dâm-dật, xảo-trá, chất dĩ-thái bị ô-nhiễm và khi nó được hoàn-lại cho người đồng, nó vẫn giữ ảnh-hưởng tiêm-nhiễm và khiến cho người đồng cũng trở-nên dâm-dật xảo-trá. Những người đến dự những buổi hiện-hình này cũng bị rút một ít chất dĩ-thái của mình để phụ với đồng-cốt và vì thế họ cũng bị ô-nhiễm một phần. Bởi vậy cho nên, những nhà huyền-môn chân-chính không bao-giờ khuyến-khích sự hiện-hình.

e) — *Sự ám-ảnh :*

Những người có thần-nhãn, khi

quan-sát một buổi lên đồng, thuật lại rằng các vong-linh cũng đến dự rất đông-đảo. Một vài vong-linh nhập vào đồng-cốt, còn những vong-linh khác thì tìm cách ảnh-hưởng cử-tọa. Một đôi khi, có vong linh xé rách được tấm màn bảo-vệ đã được nói tới trong một chương trước và có thể lộng-hành đối với nạn-nhân bằng cách ám-ảnh và gây cho nạn-nhân đủ thứ đau-buồn, tai-họa. Vong-linh đó muốn trở-lại cõi trần sống lại đời sống vật-chất mà họ vẫn còn thèm-khát, và nếu không được thỏa-mãn, có thể hành-xác người bị-ám một cách tàn-nhẫn ác-độc.

Trong trường-hợp màn bảo-vệ không bị rách, một vong-linh cũng vẫn có-thể đề-ý đến một người nào, rồi theo người đó về nhà để phá-phách đủ cách. Trẻ-con nhỏ rất dễ bị ám-ảnh như thế bởi vong-linh.

Các buổi họp riêng thường ít nguy-hiểm hơn, vì cử-tọa được chọn-lọc, mặc-dù những sự nguy-hiểm vẫn còn nguyên-vẹn. Cho nên các nhà huyền-môn không-bao-giờ khuyến-khích những buổi lên đồng, trừ những trường-hợp trong đó có-thể thực-hiện được những điều-kiện của thời trình-nữ dâng hương.

Kỳ sau : CHƯƠNG 5 (TÂM-THỨC SIÊU-ĐẲNG) (Supraconscience).

THAM THIỀN

KRISHNAMURTI

NGUYỄN MINH TÂM dịch

Tâm thức con người, vốn có từ bao nghìn năm, cần được chuyển-hóa tận căn và giải-trừ nhiễm trước. Chỉ như vậy chúng ta mới thấy vô số những vấn đề phức tạp của đời sống chúng ta giải-quyết được thôi ; và mới thấy tâm thức quả có khả năng tự giải-trừ cuộc trước nhiễm do di-sản thú tính của nó, do những áp-lực xã-hội, kinh-tế và văn hoá trong đó tâm-thức đã sống, của những mê-lín, những tin-tưởng, những đấu tranh đã luyện tập, trong bao nghìn năm rồi chẳng Hỡi vậy tâm-thức có thể thọ nhận sự rút bỏ dứt tuyệt, chuyển hoá ở cơ bản, chuyển hoá chẳng những tận cơ-cấu những tế bào óc não mà đến cả tính-chất của tâm và của trí hay chẳng ? Tâm thức như vậy có thể sống chẳng giữa cảnh hỗn mang điên đảo, giữa sự hung tàn và bạo hành đích là thật tướng của xã-hội ngày nay — tâm thức như vậy có thể vẫn tự do sinh tác ung-dung, không vọng động, tịnh chẳng mây may chướng kháng, hưng không vì thế mà phải xa lìa xã-hội hay chẳng ?

Ta có thể xét nhận chỗ cần thiết bao la là ta phải thấy xuất hiện một tâm thức mới, một tâm-thức không ghi ký và trải qua bao nghìn kinh nghiệm, một tâm thức không bị tù hãm trong khuôn mẫu, trong bất cứ văn hoá của tôn giáo nào, xã hội nào, hay điều kiện kinh-tế nào cả. Cái khuôn mẫu này cứ trùng tiền tái diễn liên miên trong lịch

sử, chỉ biến đổi chút ít nào ở đó ở đây. Chúng ta từ chủ-nghĩa cộng-sản bắt qua chủ nghĩa phát-xít, sang qua tư-bản, ta tưởng cho thế là đã có khởi lên những cuộc cách-mệnh vĩ-đại gì rồi.

Các cuộc cách-mệnh kinh-tế và xã hội, kỳ thực không phải cách mệnh. Sống như chúng ta đang sống một cuộc sống tuyệt không có ý nghĩa gì đây, trong một thế giới hỗn loạn đảo điên phủ lấy ta này, trong một cõi thế đầy đầy những khổ lụy tày đình, những xấu xa, những bạo hành đây, tất ta phải tự hỏi, hỏi chứ tâm thức con người có thể tự chuyển hoá thực sự hay không. Đây là điều kiện duy nhất khả dĩ giúp ta giải quyết mọi vấn đề của ta. Về tình thương, về thực tại, về chỗ biết coi Thượng đế có hay không có, biết coi nhân loại có thể chung sống với nhau mà đừng xung đột hay chẳng. Để tự khai thị phát giác điều đó bằng tự tâm bạn, bằng chính bản thể bạn, tất cần có sự tự do để phát giác — để nhìn xem, tìm tòi, nhận thức. Đây hẳn là điều kiện tiên quyết : tự do quan sát quán xét, vì cái tự do ấy ta không có được hễ vẫn còn mây may thành kiến, kết luận, vọng động trí thức, tin tưởng và nhất là hễ còn mây may sợ hãi.

Bởi phàm còn sợ hãi dưới hình thái nào bất cứ, là dĩ-nhiên toàn thể tâm-thức không nhận thấy được Có.

người đã lên tận Mặt Trăng: quả là một công trình phi thường. Óc não chúng ta đã có khả-năng hoàn-thành việc ấy. Mà đề đến Mặt Trăng, đề thu thập cái tri thức bao la đến thế về kỹ thuật, tất tâm thức phải hoàn toàn tự-do, đề nhìn xem, quan sát tìm tòi, nghi vấn, hỏi tra, tuyệt không chấp nhận một điều gì cả. Tuy nhiên, về nội tâm chúng ta là những nô lệ; chẳng một mây may tự tại, tự do; ta phải đi diễn lại mãi một khuôn mẫu hàng bao nghìn lần trong các lĩnh vực xã hội, tôn giáo, kinh tế. Và trọng tâm hồn ta, trong tận chỗ thâm sâu của bản thể ta chẳng có chút gì thay đổi. Hẳn chúng ta là những quái vật thời đại.

Hỏi vậy tâm thức có thể nào chứng được cuộc chuyển hóa bao la và tức thời đó chẳng — Cuộc chuyển hóa giúp cho tâm thức sống trong một tinh thần khác hẳn, hầu chẳng còn cái khao khát sợ hãi — tham dục — ấy nữa, sợ hãi vốn hoàn toàn khác biệt với cái đẹp, với cơ triển nở của chân hoan hỉ? Cái sợ hãi chẳng bao giờ nhận được cái hoan hỉ này, vì sợ hãi luôn luôn nhuộm màu sợ hãi. Và cái tâm thức mà bất niệm tiêu sái, tất chẳng thể nào tự tại tự do. Sợ hãi là sản phẩm của tư tưởng mà tư tưởng luôn luôn già cỗi, tư tưởng chẳng hề mới mẻ, chẳng hề tự do — dù ta nói mãi về tự do tự tại. Nhưng sợ hãi, tư tưởng chẳng hề tự do ở bất cứ một giai tầng nào, là vì tư tưởng là cơ phản ứng của ký ức, mà ký ức đích thị là cốt tủy của quá khứ tâm. Gốc rễ của tư tưởng vùi sâu trong

thời gian, mà thời gian xuất phát từ tâm quá khứ.

Dám xin các bạn hãy quan sát điều này, y như nó diễn hiện nơi tự tâm các bạn trong khi diễn giả đang nói đến, chứ đừng chỉ ứng lo đồng ý hay không biểu đồng tình — hai thái độ này chẳng có giá trị gì hết.

Dù với tất cả sự hiện hữu phi thường của nó đó, tâm thức vốn chẳng bao giờ tự nó tìm hỏi xem nó có thể nào tự tại tự do được chẳng nhất là tự do với sự sợ hãi, vì chúng ta đeo mang vô số những bao sợ hãi. Và cái tâm thức mà mang-mãnh sợ hãi hay bị sợ hãi khủng bố tất cũng mang mệnh và bị sợ hãi khủng bố — sợ hãi và sợ hãi là hai điều hầu như đồng nghĩa, hai mặt mà cùng một đồng tiền. Đề hòng phát giác sự thể ấy, ta phải quan sát những niềm sợ hãi đó của mình, đừng lên án chúng đừng áp đảo chúng, đừng lần trốn chúng. Trong sự quan sát, tất không còn phân chia cách biệt giữa người quan sát với món quan sát (năng quán và sở quán), tức bấy giờ ta quan sát ngoài vòng của quá khứ, của tự ngã đích là người năng quán.

Dám xin các bạn, giữa lúc diễn-giã nói đây, các bạn hãy thử nghiệm ngay vì hôm nay chúng ta sẽ quán xét một điều rất đối phức tạp. Nếu không nghiệm ngay từ khởi điểm, ắt các bạn không theo dõi được chỗ kết liễu ở cuối thời nói chuyện này. (Chính tôi cũng không khác các bạn, tôi không biết thời nói chuyện sẽ ra sao). Cái tâm thức mà sợ hãi, ắt tuyệt đối không

được sáng tỏ, bén nhọn, khỏi đảo điên, — do đó tất không hề ngộ được tính đức của niềm hoan hỉ hay của sự tiêu sái.

Vậy cần phải hoàn toàn thoát ly sự sợ hãi, chẳng những ở giai tầng hữu thức, mà tận cả những tầng lớp thâm sâu của tâm là trú sở của cái gọi là tiềm thức. Trong thực tế, phần đông chúng ta không thể tự mình phân tách tự tâm từ từ cho tâm thức sáng tỏ ra được; thì đây chúng ta cùng mở cuộc đồng hành ngắn để nhận thấy ra rằng lối phân tách như vậy vốn vô hiệu. Toàn tiến trình phân tách vốn hư dối, nếu chúng tôi dùng được danh từ «hư dối». Bởi trong tiến trình phân tách hàm sự hiện hữu của người đứng ra phân tách, mà hẩn xuất phát là từ âm quá khứ của ta do sở tri tích tập của ta được tạo dựng; mà chữ hẩn — chỉ nguyên là một mảnh của tâm thức nhất phiến của ta — hẩn tự hào đứng ra phân tách các mảnh khác trong ấy, tức hẩn phân tách đấy từ những tích tập của quá khứ. Vậy, quan sát cái quá trình phân tách ấy ở tự tâm ta — chỉ hành trình rất ngắn như thế — đủ cho ta nhận rõ chỗ hoàn toàn của nó, và giúp tâm ta nhận thức một cách khác.

Người phân tách (năng) và món phân tách (sở) là hai tâm thái phân biệt hai vận hành cùng chuyển trong sự chia sẻ toàn tâm thức. Một mảnh gọi là người phân tách đứng ra phân tách một mảnh khác, lập một kết luận và từ kết luận này, hẩn tiếp tục phân tách xa hơn nữa. Nhưng cái kết luận ấy hầu như chẳng giá trị gì. Và sự phân tách

như vậy hàm có thời gian, vì mọi cuộc phân tách đòi hỏi phải nhiều ngày lắm.

Còn sự phân tách hồi cổ — hay phân tách do một người khác vin ở những giấc chiêm bao và các cái, cũng hầu như chẳng ích dụng gì. Nếu bạn phần nào hay rất mực loạn thần chẳng nữa, sự phân tách có lẽ được chút giá trị nếu nó giúp bạn thích ứng được với cái xã hội vốn dĩ thối nát của ta này — dù là xã hội dân xã hay xã hội Ấn-độ-giáo là xã hội của bạn đây. Thành thử sự phân tách không lấy đem lại tự tại tự do mà được. Ta đào bới càng sâu vào tự tâm, rồi ra càng lún vào một lỗ hút, không hề tự tại được bao giờ. Hoặc nữa, tâm thức tưởng rằng có tự tại tự do ở chốn thiên đàng ở cõi niết bàn hay ở cõi trời nào, mà như thế cũng vẫn còn là một cuộc đào thoát.

Quan sát mà tịnh chẳng phát sinh méo mó, chỉ khả dĩ là khi có một chú tâm hoàn toàn, gồm cả cơ thể, thần kinh, tâm trí, hai tai của bạn. Nếu trú tâm của bạn trọn đủ như thế, bạn sẽ nhận thấy rằng quả chẳng có một thực thể nào gọi được là người năng quán. Bây giờ toàn chỉ có chú tâm.

Tâm thức, cả những tế bào óc não, đã bị trước nhiệm toàn hẩn chất lẫn thề chất của óc não được kiến tạo nhằm cái mục-tiêu là sống còn; điều đó hiển nhiên. Óc não đòi được sống còn, bằng không, hẩn bạn không thể sinh tồn, và óc não đã lập thành một số những phản ứng qua hàng bao thế kỷ tập nhiễm. Mà đây, điều chúng ta tự hỏi, là hỏi xem cơ cấu và bản chất của óc não có thể phát khởi một cuộc

biến đổi gì nơi tự nó chẳng. Và chúng tôi sẽ khai thị — không phải khai thị cho các bạn — chúng ta sẽ đồng cùng tìm học và thấy, nếu được. Khai thị như vậy không phải là việc phi lý, là việc giả tạo, là việc tưởng tượng — vì tưởng tượng như vậy chẳng có tác dụng chi cả trong việc quán xét thâm sâu ; trong ấy chẳng có lý thuyết, chẳng có kết luận, mà chỉ có một vận hành từ dữ kiện này qua dữ kiện khác.

Đề quán xét, cần có mẫn cảm phi thường của tâm thức — và tâm-thức không mấy mẫn cảm bao lâu còn niềm sợ hãi, bao lâu còn có một kết luận, một giáo điều, một tin tưởng — và được vậy thì óc não dù đã trước nhiệm nặng nề bao nhiêu cũng sẽ được hoàn toàn tịch định và sẽ không còn phản ứng theo cách tập truyền chi nữa. Thế thì từ đây câu hỏi là : làm sao phát khởi cơ mẫn cảm ấy nơi tâm thức và nơi toàn thể hệ thống thần kinh, nơi cả thân thể, và làm sao phát khởi cơ tịch tịnh trong các tế bào óc não — một an định hoàn toàn — cho tâm thức tỉnh thức, cực kỳ sáng suốt và mẫn cảm : đấy toàn là những điều đồng nghĩa chứ chẳng phải ba món cách biệt. Tức tâm thức phải được hoàn toàn tịch tịnh và an định hầu nhận thức mà tuyệt chẳng có người năng quán. Cơ thiền là như thế một tâm thức an định, hoàn toàn thanh tịnh, cực kỳ mẫn cảm, và tất nhiên, cực kỳ tơ suốt. Chứng được vận hành như vậy, đích thị là *tham thiền*.

Đề tham thiền, có thể nào ta tuân hành một pháp môn gì chẳng nghĩa là theo một phương pháp, một luyện tập

theo những việc lặp đi nhái lại hằng hằng và hằng hằng trùng tiến tái lập ? Những hành trì như thế có thể nào khiến tâm thức mẫn cảm, linh động, tích cực, tỏ suốt gì chẳng ? Trái lại, các cách ấy chỉ hàn phục khiến tâm thức thiển về máy móc.

Thế thì nhất thiết các pháp môn : nào Thiền, nào Ấn độ giáo hay pháp môn Cơ đốc, toàn là những việc luống dối. Cái tâm thức hành trì theo một pháp môn, một phương thức, một tụng đọc, tất không lầy nhận thấy được điều chân thật. Đây, hẳn các bạn đang nghe thấy có bài nhạc này (có bản nhạc đang vọng ra từ một ngôi nhà kế cận) Thì đấy có một nhạc điệu, và nếu các bạn lắng nghe thật cẩn thận, nếu các bạn có nghe — chẳng những lời ca, mà nghe cái âm điệu, cái âm thanh — là âm thanh ấy có thể tái lập được nơi tâm các bạn. Và tâm thức có thể được cơ chuyển hành của âm thanh ấy mang đi — tức âm thanh ấy đem cho bạn một cảm niệm vận hành phi thường. Và sự thế như vậy, người ta có thể gọi đấy là thiền định ; sự lặp đi nhái lại trùng tiến của một tràng danh từ phát sinh một âm thanh nội tại, và bạn có thể dõi theo, có thể lướt theo hay có thể sống với cái âm thanh ấy.

Nhưng, thế phải là thiền định đấy chẳng : áp dụng một cách thức, một xảo thuật trôi lặn để mình thôi miên bởi một âm thanh hay bởi những câu bài ? Tất cả những lối tham thiền loại ấy toàn là những hình thức thôi miên. Chẳng đưa các bạn đến đâu là đâu cả. Trái lại, chái li tâm thức đi thì có,

tâm thức rơi vào hôn trầm, và đấy là cái tâm thức chảnh đạo đức gì trong thâm nghĩa của danh từ này, đây hẳn chúng ta không nói cái đạo đức xã hội, nó đâu phải cái đạo đức gì chân thật.

Đặc tính của đức hạnh không thể có, khi còn mảy may xung chướng bất cứ thứ nào. Bấy giờ, chỉ bấy giờ, mới có đức hạnh. Những kẻ cố gắng để thành đức hạnh là kẻ thọ nhân duyên hành khắc khổ hãm mình, bởi kẻ ấy sống trong xung chướng. Thành thử các bạn có thể gác dẹp tất thấy mọi pháp môn vốn hàm cái uy lực ; mà cái tâm thức bị trôi huộc bởi bất cứ thứ uy lực nào tất không tự tại tự do ; tức tâm thức ấy không lầy quán sát. Trong công phu gọi là tham thiền cái tham thiền mà thói thường người ta trôi lăn theo — luôn luôn có ý tham cầu chứng đạt chân lý, tham cầu trải qua những tâm thái nọ kia, tham cầu được những tri kiến vân vân...

Bởi mọi kinh nghiệm đều hàm có một người chứng nghiệm, một thực thể tách ra làm người chứng nghiệm. Thành thử khi hẳn trải qua những kinh nghiệm, người kinh nghiệm ấy phải nhận biết mọi điều trong cuộc kinh nghiệm ; bằng không ắt không thể cho là có cuộc kinh nghiệm. Và bởi hẳn nhận biết cuộc kinh nghiệm, thì đấy là một điều đã được biết rồi — sở đắc, sở tri ; thế là cuộc kinh nghiệm đến cho hẳn từ tâm quá khứ. Tâm thức cũng truy cầu kinh nghiệm bằng những chất ma túy — như hiện giờ các mốt ở Tây phương — những ma túy thời thì đủ thứ, để có thể mở những du hành viễn mơ đến tận thiên đàng.

Tức đấy cũng cứ có người kinh nghiệm hẳn khao khát, hẳn truy cầu, hẳn thú hưởng, hẳn ước mong cái kinh nghiệm gì siêu quá, thoát khỏi thượng tầng vũ trụ và gì gì khác nữa ?

Thế nhưng, nếu bạn đuổi tìm những kinh nghiệm, tất bạn sẽ luôn luôn tìm được, nhưng luôn là gặp đấy trong các khuôn khổ và y theo sự trược nhiễm của tự tâm người kinh nghiệm. Tức thị trong đó có cuộc phân chia cách biệt giữa người kinh nghiệm và đối tượng của cuộc hẳn kinh nghiệm và, tất nhiên, luôn luôn có cái tâm thái lăm cầu, dọ dẫm xung chướng. Và chúng ta nói rằng : đó, chẳng phải là thiền định, vì thiền định là tính đức của tâm, là hình thái tối thượng của mẫn cảm, là sự an định hoàn toàn của óc não — đều đích là tích đức của lòng thương. Các bạn thấy chẳng, nếu các bạn có cơ thiền định tại tâm, thì lòng thương là là một món phi thường lắm vậy. Lòng thương không phải là cái sườn khoái lòng thương không mảy dính liú với sợ hãi, cũng chẳng can hệ gì với việc dâm dục. Mà tích là tích đức cốt yếu của cái tâm thức tự tại, nhạy cảm, thông minh của một óc não tịnh chẳng phản ứng theo quá khứ và, tất nhiên, tịch lặng ; là tích đức của tâm nhận biết cái hương vị mà người ta gọi bằng danh từ lòng thương. Chính trong đó, trong chỗ lỏ ngỏ những điều đó, tất có thiền định. Là căn bản của tham thiền.

Chứ ngoài tâm thái ấy, vốn chẳng có đức hạnh : đức hạnh là một vận

hành tuyệt đối không mắc phải mấy may xung chướng. Phải có cái tự tại tự do ấy, phải có niềm từ bi ấy, nếu chính mình phát giác xem có một hay không một thực tại, có hay không cái mà trải hàng hàng bao thế kỷ con người gọi là Thượng Đế : để phát hiện chứ không phải để rêu rao : «Tôi tin nơi Thượng Đế» như kẻ làm chính trị bất lương và đáng tởm, vì hắn nói thể để hòng thủ lợi. Nhưng sự mô tả chẳng phải là món được mô tả. Và để chứng ngộ cái nguyên lý siêu thời ấy, cơ vận hành siêu thời ấy, tất cần có thần lực, cái thần lực không vu vơ vương mấy may xung chướng cái thần lực tự vốn sáng suốt và tỉnh giác lạ lùng. Thế nên thiền định chẳng phải một món ta có thể tập luyện : cơ thiền đích là cơ vận hành của sự sống, một cơ thiền tiếp tục suốt ngày, thấm nhuần tri kiến của ta, thấm nhuần sự quan sát của ta, mọi cư-lâm động-niệm của ta, tất cả những gì ta tiếp xúc. Và để quan sát như vậy, cần một thức tâm tịch lặng.

Vô số vấn đề về cuộc sống kinh tế, nhất thiết những bất công xã hội, những xung đột xé nát con người và đồng loại, người chồng kẻ vợ, tất thấy những xung đột xuất từ những nhóm phái, tất thấy mọi chia rẽ xã hội và tôn giáo: mọi thứ đó quan trọng chẳng là bao. Mà cần thiết là một cuộc cách mệnh, cuộc cách mệnh nội tri, nếu ta muốn một giải đáp cho mọi vấn đề ấy.

Và sự tham thiền như chúng tôi mô tả đây, sự tham thiền ấy cần thiết để tỏ hiểu cuộc sống quá ư phức tạp của ta.

Chúng ta là những con người, chúng ta không phải những nhân hiệu và bởi chưng chúng ta sinh sống trong cái cõi thế âm đạm và đau khổ này, hẳn ta phải tỏ hiểu thế gian, tỏ hiểu những tương quan hiện hữu giữa thế gian và ta, những tương giao đã có. Chúng ta đích là thế gian, thế gian nào vốn cùng ta chia với cách. Cuộc chiến đang tiếp diễn ở Việt Nam, ở Trung Đông, là cuộc chiến tranh của chúng ta, vì chúng ta là những con người đã có cộng tác trong đó. Chứ nào phải phải cuộc chiến tranh riêng của Hoa kỳ hay cuộc chiến tranh riêng của Ả rập Do thái. Mà là cuộc chiến tranh của chúng ta, là trách nhiệm của chúng ta, vì toàn là những con người tham dự trong đó. Bạn phải tỏ hiểu cái người năng quán là chính bạn, bạn phải tự tỏ hiểu chính mình mình chứ chẳng phải nương vịn theo quá trình phân với tách. Bằng sự quan sát như thế, bạn sẽ phát giác ra rằng thấy, tức thị là hành. Chỉ có tâm thức như thổ mới có thể tự mình phát giác xem có hay không thực tại. Cái tâm thức như thế chẳng biết chi những giả thiết, những lý thuyết, những sách vở những giáo chủ, những đệ tử. Tâm thức như thế là cái tâm tiêu sái.

(Nói chuyện ở Ấn Độ, năm 1976)

HÁT BỘI hay HÁT BỘ

TÔN THẮT BÌNH

Vấn đề định danh «hát bội» hay «hát bộ», tuy không gây nên một phong-rào tranh luận quanh nghệ-thuật cổ-truyền này, tuy nhiên, rất nhiều nhà nghiên-cứu về tuồng đã không đồng-ý với nhau về danh xưng trên. Để có một lập-trường dứt-khoát, thiết tưởng chúng ta nên suy xét và phán-đoán các lập luận cả hai phía, để định danh cho ngành nghệ thuật đã một thời vang bóng.

Lập-luận thứ nhất định danh nghệ-thuật hát tuồng là HÁT BỘ. — Đó là lập-luận của một số nhà nghiên-cứu hiện đại như Phạm-Duy, Nguyễn-văn-Xuân. Các bậc thức-giả trên đã căn cứ vào điệu bộ của ngành nghệ-thuật này để định danh xưng. Ông Nguyễn-văn-Xuân đã sử-dụng danh từ «hát bộ» để dễ phân-biệt với các loại trình-diễn sân-khấu khác (1)

Trái lại, các nhà nghiên-cứu khác như Minh-Tâm, Thuần-Phong, Huỳnh khắc-Dụng, Vương-hồng-Sến, và gần đây, ông Hồ-hữu-Tuồng trên tạp chí Phương Đông, đều dùng danh xưng HÁT BỘI, tuy không lập-luận, nhưng các tác-giả trên đã hầu như quen sử-dụng danh xưng này đến độ tự-nhiên. Riêng Ông Vương-hồng-Sến đã bác bỏ danh từ «hát bộ», cho rằng các môn như cải-lương, kịch nói lại không có điệu bộ và ca hát hay sao.

Tìm hiểu về việc sử-dụng danh

xưng «bội» hay «bộ» chúng tôi đã nhờ đến các bậc thức-giả nghiên-cứu về ngành nghệ thuật này. Cụ Thân Văn Nguyễn-văn-Quý đã viết :

Định-nghĩa chữ bội (𢆉) tìm trong tự-vị, tự-điền thì chỉ có chữ bội, chứ không có chữ bộ (hát bộ).

«Đại Nam Quốc Âm Tự Vị Huỳnh-tĩnh-Cửa, in năm 1895 trang 67 thích nghĩa chữ bội; trò bội : cuối ca hát, đám hát, bặt hát.

Việt-Pháp tự điển J.F.M Génibrel, in năm 1898, trang 47, thí h nghĩa chữ bội : bội bè (coméd e) hát bội (jouer la coméd e) (donner une représentation théâtrale).

Pháp Hoa tự-điền Bally BỘI VĂN, nghĩa là nhớ kỹ những tích đã đọc rồi d ễn lại» (2)

Theo Hứa-Thận trong Truyết-Văn Giải-Tự, chữ bội được phân tích như sau :

(𢆉) «Đại đại bội đã, từng nhân từng phạm từng cân, bội tất hữu cân, cân vị chi sức» có nghĩa : đại đại to để mang giắt theo do chữ nhân, chữ

(1) Nguyễn văn Xuân — *Thế kỷ XIX, thế-kỷ của văn học trình-diễn*. Tân văn số 4, trang 13

(2) Nguyễn văn Quý, *Hát bội* — *Đường Nai Văn Tập*, quyển 12, trang 39-40.

phạm, chữ cân hợp lại, mang theo tất phải có khẩu, khẩu đó gọi là đề trang sức.

Phù hợp với lối giải thích trên, những người sống lâu năm và tha thiết với ngành nghệ-thuật này ở Huế, bác La Châu và bác Trần Xuân Dục(3) trong những lần nói chuyện đã giải thích chữ «bội» trong ý-nghĩa tương-tự. Theo bác La Châu, bội là dây đeo ở lưng, các chuỗi ngọc đính trên y-trang của các diễn-viên khi trình diễn trên sân-khẩu tuồng.

Phân tích chữ bội, chúng tôi thấy nó có liên quan đến chữ bài (俳) có nghĩa là hát; do âm Tàu đổi sang Việt thành bội, Bài (俳) gồm chữ nhân (仁人) với chữ phi (非) có nghĩa hát do người bắt chước theo truyện tích mà diễn tuồng chớ không phải thật. Những danh từ liên quan đến chữ bài có bài ưu (俳優) tên một loại hát; bài bài văn (俳諧文) văn chương để hát chơi; ưu-nhân (優人) là nghệ sĩ hát bội.

Bài Ưu do tích Ưu-Mạnh (優孟) người kép hát danh tiếng nước Sở thời Xuân-Thu. nhiều mưu trí, thường ngụ ý châm biếm trong lúc nói cười.

Có lẽ vì vậy, sau này chữ «ưu nhân» được dùng cho nghệ sĩ hát bội chẳng.

Trong văn học sử, danh xưng «bội» cũng thường được sử-dụng. Phạm-Đình-Hồ, trong Vũ-Trung tùy bút cũng gọi là «phường chào bội».

«Đời sau mới bắt chước làm

lối hát văn, mỗi năm cứ đến ngày lễ Vu Lan, những tang gia cho gọi ban hát đến hát đề giúp lễ Tế-Ngu tiếng hát bi-ai, nghe rất cảm động tục gọi là phường chào bội». (4)

Trên kia là các danh từ liên quan đến ngành nghệ thuật cổ-truyền này được phổ biến qua sử sách, điển tịch tự-tiên. Dò tìm nguyên lai danh từ này, chúng tôi đã được nghe cụ ứng dụng giải thích, ngày xưa có chữ bội ca hay bội xướng Lại nữa, tại đình làng, miếu, tới lễ giỗ thần thường có cúng mấy thứ hát bội, trước khi hát có lễ xây chầu đại bội. Ông Tạ-Quang-Phát ở viện khảo cổ cũng cho thêm một ý kiến; theo ông Nguyễn-đất-Thắng ở Bà-Rịa, bội có nghĩa là sâu rộng ở trước đình dùng để dể lễ. Đây là một giả-thiết do ông Tạ-quang-Phát kê lại đề làm rõ nghĩa chữ bội mà thôi.

Dẫu sao, ý-kiến chung của các bậc thức-giả thường lưu tâm đến ngành nghệ-thuật (cổ-truyền này, từ Trung vào Nam đều dùng danh xưng hát bội. Thêm nữa, trong ca dao Việt Nam, cũng như trong thi văn của các cụ nho xưa đều dùng chữ bội cả. Phan-văn-Trị đã viết:

Hèn chi chúng bảo «bội» là «bạc»

Tuy Phan-văn-Trị đã dùng lối chơi chữ, nhưng chữ «bội» quả đã ăn sâu trong tâm rã ông. Phải nghe

(3) Hiện là Trưởng ban ba vũ-đoàn hát Đại nội Huế,

(4) Phạm đình Hồ— Vũ Trung tùy bút quyền thượng, từ 29 b, 30 b

nhiều lần. nói nhiều lần mới dùng trong văn thơ một cách dễ-dàng như vậy.

Lại nữa, trong ca dao của giới bình dân, nhiều câu đã phản-ảnh tâm-trạng mê thích ngành nghệ-thuật cổ-truyền của quần-chúng đề đến nỗi :

Hát bội làm tội người ta

Đàn ông bỏ vợ đàn bà bỏ con.

Phải « hát bội » mới « làm tội » được, làm sao « hát bội » lại có chỗ đứng trong tâm-khảm đám bình dân tuy chân lấm tay bùn nhưng rất giàu nghệ sĩ tích kia. Điều bộ y-trang của sân-khấu cổ truyền tuy là những yếu tố dễ gây thích thú, say mê khán thính giả ngồi dưới, nhưng không vì vậy mà danh xưng « bội » lại tỏ vẻ yếu-kém trước « bộ » vì :

« Trông trâu trâu lộn dây tiêu.

Say mê hát bội, mẹ liêu con hư.

Đàn ông bỏ vợ, đàn bà bỏ con, mẹ liêu, con hư cũng chỉ do hát bội mà ra. Lòng mê say xem hát đã phổ biến rất tận-tình và thật rõ-ràng không một chút e dè, dấu vết. Lại nữa, có được một đức lang quân say sưa cũng gây ra được một hoạt cảnh nao-nhiệt đề người phụ-nữ Việt Nam phải than-vãn cho cảnh chối tai, nhức óc :

Có chồng say như trong chay ngoài bội.

Ngó vô nhà như hội Tầm Vương.

Chẳng hiểu hội Tầm Vương nào nhiệt, lòi cuốn lòng hiểu động của dân-chúng đến mức nào, nhưng quả thành ngữ Việt Nam cũng đã xác nhận, chẳng gì vui hơn là :

Vào chay; ra bội.

Thành ngữ này tả cực đã được sự rộn-ràng, háo hức đợi chờ dịp vui của quần chúng, nhận định này đã có từ lâu và mãi đến bây giờ vẫn còn lưu-truyền, dù bộ môn « hát bội » đã lẫn lộn nhường chỗ cho cải lương, nhưng sự ham mê xem cải lương chưa được một thành ngữ hoặc một danh từ mới nào xác nhận sự tán thưởng nồng nhiệt của đám bình dân. Có lẽ cải lương là bộ môn mới chưa được giới ham mộ sâu đậm in khắc vào tâm-khảm cho bằng hát bội, ngành nghệ-thuật đã xuất hiện từ xưa và phát-triển cực thịnh chỉ cách đây khoảng một trăm năm.



Đến đây, chúng ta có thể đi đến kết luận là tuy hát bội có dùng điệu bộ dễ dề tả trên sân khấu tuồng, nhưng không vì vậy mà phủ nhận danh từ hát bội được. Vì 2 lẽ :

— Lẽ thứ nhất là dùng chữ « hát bội », để chỉ điệu bộ của ngành nghệ-thuật cổ-truyền này, triết-nghĩ không mấy chính đáng, vì như ông Vương-hồng-Sên đã nhận xét, hát chèo cải lương đều có dùng điệu-bộ. Có lẽ các nhà nghiên cứu dùng danh xưng « hát bội » vì lý do điệu bộ của ngành nghệ-thuật này có tính cách đặc trưng, biệt lập và đặc sắc đáng nghiên cứu và tán-thưởng chẳng ? Nếu vậy, các vị trên đã đứng trên phương diện nghệ-thuật mà đặt tên cho một bộ môn văn-nghệ đã đắm « đầu iếm vào tâm hồn quần chúng. Nhưng đám đông quần-chúng này lại thích dùng và quen dùng chữ « bội »

hơn, các câu thành ngữ, ca dao dân trên đã chứng minh điều đó. Hơn nữa, chữ bội cũng không phải là không có nghĩa, vì bội có nghĩa liên quan đến bài có nghĩa là hát bất chúc theo tích mà dễn tuồng chó không phải thất. « Hát bội » quả là hát th o tích trong sử sách, với các vở tuồng pho theo tích của Trung Hoa như Tam Quốc — Mạnh Lệ Quân — Tam hạ Nam Đường — Chinh Đông, Chinh Tây.v.v...

Đứng trên phương diện nghệ thuật mà xét. « bội » còn có ý nghĩa là mang gắt, mang khăn, hoặc đề trang sức, hoặc đề dùng trong khi trình diễn đều liên quan đến nghệ-thuật hóa trang hoặc dễn xuất. Ngày xưa, các tnh tuồng phần lớn thiên về lịch sử, đã sử hoặc có tính cách thần thoại, mà y trang rực rỡ, áo bào lấp lánh, dây đai đủ màu, đủ cỡ là một yếu-tố đập mạnh vào nhãn-quan của đám bình dân nghèo nàn, khiến sao họ không thích thú, mơ ước một ngày nào rồi cũng được hân hạnh trở thành vương, thành tướng như các dễn-viên đang hò hét, ca ngâm, nói lổ trên sân khấu tuồng rộn ràng và đầy màu sắc kia. Bội trong nghĩa dĩa đai đeo bên mình đề trang sức, trình dễn, có ý-nghĩa hơn cả chữ bộ tầm thường và quá lộ lổ.

— Lễ thứ hai là chúng ta không nên thay đổi danh xưng của một bộ môn nghệ-thuật cổ-truyền khi không có lý do chính đáng. « Hát bội » — danh từ đã từng ăn sâu vào tâm-khảm, từ các vị vua quan cho đến bình dân vô học, từ các công trình phân-tích tỉ-mỉ của các nhà nghiên-

cứu ngôn-ngữ, văn-tự đề ghi trong tự điển, cho đến lời nói của các người ở lâu trong nghề. Chúng tôi đã tiếp xúc với nhiều người bằng lưu tâm đến bộ môn tuồng ở miền Trung, đặc biệt là ở Huế, nơi đã một thời thịnh-hành ngành hát bội dưới triều các vị vua triều Nguyễn, thế mà chẳng một ai tán dương và sử dụng danh từ hát bộ, ngay cả trong lối đàm đạo hay viết trong các bài khảo luận, Đoàn Nồng cũng đã viết « Sự tích và nghệ thuật hát bội » để trình bày nghệ thuật cổ truyền này.

Thay đổi danh từ còn có điều hại là văng lớp thanh niên về sau chưa hiểu sâu xa ngành nghệ thuật này, sẽ chỉ nhìn « hát bội » với con mắt thờ ơ, xem nó chỉ có giá trị nghệ thuật ở điệu bộ, mà quên mất « hát bội » thực sự đã bắt rễ từ lâu rồi và lan rộng ra quảng-đại quần-chúng, được thể hiện qua những câu thơ, thành ngữ, ca dao, ngâm xác nhân mãnh-lực lôi cuốn của lối hát tuồng. Hát bội, ngoài sự đặc sắc ở phần trình diễn với lối đặc trưng, còn có một nội-dung phong phú, một sức hấp dẫn lạ kỳ cho quần chúng Việt Nam, khi thoại kịch, cải lương, phim ảnh chưa chiếm chỗ trong bộ môn giải trí của đám đông.

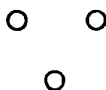
Vì vậy, chưa hẳn điệu bộ đặc trưng của ngành nghệ thuật này đã đủ ma lực hấp dẫn quần chúng, vì phải là người có một trình độ thưởng thức cao mới chú ý đến cách thức trình dễn mang nặng tính chất tượng trưng đặc thù của hát bội. Phần đông quần-c chúng đến xem hát bị vì tình

tiết câu chuyện mang đầy tính chất trung, hiếu, tiết nghĩa hợp với cảm quan, vì tiếng trống chầu rộn-ràng, y-trang rực rỡ, giọng hát, thanh sắc của diễn viên hơn. Điều bộ tượng trưng, nếu trình diễn trên sân khấu, chỉ gây được chú-ý lúc ban đầu, và khi họ đã hiểu thế nào là qua sông, lên ngựa, sinh nở, vượt đèo chắc không còn say mê theo dõi nữa. Chỉ có những kẻ sành điệu, ưa bắt bẻ, hoặc chú ý từng ly từng tý một của các diễn viên, hoặc những ai ưa tìm hiểu, hoặc người ngoại quốc mới đặt nghi vấn mà thôi.

Với một ngành nghệ-thuật của

đám đông, cho đám đông thì cũng vì đám đông mà mặc lấy nhãn hiệu. Danh xưng « Hát Bội » thiết nghĩ xứng đáng là danh xưng chính đáng cho bộ môn nghệ thuật cổ-truyền của đám đông quần chúng Việt Nam.

Khi thành ngữ, ca-dao còn lưu truyền thì « hát bội » không thể mất được ý-nghĩa của nó. Ngành nghệ thuật này đã đồng thời được giới trí thức cùng giới bình dân mặc nhiên xác nhận là « Hát Bội » từ lâu đời cho đến bây giờ; thiết tưởng, danh từ hát bội chỉ xuất hiện để tăng thêm giá trị nghệ thuật, nhưng không thể thay thế danh từ hát bội được.



Nhà thuốc PHƯƠNG - ĐÔNG
KHẢO CỨU THỰC-NGHIỆM ĐÔNG TÂY Y-DƯỢC
THUỐC BỒ
NHẬT VÔ ĐỊCH **CHINOMOTO**

Đã bán ra thị trường mấy chục triệu chai rồi.

Ai đã dùng qua đều công nhận là thần hiệu và vô địch
Do Dược sĩ ĐÀO-SĨ-CHU Thủ khoa Đại Học Toulouse
và Paris tự tay bào chế với sự cộng tác của các phụ tá
Nhật và Việt Nam Đông Dược : M. Yamada, M. Umeda ; Sơn
Diễn và Hà Nông.

Bán tại các nhà thuốc và 10 Lê-văn-Duyệt Saigon

Điện thoại 20.832 và 20.277

Ý kiến bạn đọc

Về tên tuồng

TIẾT CƯƠNG CHỐNG BÚA

THÁN VĂN

*Tòa soạn nhận được thư góp ý của ông Thán Văn về tên tuồng **Hộ-sanh-Đàn** và **Tiết Cương chống búa**, xin đăng lại dưới đây để rộng đường dư-luận :*

Cần Thơ, 13-4-73

Kính ông chủ-bút «PHƯƠNG-ĐÔNG»

Tôi đọc bài của ông Hồ-hữu-Tường nói về ông «Đào-Tấn và Học-bộ-Đĩnh» có đoạn nói về tên tuồng Hộ-sanh-Đàn, và Tiết-Cương chống búa, tôi xin góp vài ý kiến :

Tuồng Hộ-sanh-Đàn trong Nam là «Tiết-Cương phá Thiết-Khưu-Phản». Hát bội Bình-Định thường nói tuồng «Tiết-Cương chống búa».

Đặt tên tuồng là Hộ-Sanh-Đàn, có lẽ soạn-giả nói Kỹ-Lan-Anh, khi thất lạc Tiết-Cương (thất lạc rồi mới để chớ không phải Tiết-Cương cầm cự với Võ-tam-Tư để cho vợ sanh Tiết-Qùi) đau bụng sanh Tiết-Qùi nhờ tiên-thánh hộ trì mà mẹ tròn con vuông. Tuồng viết :

Lan-Anh nói : Thoát thấy tường-vân xán-lạn,
Thiết nhờ tiên-thánh hộ-trì...
Mượn tên cây nụ đặt chữ Tiết-Qùi
(ôi chao ôi, thôi thôi)
Vang hạc núi (có khi) làm binh Võ-thị
(Trăm lạy thiên địa quỷ thần)
Cúi đầu làm lễ,
Nhờ đức cứu sanh....

Tiết-Cương chống búa.— Có lẽ nghệ-sĩ Bình-Định nương theo câu lối Tiết-Cương nói với Lan-Anh khi bị Võ-Tam-Tư vây đánh :

Cương nói : Nguy tai nguy tai, khổ đã khổ đã !
(á phu-nhân, như em nay là :)
Mình mang mền anh càng thêm lo sợ
Chốn rộn-ràng em chớ khá xông pha
(Phu-nhân cứ gắng đi, để mặt anh. Nói thiết :)
Sấn búa thần chống chỏi giữa can qua
Bánh xe quỷ kiếm tìm nơi lâm lánh.
(Võ-tam-Tư đánh rẽ vợ chồng hai ngả)

Lan-Anh nói : phu-quân hà tại ? (châu ôi !)
Thậm thị ưu Kinh, ưu Kinh,
Hốt nhiên thất lạc, thất lạc (rời)
(Phu-quân ôi)

Mang mền ấy mình này phải thoát,
chia phối này trình nợ xiết bao ?...

Tiết Cương lạc vợ, một mình trong chốn nước thăm, non cao, cô đơn,
chống búa than thở :

Sơn trung thân bị mã {
Hải thượng bị cô hồng } (1)

(ôi phu-nhân ôi)

Xiết bao tình người cùm bắc kẻ gành đông
Phải lần bước sớm qua Hồ chiều lại Việt

Qua nam — Lần bước qua Hồ lại Việt

Mặt bờ thờ mái nguyệt cầu sương...

(1) Hai câu này nghĩa : Non chón-chở thương thân ngựa mỗi
Biền minh-mông xót cảnh cô hồng.



Ông Hồ-hữu-Tường viết : «Đào-Tấn gửi bao nhiêu hy-vọng vào thế-hệ
mai sau của dân tộc Việt-Nam».

Ý nghĩ Đào-Tấn ẩn trong câu nam của Tiết-Cương lúc Tiết-Nghĩa bị
bắt bỏ tù xa.

Cương nói : Thế-sự đoản như xuân mộng
Nhân-tình bạc tựa thu vân
Nghiến răng cười, cười cũng khó khăn,
Ôm lòng chịu, chịu càng vui sướng

Qua nam — Vui sướng cho tình cho cảnh,
(Tiết-Giao con ôi, gắng lấy nghe con!)

Ngóng phương trời (chủ đây) gửi gánh non sông...

ĐỊA — ĐIỂM O H S A W A

- Đây đủ sách báo tìm hiểu về phương pháp DƯỠNG SINH OHSAWA.
- Cung cấp các loại thực phẩm dưỡng sinh.
- Sẵn sàng chỉ dẫn những ai muốn tìm hiểu để áp dụng phép dinh dưỡng này.
- Nhận nấu cơm dưỡng sinh theo tuần hay tháng.

Kính mời đến hay viết thư cho địa chỉ :

Quán THIÊN — NHIÊN

115/48, Trương-minh-Ký — Gia-Định (cồng xe lửa số 6 đi vào)

Ý kiến bạn đọc

VỀ CÁI KHÓ CỦA NHẬT NGỮ

NGUYỄN TẤN NHIỀU

Châu-đốc, ngày 24 tháng 08 năm 1973

Kính-gửi : L.M. CHỦ-NHIỆM NGUYỆT-SAN

« PHƯƠNG-ĐÔNG » — SAIGON —

Kính thưa LINH-MỤC n ến,

Thật là một vinh-dự cho tôi khi tôi đã là một độc-giả dài-hạn luôn luôn ái-mộ Nguyệt-san Phương-Đông này, có lẽ vì tôi nhận rõ được đường lối : « Nhìn về quá khứ bằng nghiên-cứu để tìm ra căn-bản Phương-đông của mình » Đó là chủ-trương của PHƯƠNG-ĐÔNG.

Trong số Nguyệt-san 26, tháng 08 năm 1973, tôi kính xin L.M. Chủ-nhiệm vui lòng cho tôi được góp ý-kiến về bài « CÁI KHÓ CỦA NHẬT-NGỮ » của Ông PHAN-KIM-HUÊ, một vị có cái học uyên-bác về Nhật-ngữ.

Trân trọng kính chào L.M. Chủ-nhiệm trong tinh-thần đại đoàn-kế để xây-dựng Quốc-gia và phục-vụ văn-hóa nước nhà.

Thưa ÔNG PHAN-KIM-HUÊ mến,

Thề theo bài « Cái khó của Nhật-ngữ » do ông đóng góp vào Nguyệt-san Phương-Đông, số 26-08-1973, chính tôi đã hết sức sung-sướng đọc đi đọc lại nhiều lần vì muốn đề am-lường những ý-tưởng của tác-giả. Tôi rất đồng quan điểm với ông về « Cái khó của Nhật-ngữ ». Bởi vì hiện nay có nhiều phong-trào hô-hào học Nhật-ngữ, đề mong sau ngày gần đây, Nhật-hồn sẽ vô viếng miền Nam Việt-Nam thân-yêu ta, lúc thời hậu-chiến. Sự đua chen nhau cố lo đề cho được học Nhật-ngữ, đề đi đây đó nói hoặc viết đôi câu Nhật-ngữ, muốn tỏ ra rằng là mình biết Nhật-ngữ khá... Lại nữa tôi cũng đồng ý với Ông về vấn đề « *lạm-*

phát giáo.sư », nào là GS. coi tay, GS. bói bài, GS. nhảy đầm v.v... Thật là làm cho danh-từ GS. không còn đúng với ý-nghĩa riêng-biệt và cao đẹp của nó nữa ! Lại một điểm khác nữa, tôi rất tán đồng quan-điểm với Ông là vấn đề Sinh-ngữ : Anh — Pháp — Đức — Nhật. Hiện nay cũng vẫn còn có nạn « *lạm-phát danh-từ* GS. Sinh ngữ », nào là GS. Anh-văn, GS. Pháp-văn, GS. Mỹ-văn, GS. Nhật-ngữ, GS. Đức-ngữ... Nhưng thật sự có được bao nhiêu người mang đúng danh-từ GS với khả năng vẹn toàn của mình ? Hơn nữa, ban ngày là GS. Sinh-ngữ nhưng tối lại, chính mình là học-sinh, vì phải học với một người bạn khác giỏi hơn, khả-năng dư thừa và rất xứng đáng, đề nhờ giải-thích và soạn bài cho, đề rồi

sáng lại cũng cấp sách đến trường làm GS sinh-ngữ lại cho học-trò. Than ôi!.. Đó cũng là một kiểu GS Sinh-ngữ. Nhất là khi còn các anh lính Mèo trước kia, có những ông thông-dịch viên cho Mèo, Úc, Phi, Đại-Hàn, Tân-Tây-Lan... cũng xưng là GS. Thông-dịch viên đề nào là mở khóa dạy luyện thi Trung-học Đệ I cấp tráng-niên, Tú tài I, II môn Anh-Văn khắp nơi. Nhưng khi dạy, chỉ toàn là nói suông, không cần văn-phạm căn-bản gì cả, còn nếu dạy thêm văn-phạm, thì ôi thôi, văn-phạm lai càng bẽ-bối hơn hữa. Chính tôi có lần đến dự một lớp luyện thi Tú-tài I do một ông GS Thông-dịch-viên, đan, viết những câu tiếng Anh như thế này :

«We don't go eat a rice» : Chúng ta không đi ăn».

«He gos to play : Cậu ta đi dạo mát»
Như thế văn-phạm căn-bản ở đâu ? Thử hỏi có khổ cho các học-viên hay không ?...

Thưa ông, riêng về Nhật-ngữ, chính tôi rất hoàn-toàn đồng quan-điểm với Ông như sau :

a)— Nhật-ngữ khó lắm.

b)— Văn-tự Nhật-ngữ dị biệt lắm...

Chính tôi đã từ lâu (06 năm) nói rằng : Nếu không học Nhật-ngữ thì thôi, mà còn nếu học nó, thì phải học cho đến nơi đến chốn cho am-lường, còn ngược lại, mà học vì phong trào gió mới, học ba, bốn hay sáu năm, sáu tháng Nhật-ngữ, thì thôi rồi, vốn liếng tiêu tan đi mất ngay sau đó vài tháng». Mà đúng thế, nếu ta học theo lối *ROMAJI* thì vô ích ngay, nguy hiểm...

lối này chỉ dùng cho việc thương-mại, người ngoại-quốc học và những nhà cô-súy cho lối này mà thôi.

Thưa Ông, tôi không đồng quan-điểm với Ông về vấn đề như thế này :

a)— Ông chỉ-trích LM. GS. Hoàng-sỹ-Quý về danh-từ Nhật-ngữ : (Ồ dồ : đường Vua), (Butsudô : đường Phật), (Kaidan : Thọ-pháp-đài).

b)— Lại Ông cho rằng : «Nhật-ngữ khó gấp bội so với cổ-ngữ La-Hy, chỉ cần chuyên luyện trong 10 năm về nó (La-Hy) là khá... (Tôi chỉ tóm ý của Ông, xin xem lại NS số 26-8-73).

Tôi xin trình bày cùng ông như sau :

Theo tôi và một vài vị trí-thức đều có nhận xét rằng Ông là người rất giỏi về Hán-tự và Nhật-ngữ đó. Đúng là vậy. Còn riêng về LM. Chủ-nhiệm. Hoàng-sỹ-Quý, chắc có lẽ không phải một nhà Ngôn-ngữ học Nhật như Ông mà có thể am-lường lối Romaji hay Katakana hoặc Hiragana !... Hơn nữa LM. chỉ dựa theo tài-liệu của Ông H. Dumoulin, trong quyển «Sécularization in Japanese buddhism, ACSNB đề mà dịch ra ba (3) danh từ Nhật ngữ theo lối Romaji mà thôi : «Ồ dồ : đường Vua, Butsudô : đường Phật và Kaidan : Thọ pháp đài», chứ đâu phải do Ông LM. sáng tác ra nghĩa của chúng ! Ý của Ông muốn chỉ trích rằng Ông H. Dumoulin là một người không biết tí nào về Nhật ngữ cả, nếu có biết đi nữa, thì là biết theo lối Romaji thôi, và Ông lại chỉ trích LM. như sau : r...Ông không phải chỉ trích LM. mà

muốn trách ai đã dịch sai mà thôi» thì sao Ông lại dùng câu nói «...trước thành phần trí thức chọn lọc (ý nói có Ông nữa) khoa bảng đã dùng, tuy không quan trọng ..» (xin xem lại NS số 26.8.73) Đó là một câu phê bình chứ ? Ông muốn cho LM. và ông H. Dumou vào trong câu, «Similis simile quaerit», đấy Chính Ông chỉ trích rõ ràng, rồi lại cũng chính ông rút lại lời phê-bình đó một cách quá dễ dàng. Thử hỏi Ông rằng :

«Tôi đặt ông vào trường hợp của LM.HSQ, một người không am-tường gì nào về Nhật-ngữ, thì ông phải dịch làm sao cho đúng với ý-muốn cả ba (03) danh-từ đó, theo ý ông ? Có lẽ và đúng là ông sẽ cũng là Hoàng-sĩ. Quý Đệ II... đó mới khổ chứ ?» Xin ông phê-bình lại kỹ hơn tí, để khỏi phải gây ra hiểu lầm... Có nhiều cách phê-bình hay chỉ trích mà không bao giờ gây ra những sự phiền-toái đó... Chính tôi và một số bạn bè khác đều muốn ông nên học lại «CRITICA MINOR và MAJOR» đi...

Sang điểm thứ nhì là ông cho rằng có nhiều người học cô-ngữ vẫn giỏi là vì chuyên cần trong 10 năm (cô-ngữ La-Hy), tuy rằng cô-ngữ đó vẫn khó, nhưng Nhật-ngữ còn khó hơn gấp bội, tức là gấp cả chục lần, cả trăm lần... (Xin xem lại NS số 26-8-73)

Thưa ông, chính tôi và một số bậc khá khá (thua ông) về Nhật-ngữ, nhận thấy những câu ông ghi ra bằng những lối viết : nào là Romaji, nào là Katakana, nào là Hiragana có Kanji phụ-họa v.v... Đặc biệt nhất là trong bốn (04) danh-từ Romaji mà ông viết ra vù cao

loại chữ Katakana ở trong ngoặc, tôi nhận thấy ông rất giỏi về Đức-ngữ, La-ngữ, Pháp-ngữ và Anh-ngữ (Xin xem lại NS số 26 tháng 08/1973). Chẳng biết ông giỏi đến độ nào ? Thật sự xin thưa với ông rằng Nhật-ngữ có khó thật nhưng phải phân-biệt như thế này : — Nếu một người không biết chữ Hán là gì, tôi chắc chắn rằng học Nhật-ngữ khó mà thành-tựu được. Còn ngược lại, nếu ta biết khá (có vốn căn-bản về Hán-tự) chắc chắn ta học Nhật-ngữ mau tiến và kết quả khả quan lắm. Vì chính ông cũng quá rõ về Romaji là gì ? Katakana là gì ? Kanji là gì ? và Hiragana là gì rồi ? Chính tôi không có thì giờ mà phân tích hay viết ra nguồn-gốc của chúng vào đây cho ông được. Nhưng tôi xin cho ông một đáp-số về Nhật-ngữ là : Các Đại-học Nhật-bồn và Trung-học Nhật-bồn vẫn còn áp-dụng lối Kanji với Hiragana đấy ?... Vậy thì những câu của ông đã phân tích trong số 26-8-73, tôi đã am-tường quá rõ-ràng... Tôi nhận thấy không có gì là khó gấp bội so với cô-ngữ La-Hy ?

Tôi xin trả lời với ông rằng Cô-ngữ Tây-phương : La Hy Do thái ngữ là một loại cô ngữ khó vô cùng. Chính tôi đã biết khá nhiều có thể gọi là tạm rành rành thôi (vì còn có kẻ khác giỏi hơn tôi nữa) về La-Hy-Do Thái, vì là môn sở trường của tôi để nghiên cứu về Ngành Ngôn ngữ Nguyên ngữ học (Etymologie) của các sinh ngữ Tây-phương; mà tôi vẫn chưa cho là dễ như Nhật-ngữ đâu. Chính tôi đã điều-luyện với môn La-Hy này trên 15 năm rồi và hiện giờ còn tham khảo

thêm rất nhiều. Ông biết rằng câu văn La-ngữ rất phiền toái vô cùng, đâu có phải như tiếng Anh-Pháp-Đức-Nhật-Y-Tây-ban-Nha v.v... Còn về Hy-ngữ, ông biết rằng chính văn tự của nó viết đâu có giống như La-Anh-Pháp-Nhật v.v... khó vô số kể. Xin thành thật mà thưa với ông rằng : Ông đã làm rồi ! Nếu ông muốn cho rằng : cho dầu Cổ-ngữ La-Hy vẫn khó đi nữa, Nhưng Nhật-ngữ còn khó hơn bội phần. Tôi xin yêu-cầu ông vui lòng cho chính tôi và một số nhà khảo-cổ Ngữ-học được rõ :

a) — Cổ ngữ La-Hy vẫn còn dễ hơn Nhật-ngữ ở điểm nào ?

b) — Rồi Do-thái-ngữ ông cho nó ra sao ? Nếu ông biết ?

c) — Còn về Phạn-ngữ chính-văn của nó (không phải là lối Romani-ser nhè), Kinh Đức Phật khó hay dễ ?...

Nếu ông muốn biết rành về các ngôn-ngữ trên, dễ hay khó, mời ông đến Viện Đại-học Dòng-Tên (S.J.) « COLLEGIUM PONTIFICIUM SANCTI PII X, Dalat », trên Đà-lạt, dự học lớp Dự-bị Sinh-Viên Ban Cử-nhân Triết (Propédeutique) vài tuần rồi sẽ rõ. Hay là ông có thể dự vào ban Thần-học Cử-nhân, năm thứ I hay II để biết về Do-thái ngữ như thế nào ?...

Rồi sau đó ông mới có thể viết lại cái sai lớn lao vô cùng của ông đó. Tôi cũng còn xin thưa với ông về Đức-ngữ, ông cũng có thể cho là dễ hơn Nhật-ngữ hay không ? Chính người Đức, cách đây 94 năm đã có lần tiếp xúc với tôi và một số bạn bè tri-thức, ông ta là một vị Giáo-sư Đại-học Sor-

bonne, dạy về Nguyên-ngữ học Pháp Đức, ông ta cho tôi biết rằng chính ông ta hiện lúc đó vẫn còn phải tra cứu Tự điển về các danh từ khi chia (Déclinaison des mots) danh từ, vì nó rất phiền toái vô song, và văn phạm của nó thì ôi thôi.., diễn ra cái đầu cho các Sinh viên ngoại quốc cả người Đức nữa... Có lẽ đi hơi xa đề, nhưng cũng cần mở ngoặc đề diễn tả cho hết ý tưởng...

Tôi cũng biết rằng ông giỏi hơn tôi và các người khác rất nhiều (gấp bội) về Nhật-ngữ và Hán-tự và các ngôn-ngữ khác vừa kể trên, vì chính Ông đã viết sách.Nhật đề bán, tức là đề dạy các học-viên yêu-chuộng Nhật-ngữ. Nhưng ông chỉ biết có một bên mà thôi, thành thử ông vội kết luận rằng : Cổ-ngữ La-Hy tuy khó, nhưng Nhật-ngữ còn khó hơn gấp bội ». Thật là buồn cười... Và tôi cũng mong Ông viết ra một bài mà do ông đã đề-xướng trong NS Số 26-8-73 rằng : «PHƯƠNG-PHÁP HỌC NHẬT-T-NGỮ» do chính tác giả soạn, đề riêng tôi và một số khá đông độc-giả bốn-phương thọ-giáo được trong ngày gần đây trong các số sắp tới của NS Phương-đông này. Tôi hằng ghi nhớ câu này : « Tôi biết 10 thì cũng có người biết tới 20 ». Nên tôi mới dám xin các vị học-giả khác uyên-thâm trong nước thể nhận nơi đây lời chân-thành của tôi

Chào đoàn kết để xây-dựng trong tinh thần yêu văn-chương.

Châu-đốc ngày 20-8-1973.

NGUYỄN-TẤN-NHIỀU
Trung Học Bình Thạnh Đông Châu-đốc



động hoa vàng

phạm thiên thư

chuông ngân chiều lặng trầm tư
tiếng loi dấm hạt thiên thư bênh bồng
điệu về tay giấu chùm bóng
gót chân đất Phật trở hồng hắng sa



bóng trắng tịch mặc hiên nhà
thành đàn nầy hạt tỳ bà quyện hương
gió thu từ độ tha phương
về trên hốc gỗ bên đường lặng im



áo em vạt tím ngàn sim
nửa nao nước gọi nửa im lặng chờ
gấu nhau từ độ bao giờ
gấp đây giả bộ hững hờ khỏi bay.



tình cờ như núi gặp mây
như sương đậu cánh hoa gầy tiêu dao
tĩnh ra thì giấc chiêm bao
chuyện mười năm cũ lại nao nao lòng



cành sen lá châu sương trong
áo ni xám vạt trời hong buồn về
tay nào nghiêng nón thơ che
tay nào lần chuối bờ đề xanh xao



đôi mày là phương cốt cao
đôi môi chín ửng khóe đào rùng mướt
tiếng nàng vỡ bạc thành thơ
tụng đồng kinh tuệ trên tờ khói máy



tóc em rùng ngát hương say
tay em dài nọ hoa lay đáng ngà
mắt xanh bản nguyện di đà
bước trầm hương nhẹ lẫn tà dương chìm



mắt nàng ru chiếc nôi êm
ra hồn tôi ngủ ngàn đêm tuyết vời
em là hoa hiện đáng người
tôi là cánh bướm cung trời về say.



một đêm nằm ngủ trong mây
nhớ đầu tiên kiếp có cây hương trời
cây bưởi trắng nức hương đời
nụ là tay Phật chỉ người qua sông



non xanh khoác áo sương hồng
con chim diêm tuyết ngoài đồng vụt bay
tiếng kêu lạnh buốt lòng tay
ngón buống lại chợt tuôn đầy lòng hoa.



em bên cửa chuốt tay ngà
cội lan đông mặc nở qua mấy nhánh
ngày em ướp áo hồ xanh
con uyên tha thiết trên cành gọi thu.



ni về khép cửa nhà tu
sớm mai mở cổng quét thu vườn hồng
thu vương ngọn chồi đôi bông
thoảng dâng hương lạ bướm vòng cánh duyên



sur lên chót đỉnh rừng thiền
trong tim chợt thấp một viên tà dương
ngón tay nở nụ đào hương
cầm nghiêng tịnh độ một phương diện vời.

DANH SÁCH ĐỘC GIẢ MỚI

- **KS HÀ DƯƠNG BƯU**, ân nhân, một năm báo 3000đ. Gia-Định.

— Trung tá LÊ XUÂN MAI	KBC. 4654
— SV. NGUYỄN THỊ KIM NGUYỆT	Saigon
— LM. NGUYỄN KHANG HY	Biên Hòa
— LM. HOÀNG VIỆT AN	Long Khánh
— Ô. VÕ QUANG YẾN	Pháp
— Ô. PHẠM PHÚC KHÁNH	Gia Định
— Ô. ĐỖ ĐIỆN THOẠI	Saigon
— LM. LÊ QUANG TRÌNH	KBC. 4190
— LM. NGUYỄN HỮU CƯỜNG	Ba Xuyên
— Linh Mục Chánh Sở nhà thờ Khánh Hưng	Ba Xuyên
— LM. PHẠM XUÂN TRỌNG	An Giang
— LM. VŨ ĐÌNH KHOA	—
— LM. NGUYỄN HỮU MỸ	—
— Ô. NGUYỄN TRÍ DIỄN	KBC. 4821
— LM. ĐÌNH HƯNG LỢI	Đà Nẵng
— HỌC VIỆN ĐA MINH	Thủ Đức
— LM. HUỖNH ĐẮC NHÌ	Qui Nhơn
— SH. CYPRIEN T. V. THIÊN	Cần Thơ
— Th. VŨ ĐĂNG TRÌNH	An Giang
— Ô. NGUYỄN ĐỨC THÀNH	Phan Rang
— Th. NGUYỄN HỮU GIA	Đà Lạt
— BS. ĐẶNG VĂN HỒ	Chợ Lớn
— LM. TRẦN ĐÌNH QUẢNG	Đà Lạt
— SV. NGUYỄN VĂN THANH	Saigon
— Ô. VŨ SỸ	Biên Hòa
— LM. ĐÌNH VINH SƠN	Pháp
— GS. PHẠM HY KHANG	Saigon

(còn tiếp)

DANH SÁCH ĐỘC GIẢ DÀI HẠN MUA TIẾP

— SV. VÕ QUANG ĐĂNG	Pháp
— BS. PAULETTE AIRIAN	Saigon
— Ô. VŨ ĐÌNH DU	Bến Hòa
— Th. NGUYỄN TIẾN HUYỀN	Đà Lạt
— GIÁO HOÀNG HỌC VIỆN	—
— Th. PHẠM QUỐC TUY	—
— Th. TRẦN MINH CƯƠNG	—
— LS LÊ SỸ GIAI	Saigon
— TU VIỆN PHAN XI CÔ	—
— LM. TRẦN MẠNH KHOA	Di Linh
— THƯ VIỆN DON BOSCO	Gò Vấp
— LM. MAI XUÂN QUỲ	Vũng Tàu
— Père DIEUDONNÉ BOURGRIGNON	Vinh Long
— SH. HOÀNG GIA QUẢNG	Saigon
— Th. ĐẶNG CÔNG ANH	Đà Lạt
— THƯ VIỆN XUÂN BÍCH	Huế
— Ô. ĐÌNH VĂN KHÁ	Saigon
— LM. BÙI VĂN ĐỌC	Đà Lạt
— LM. NGUYỄN VĂN NHƠN	—
— Viện Phụ VƯƠNG ĐÌNH LÂM	Thủ Đức
— LM. PHẠM VĂN HIỀN	—
— Frère MARIE IRÉNÉE	Saigon
— DS. NGUYỄN KIM TÔNG	—
— KS. BÙI THANH	—
— Th. TRƯƠNG ĐÌNH TU	Qui Nhơn
— Cô NGUYỄN BẢO HOA	Saigon
— VN. PHARMACEUTIAL OFFICE	—
— LM. TRẦN QUANG ĐIỀM	KBC. 3034
— GS. NGUYỄN VĂN ĐẠO	Ninh Thuận
— Ông ĐÀO TRƯỞNG KHÁNH	Phan Rang
— LM. NGÔ QUANG TUYỀN	—
— Ô. NGUYỄN TẤN LỘC	Gia Định
— THƯ VIỆN ĐẮC LỘ	Saigon
— Ng tu TRẦN THỊ KIM TỬ	Đà Lạt (còn tiếp)

HỘP THƯ

Bạn Lê quốc Sinh (Tuy Hòa) đã nhận được Mộng thiên Thai. Cảm ơn.

Bạn Triều Nguyên (KBC 2094) — Đã nhận được hai bài thơ Không và Giòng sông. Đang đọc. Cảm ơn.

Bạn Lê văn Ba (Vinh Long) — Nếu bạn muốn, tòa soạn sẽ chuyển bài cho một nhật báo.

Bạn Mai Quang (Đà Lạt) Đã nhận được bài thơ Loài Cỏ. Đa tạ.

Huệ Hải giảng sư (Huế) Cảm ơn thịnh tình của thiền sư đã gửi cho PD loại bài về Krishnamurti. Vạn tạ.

Vì nhiều bài, nên số này tạm gác 5 bài thường xuyên :

- 1 Đạo giáo của Nhất Thanh
- 2 Sửa sai cổ sử Đông Nam Á của Bình nguyên Lộc
- 3 Nghi về văn học miền Nam của Nguyễn văn Hầu
- 4 Thiên văn học của Nguyễn văn Thọ
- 5 Công đức, công thờ của Toàn Ánh

Xin chân thành cáo lỗi cùng các tác giả và bạn đọc bốn phương.

PHƯƠNG ĐÔNG

SÁCH BÁO NHẬN ĐƯỢC

Phương Đông trân trọng giới thiệu với độc giả sách báo đã nhận được sau đây :

— ĐÔNG HOA VÀNG, tập thơ của Phạm-thiên-Thư, gồm 100 bài thơ in trên giấy Bưởi Mai, khổ 12x20, trình bày trang nhã, do cơ sở Văn-Chương tái bản. Giá 300đ.

- CHUYỆN TÌNH thơ của Trần-hữu-Nghiêm
- ĐI QUA ĐỜI TÔI, thơ của Xuân Hữu
- TRÊN VÒNG TAY NGƯỜI, thơ của Trần-hữu-Nghiêm

Cả 3 tập thơ đều do Nhập Cuộc xuất bản.

Nhà xuất bản Nhập Cuộc (Huế) do Xuân Hữu và Trần hữu Nghiêm chủ trương có nhã ý tặng bạn đọc Phương Đông một số thi phẩm do Nhập Cuộc xuất bản. Bạn nào muốn nhận xin gửi 50đ tiền phí tồn về Trần hữu Nghiêm, Hộp thư 77 Huế, sẽ được nhận một món quà thơ. Xin gửi thư về trước ngày 31-12-1973.

— TỶ VẾT TÂM LINH tiểu thuyết mới nhất của nhà văn Bình Nguyên Lộc do chính tác giả xuất bản, Nhà Nam Cường phát hành, bìa trước do Văn Thanh trình bày, bìa sau in chữ ký của tác giả. Giá 480đ.

KÉM ĂN MẤT NGỦ

uống

BIO-ACTIN

LÀM MAU ĐÓI, ĂN NGON
LÊN CÂN, DỄ NGỦ

TRỊ: HEN XUYỄN, PHONG NGỬA

(Có bán tại các nhà Thuốc Tây)

số 48/BYT/QCDP ngày 13-7-72

BÉ TALGINE

(B₁ + B₆ + B₁₂)

Chuyên trị :

Bệnh tê-thấp đau thần kinh, đau lưng
các tình trạng suy-kém, yếu tim, phù thũng

t

Laboratoires TÈVÈTÈ SA

136, Yên - Đồ — Saigon

LỚP HỘI HỌA ĐÔNG PHƯƠNG

do Phong trào HUNG GIÁO VĂN ĐÔNG chủ trương

từ khóa tháng 12, cải tổ toàn diện, tối tân hóa

— Xây cất Vườn họa thiếu nhi, xinh xắn, đầy đủ tiện nghi

— Sửa sang lớp người lớn, mua sắm họa cụ đầy đủ

— Chương trình đổi mới, phương pháp hiệu nghiệm, đường hướng đông phương cởi mở, học lý thuyết về mọi ngành hội họa trên thế giới và riêng tại đông phương.

— Tôn chỉ Nghệ thuật vị nhân sinh và dân tộc.

— Do nhiều họa sĩ danh tiếng : Thái Tuấn, Nguyễn Khai, Nguyễn Đề, Nguyễn Trung, Mai Chứng, v.v. phụ trách.

Chương trình học : Chia làm nhiều cấp học, mỗi cấp ba tháng, cấp phát chứng chỉ và văn bằng, có du học và triển lãm thường xuyên.

Có lớp thiếu nhi và người lớn. Chưa đến tuổi trưởng thành, phải có đơn xin của phụ huynh.

Có lớp sáng Chúa nhật và lớp chiều Chúa nhật. Lại có lớp chuyên nghiệp học nhiều lần trong tuần sáng hay chiều.

Học phí — Vì phải có đủ tiền để xây cất và sắm sửa, nên từ khóa tháng 12, lấy 2500đ một khóa ba tháng, lớp người lớn thêm 600đ tiền học thêm một giờ lý thuyết mỗi tuần. Đóng một lần cho cả khóa ba tháng. Tuy thế, vẫn còn là quá hạ, vì không thương mại.

Ghi tên — Khóa mới đầu tháng 12, Ghi tên các ngày Chúa Nhật trong tháng 11-1973 tại văn phòng HUNG GIÁO VĂN ĐÔNG, 161, Yên đồ, Saigon 3, Đ.T. 24592. Mang sẵn thẻ căn cước hay thẻ học sinh, chứng chỉ học lực, đơn xin của cha mẹ đối với vị thành niên.

Triển lãm — Một cuộc triển lãm họa phẩm sẽ được tổ chức tại Vườn họa thiếu nhi từ 25 tháng 11 đến mùng 2 tháng 12. Khai mạc sáng Chúa nhật 25/11 hồi 10 giờ. Vào coi tự do.

ĐẠI-NAM NGÂN-HÀNG

(DAINAM BANK)

Trụ sở Trung-ương, 17 Công-Trường Lâm-Sơn, SAIGON

Đ.T. : 93.444 — 93.445

Với 14 chi nhánh trong toàn quốc

ĐẢM NHIỆM MỌI NGHIỆP VỤ NGÂN - HÀNG

- GIAO-DỊCH VỚI CÁC NGÂN HÀNG CHỈ ĐỊNH TRÊN KHẮP THẾ GIỚI.
- MỞ CÁC KHOẢN TÍN-DỤNG VỀ XUẤT NHẬP CẢNG
- CHUYỀN NGÂN HỐI ĐOÀI
- TÀI TRỢ CÔNG THƯƠNG KỸ-NGHỆ GIA
- TRƯỞNG MỤC TIẾT KIỆM « RỒNG VÀNG » V.V...



- CÔNG VIỆC LÀM NHANH CHÓNG, KÍN ĐÁO
- NHÂN VIÊN LỄ ĐỘ, BẬT THIỆP, TIẾP ĐÓN NIỀM NỠ
- LUÔN LUÔN BẢO VỆ QUYỀN LỢI CỦA KHÁCH HÀNG
- NGÂN HÀNG ĐÁNG TÍN NHIỆM NHẤT.

ĐẠI - NAM NGÂN - HÀNG

TỦ SÁCH HÙNG GIÁO VĂN ĐÔNG

161, Yên-Đỗ — Saigon

Đã phát hành :

- LE MOI QUI ME DÉPASSE SELON LE VÉDÂN-TA... của Hoàng - Sơn Hoàng - sỹ - Quý, Tiến Sỹ Triết Ấn, H.G.V.Đ. xuất bản.
- TRIẾT SỬ ẤN ĐỘ tập I của Hoàng - sỹ - Quý, H.G.V.Đ. xuất bản.
- XÂY DỰNG PHƯƠNG ĐÔNG của Bác sĩ Hoàng - văn - Đức, H.G.V.Đ. xuất bản.
- VĂN ĐỀ ĐỐI THOẠI TÔN GIÁO, của Hoàng - sỹ - Quý, Ra khơi xuất bản.
- GIẢN LƯỢC VĂN PHẠM SANSKRIT của Giáo Sư Hoàng - sỹ - Quý.

— Biên lai chính thức 1034/BTT/NBC/HCBC ngày 26-6-1972

— Giấy miễn ký quỹ 1520/BTT/PTTT/NBC ngày 10-10-1972

— In tại Nhà in LA SAN 45 đường Nguyễn-Thông, — Saigon



MAI HOA

do Trần-hùng-Thụ
(đời Thanh)

Tăng(?)-du-Hòa
sao họa lại